

tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm

KHỞI HÀNH

chủ nhiệm, chủ bút : anh việt trần văn trọng
thư ký tòa soạn : viên linh

Lê Huy Oanh

*MỘT NGƯỜI TUỔI TRẺ KHÔNG
NHƯ NHỮNG NGƯỜI KHÁC*

Từ Hoài Tấn

Vũ Thái Hoàn

TRUYỆN NGẮN

Đặng Phùng Quân

TÌNH YÊU VÀ CÔ ĐƠN

Cung Tích Biền

TRUYỆN DÀI

38

thứ năm 15-1-1970

**tuần báo
KHỞI HÀNH**

**số 38
15-1-1970**

giá : 20 đồng



Paris * 05.2025

Bìa : *Đặng Giao*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

tuần báo

KHỞI HÀNH

Số 38 * thứ năm 15-1-1970

ĐỌC TRONG SỐ NÀY

1. Tòa soạn	11
Thư gửi bạn đọc	
2. Dương Trữ La	15
Thời sự Nghệ thuật	
3. Tú Kếu	42
Ông bà cùng ra	
4. Kết quả chính thức	45
giải văn nghệ tổng thống	
5. Lê Huy Oanh	54
Một người tuổi trẻ không như những người khác	

6. Nguyễn Nhật Duật 72
Độc “ Mã lộ ” của Viên Linh

7. Đặng Phùng Quân 102
Tình yêu và cô đơn

Đoản văn nhiều người viết

8. Nguyễn Thái Ngã 132
Mảnh đất bình yên

9. Huỳnh Thoại Sơn 152
Căn nhà ký ức

10. Phạm Văn Nhàn 158
Trong khoảng trời chiều

11. Dạ Sầu 174
Điệu buồn trở lại

12. Từ Hoài Tấn 180
Hồn mưa muộn

13. Nhiều tác giả Thơ	208
14. Vũ Thái Hoàn Đất hoang	236
15. Cung Tích Biền Trường giang – kỳ 8 (truyện dài)	262
16. Quảng cáo	284

Khởi Hành :

Giấy phép số 358/BTT/BC 26-3-69

Tòa Soạn, trụ sở 225–227 Phạm Ngũ
Lão Sg

ĐT: 25.863

Thư từ, ngân phiếu xin đề tên Chủ
Nhiệm.

Bài vở xin đề tên Thư Ký Tòa Soạn.

Thư gửi bạn đọc

Sau số báo này, tuần lễ sau, cùng lúc với các Báo Xuân khác, Khởi Hành sẽ phát hành Tuyển Tập Mùa Xuân Canh Tuất, Số Tuyển Tập của Khởi Hành dày gần gấp ba số báo thường, bìa in trên giấy trắng, có thể coi là hai số 39 và 40 gộp lại.

Anh em tòa soạn chúng tôi đã làm việc từ trên hai tháng nay cho số Tuyển Tập này. Chưa bao giờ Khởi Hành đã dồn nỗ lực như thế để làm một số báo.

Trước hết là về phần thu thập bài vở.

Có thể nói hầu hết các nhà văn nhà thơ tên tuổi và uy tín đã viết cho Khởi Hành. Có những tác giả chưa viết cho Khởi Hành trong 38 số báo qua, đã viết cho *Khởi Hành số Tuyển Tập*.

Bạn đọc sẽ đọc những sáng tác, những bài tổng kết một năm văn học, những hồi ký về Tết được các tác giả viết riêng theo đề nghị của Tòa Soạn. Các bạn sẽ đọc những truyện ngắn của Nhật Tiến, Nguyễn Thụy Long, Lê Tất Điều. Tạ Tỵ, Nguyễn Ái Lữ, Dương Nghiễm Mậu, Huỳnh Phan Anh.... Các bạn sẽ sống với Hoàng Hải Thủy, Đặng Trần Huân, Phạm Lê Phan qua những hồi ký và phóng sự về Tết, những cái Tết lính, Tết lưu diễn phương xa. Tết về quê. Các bạn sẽ đọc, Thơ của Tô Thùy Yên, Tú Kếu, Tần Vy, Trần Tuấn Kiệt, Tuệ Mai, Vương Tân, Du Tử Lê, Duy Năng. Hoàng Ngọc

Liên, Viên Linh, và đặc biệt một bài thơ bảy chữ của nhà văn Thanh Nam, Bài Xuân Hành mà Thanh Nam đã làm được sau 10 năm không làm thơ. Về tùy bút có Mai Thảo, Kiêm Minh, những người viết tùy bút hay nhất bây giờ. Nhân định Văn Học có Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến, Tam Ích, Nguyễn Nhật Duật.

Đại thể, *Khởi Hành Tuyền Tập Mùa Xuân Canh Tuất* là một số báo mà Tòa Soạn chúng tôi đã coi là công trình đánh dấu những ngày cuối cùng của một năm đang hết, và chào mừng những ngày đầu tiên của Năm đang tới, công trình đó còn sự góp sức của những người cầm bút trẻ, sẽ được gửi tới quý bạn trong tuần lễ sau. Sau đó, ra giêng. Khởi Hành sẽ gặp lại bạn đọc vào ngày thứ Năm 12-2-1970, tức là Mồng 7 Tết.

Tòa soạn

Thư gửi bạn đọc

Thời sự Nghệ thuật

Dương Trữ La

GIAI PHẨM ĐẤT SÁNG XUÂN CANH TUẤT CỦA TVĐ CHIM VIỆT

Chúa nhật 21-12-1969, tại quán ĐALA số 115, đường Đào Duy Từ Cholon, TVĐ Chim Việt đã tổ chức một buổi sinh hoạt văn nghệ để cho ra mắt ấn phẩm thứ hai của Thi Văn Đoàn. Đó là Giai Phẩm Đất Sáng Xuân Canh Tuất 1970.

Giai Phẩm in khổ lớn, trình bày trang nhà, bìa offset bốn màu do họa sĩ Tuy Uyên thực hiện. Nội dung gồm

những bài thơ văn mang nặng tình yêu quê hương và dân tộc trong ước vọng thanh bình. Ngoài 30 bạn thi văn trẻ của Chim Việt, còn có sự đóng góp của Bác Sĩ Nguyễn Anh Tài, Giáo Sư Nguyễn Tinh Tú, Nhà thơ Truy Phong, Huy Trâm, Mặc Hy Hoàng Quốc Hương...

Buổi sinh hoạt có sự tham dự của nhà văn Nhật Tiến, Sơn Nam, Thái Chân, Vũ Bình Thư, nhà thơ Kiên Giang Hà Huy Hà, Huy Trâm, Mặc Thủy, họa sĩ Khương Thanh Cao, họa sĩ Tuy Uyên,... và các ký giả Hồ Nam, Việt Sơn, Trần Phương Hồ, Triệu Tân...

Ngoài ra còn có sự hiện diện của các Thi Văn hữu và các Thi Văn Đoàn bạn tại Thủ đô cũng như từ những tỉnh lẻ về tham dự.

Các nhà văn, nhà thơ, các ký giả đã

góp ý trên diễn đàn về tình trạng của phong trào TVĐ và phong trào ánh hoạt nghệ thuật trẻ hiện nay.

Buổi sinh hoạt đã diễn ra lúc 09 giờ và kết thúc lúc 14 giờ với tinh thần cởi mở và hào hứng.

(tin của TVĐ Chim Việt)

KẾT QUẢ GIẢI THI ĐUA BÀY TỎ LẬP TRƯỜNG VÀ GIẢI PHÓNG SỰ

Nguyệt san Tiên phong và Bán Nguyệt san Chiến Sĩ Cộng Hòa, đã tổ chức lần thứ ba “Giải thi đua bày tỏ lập trường” và “Giải phóng sự”, kết quả như sau;

Giải phóng chiến sự trường (Tiên Phong)

1. Lê Hà Chu. KBC. 3893

2. Nguyễn nhơn Phúc. KBC.3168

3. Đình Quân. KBC. 3420

Giải thi đua bày tỏ lập trường (Đề tài
Tiền Phong)

1. Trung sĩ 1 Nguyễn Tân Kbc.3583

2. (đồng hạng) Trung sĩ I Bùi đức
Hiển – Kbc.3463

2. (đồng hạng) Trung sĩ Lê Viết
Cường – Kbc.4130

Giải khuyến khích: Ô. Nguyễn văn
Pháp – kbc.4543.

Gải thi đua bày tỏ lập trường (Đề tài
Chiến sĩ Cộng Hòa)

1. Thượng sĩ Ngô thành Long – kbc.
4002

2. Ô. Lê văn Hai – kbc. 3228

3. Ô. Đỗ văn Ruy – kbc. 4277.

Giải khuyến khích : Đại úy Trần Trọng Ngà.

Buổi lễ phát thưởng đã diễn ra trong bầu không khí thân mật tại Cục Tâm Lý Chiến sáng ngày 8-1-70, dưới sự chủ tọa của Thiếu Tướng Tổng Cục Trưởng / TC.CT.CT. Hiện diện trong buổi lễ còn đó Đại Tá Hoàng Ngọc Tiêu (Thi sĩ Cao Tiêu) Cục trưởng Cục Tâm Lý Chiến, Nghị sĩ Trần ngọc Nhuận, ông Nguyễn Ngọc Linh, Trưởng Ban Báo Chí học Viện Đại học Đà Lạt.

Thành phần Ban Giám khảo của 2 giải trên như sau: Giải thi đua bài tổ lập trường : Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, Trung tá Trần văn Kha, Nhà văn Nguyễn

Ái Lữ – Giải phóng sự chiến trường : nhà văn Chu Tử, Nhà văn Tạ Tỵ và Nữ ký giả Song Thi.

Một nghĩa cử làm cho tất cả quan khách có mặt trong buổi lễ cảm động là phóng viên Nguyễn Nhơn Phúc phục vụ tại C.T.L.C, người được giải nhì Giải phóng sự Chiến Trường ngỏ ý xin phép trao lại phần thưởng lãnh được (30.000đ.) cho vợ cố Thượng sĩ Sơn Cheo và bà thân mẫu của cố Hạ sĩ Trần văn Tư là thân nhân của hai chiến sĩ thuộc Đại đội Trình sát Dù đã anh dũng tử trận trong cuộc hành quân diệt địch tại chiến trường Tây Ninh.

NHIẾP ẢNH GIA NGUYỄN NGỌC
HẠNH LẠI ĐOẠT THÊM 1 HUY
CHƯƠNG VÀNG

Đại Sứ Úc Đại Lợi R. Linlsang Harry hôm 30-12 đã trao huy chương vàng của cuộc triển lãm nhiếp ảnh quốc tế tại Sydney cho nhiếp ảnh gia Quân đội Nguyễn Ngọc Hạnh, tại Tòa Đại Sứ Úc, lầu 7 khách sạn Caravelle, đường Tự Do, Saigon.

Cuộc triển lãm tại Sydney đã tổ chức vào tháng 11 năm 69 gồm có 46 quốc gia tham dự với 4.685 tác phẩm, Trong số đó chỉ có 228 tác phẩm được trưng bày và nhiếp ảnh gia Việt Nam Nguyễn Ngọc Hạnh đã đoạt huy chương vàng cùng với nhiếp ảnh gia H. Paland của Tây Đức.

Trong dịp này nhiếp ảnh gia Nguyễn Ngọc Hạnh đã trao tặng Đại sứ Harry cuốn Việt Nam Khói Lửa để giới thiệu các hình ảnh chiến đấu chống cộng của quân dân Việt Nam.

Được biết trong năm 1969 Nhiếp ảnh gia Nguyễn Ngọc Hạnh đã đem về cho Việt Nam các giải nhiếp ảnh quốc tế gồm một tượng vàng của Thái Lan, một tượng bạc Ý Đại Lợi, một huy chương vàng của Úc và bốn huy chương đồng của Hương Cảng.

TRIỂN LÃM SÁCH TẠI BA LÊ

Theo nguồn tin chánh thức thì Thủ Tướng đã chấp nhận cho triển lãm sách tại Ba Lê. Và hiện nay Phủ Q.V.K. Đặc trách Văn Hóa đang tiếp xúc với các nhà xuất bản sách trong nước để tiến hành việc này.

Đây là dịp để phô trương sự tự do trong văn chương của chúng ta so với bên kia và cũng để cho thế giới thấy rõ thực chất của chiến tranh Việt Nam, qua các tác phẩm của các nhà văn Việt Nam,

chớ không phải như lâu nay họ chỉ biết chiến tranh Việt nam do những người không phải Việt Nam viết.

Các nhà văn Việt Nam, từ khi có hòa hội Ba Lê, thường ước được sang xứ Phú Lang Sa (Pháp) để tiếp xúc với. văn sĩ quốc tế và nhứt là “đối thoại” với nhà văn phía bên kia. Thôi thì mình đi không được hãy gởi những đứa con tinh thần của mình đi vậy. Dù sao, chắc cũng đỡ hơn những ban “cắt xình” đã xuất ngoại trước đây.

MỖI ĐÃ MUA ĐỨT 400 CUỐN SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ THUẬT

Nhà xuất bản Nghệ Thuật do hai anh Thanh Nạm và Sĩ Trung chủ trương. Mấy tháng trước đây đã trình làng hai quyển : Lính Thành Phố của Dương Hùng

Cường và Khuôn Mặt Sau Lưng của Trần Thanh. Công việc của Nhà Nghệ Thuật rất “bay bướm” hai quyển sách bán rất mạnh. Cuốn Lính Thành Phố của Dương Hùng Cường đã bán hết và cuốn Khuôn Mặt Sau Lưng của Trần Thanh cũng chỉ còn một ít,

Gần đây, hai anh vì bận nhiều việc khác – Tết nhứt tới nơi mà – nên đã cho nhà xuất bản nghỉ xả hơi qua Tết lại tiếp tục. Trong khi nghỉ xả hơi, không biết thế nào mà hai anh lại để cho họ hàng nhà mỗi “mua đứt” bốn trăm cuốn sách nằm trong kho.

Hai anh dặn nói nhỏ thôi đừng nói lớn cho ai biết. Vâng Khởi Hành xin nói nhỏ vậy. Bạn đọc xem tin nầy rồi “đừng nói ai nghe”..

PHIM ĐÔI MẮT NGƯỜI XƯA, DỰ ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH QUỐC TẾ

Việt Nam đã tham dự đệ tứ Đại hội Ấn Độ về Quốc tế Điện Ảnh, từ mồng 5 đến 8-12. Với cuốn phim Đôi Mắt Người Xưa.

Cuốn phim này đã được Ban tổ chức Đại hội chấp nhận vào thành phần dự thi và được chiếu tại Trung tâm trụ sở Hội Nghị Quốc Tế Vigyan Bhavan vào ngày 14-12 lúc 3 giờ chiều, và tại Đại giảng đường Mavlanker Hall vào ngày 17-12 lúc 9 giờ tối.

Giám đốc sản xuất và đạo diễn của phim “Đôi Mắt Người Xưa” là ông Giám Đốc hãng Liem Films cùng với tài tử chính trong phim là Cô Thanh Nga, đều có mặt tại Đại Hội từ 10-12.

Đôi Mắt Người Xưa là tiểu thuyết của Ngọc Linh được đưa lên thành phim ảnh cách đây mấy năm.

BÌNH TUY : TỪ MẶT TRỜI ĐẾN SÓNG NGẦM SANG VƯỢT SỐNG

Gần 3 tháng trời, với sự hoạt động ráo riết của anh em Văn Nghệ Bình Tuy, tờ Mặt Trời thực sự không bao giờ mọc... Trước ngộ nhận và chụp mũ cùng những nỗi khó khăn của sở PHNT, anh em đành bó tay. Đã có lúc người chủ trương định làm văn nghệ đen với tên Sóng Ngầm, Nhưng đa số anh em văn nghệ Bình Tuy đều không tán thành.

Cho nên ngày 28.12.1969, lúc 3 giờ 30 anh em họp mặt tại Kim Châu để khẳng định lại việc nên hay không nên

làm văn nghệ đen. Bên những cốc bia sủi bọt anh em đã phát biểu ý kiến rất hăng say.

Mặt Trời đã ngủ yên. Sóng Ngầm đã khai tử. Giờ đây chỉ còn độc nhấ là Vượt Sống. Vượt Sống là kết cục của MT và SN. Vượt Sống không có nghĩa là đi tìm cái chết, đi về Niết Bàn, hay lên Thiên Đàng. Mà Vượt Sống để mà sống. Sống thực như chưa bao giờ được sống. Vượt Sống sẽ có giấy phép hẳn hoi. Đường đường, chính chính.

Anh em vì quá vui mừng, nên đã biến cuộc họp thành một cuộc trình diễn thơ nhạc. Buổi họp mặt này, TVS đã vắng mặt, nhưng lại có thêm chị N. và các cô P.H,A.Đ. Vì thiếu chuẩn bị nên có những giọng ca còn lúng túng... Anh em đã xen kẽ vào những bài thơ Tiền Chiến rất hào hứng. Người xem chật cả

cửa, anh em phải tự động giải tán sớm để tránh những việc đáng tiếc như lần trước có thể xảy ra. Trong tương lai Bình Tuy sẽ có nhiều quán ẩm áp và trang nhã hơn dành riêng cho những buổi trình diễn văn nghệ. (Trần Hữu Ngư ghi.)

NHÀ THÁI ĐỘ NÓI LẠI VỀ SÁCH TÌNH DỤC VÀ SÁCH CHÁNH TRỊ

Sau khi KH loan tin về quyển Tình Dục 4 của nhà xuất Thái Độ và đã có vài lời hơi “đùa dzai”, thì liền được Nhà này nói lại như sau. Bộ Tình Dục trọn bộ chỉ có 4 cuốn và bán rất chậm, số lượng in chỉ 2.000 cuốn. Trong khi đó những sách về chánh trị của nhà xuất bản Thái Độ lại bán rất chạy, bằng cứ là cuốn Châu Mỹ La Tinh đã in đến 3.000 cuốn và bán gần hết.

Việc này cũng để nói lên trình độ độc giả Việt Nam đã cao và các ông bà xuất bản nào cứ nhắm nhắm vào việc xuất bản sách “câu độc giả” coi chừng có ngày đi đong.

BUỔI NÓI CHUYỆN “BỎ TÚI” VỀ SINH VIÊN HOA KỲ VÀ NỀN HÒA BÌNH VIỆT NAM TẠI HUẾ

Hồi 17g30 ngày 26-12-69 tại trụ sở Tổng Hội Sinh Viên Huế, một buổi nói chuyện với đề tài “Sinh viên Hoa Kỳ và nền Hòa Bình Việt Nam” do Thượng Tọa Thích Mãn Giác – giáo sư môn triết Đông Phương tại trường Văn Khoa Huế. Buổi thuyết trình đã được tổ chức thu hẹp trong vòng thân mật. Số người dự thính vẫn là sinh viên trong các phân khoa của Viện đại học Huế, ngoài ra còn

nhận thấy khá đông các học sinh nam nữ thuộc một số trường lớn tại Cổ đô, đặc biệt có cả mấy em học sinh nhỏ Lục ngũ, điều đó cho thấy khát vọng Hòa bình lúc nào cũng là mong muốn đích thực của bất cứ người dân Việt nào biết ý thức biết đau xót vì máu xương đồng loại đổ từng ngày. Trong phần cuối buổi nói chuyện một vài thắc mắc của cử tọa cũng đã được giáo sư trả lời thỏa đáng. Sau hết anh em sinh viên đã cùng hát một bài ca trong Kinh Hòa Bình của Trịnh Công Sơn. Một điều cần ghi nhận nữa là trong buổi nói chuyện, Tổng hội SV đã phổ biến một tài liệu của Ủy ban Đặc biệt được gửi từ Nữu Ước về phản đối vụ Sơn Mỹ, một vụ án đã làm sôi nổi dư luận ít lâu nay.

Được biết trong những ngày sắp tới sẽ có các buổi nói chuyện khác của

gs/LM Nguyễn ngọc Lan, gs Lý chánh Trung... (Diên Huy ghi)

DẠ HỘI TRÌNH DIỄN HÁT BỘI TẠI TRƯỜNG QUỐC GIA ÂM NHẠC

Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ đã tổ chức một Dạ Hội Trình Diễn Hát Bội tuồng “Lưu Bị Cầu Hôn Giang Tả” do ông Mai Thọ Truyền, Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa chủ tọa hồi 20 giờ ngày 9-1 tại 112 đường Nguyễn Du Saigon.

Tuồng hát bội nói trên do nhóm trẻ Đình Bằng Phi thực hiện dưới sự đạo diễn của giáo sư Huỳnh hữu Hạnh. Thành phần diễn viên gồm : Hữu Thoại, Hoàng Súc, Kim Long, Hoàng Bình, Thanh Mười, Dương Ngọc Bảy, và Kim Ngà.

Ngoài ra, Trường Quốc Gia Âm Nhạc còn tổ chức hai buổi hòa tấu hồi 20 giờ ngày 10 và 11-1 do ban Hòa Tấu trẻ và nhạc sinh Dương cầm trình diễn. Buổi hòa tấu do ông Nguyễn Khắc Cung giáo sư của trường đảm trách và đặt dưới quyền chủ tọa của ông Nguyễn Phụng, Giám Đốc trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Saigon.

TVĐ VỀ NGUỒN QUYẾT... KHƠI DÒNG

Anh em trong thi văn Về Nguồn (Cần Thơ) đang ráo riết thực hiện một tạp chí văn học nghệ thuật của những người viết miền Tây : Khơi Dòng là một tạp chí khổ lớn, xuất bản hàng tháng. Số đầu tiên phát hành vào ngày 15 tháng 1 năm 70 với chủ đề “mùa xuân với con

người”. Đặc biệt có sự cộng tác của nhà văn Sơn Nam và nhà thơ Kiên Giang. Được biết, nhân dịp phát hành, anh Lê trúc Khanh dự định sẽ tổ chức một buổi họp mặt anh em văn nghệ miền Tây, địa chỉ sẽ được thông báo sau.

Khởi Dòng sẽ là tiếng nói chung của những người văn nghệ trẻ miền Tây. Hi vọng Khởi Dòng (chỉ “khởi thôi sao ?) Sẽ xuất bản đều đặn. Anh em miền Tây từ lâu thiếu chỗ múa bút, chắc giờ sẽ hăng say hoạt động nâng cao sinh hoạt văn nghệ của miền – mà vài người đàn anh văn nghệ đã chê bai từ mấy năm nay.

TẠP CHÍ NGƯỜI.. CỦA SÓC TRĂNG

Cũng trong chiều hướng phát khởi

sinh hoạt văn nghệ miền Tây. Bùi văn Bình và Lê trường Giang hiện đang cố gắng thực hiện một tạp chí văn nghệ tỉnh lẻ. Tờ báo có tên là NGƯỜI sẽ được xuất bản bất định kỳ và phổ biến hạn chế. NGƯỜI do nhóm anh em văn nghệ Ba Xuyên chủ trương, và mở rộng với sự cộng tác của anh em khắp các tỉnh miền Tây. NGƯỜI mong mỗi những người làm văn nghệ đã sống ở Sóc Trăng gửi bài về 45 Nguyễn Trãi Ba Xuyên. NGƯỜI sẽ có bài vở của những người nổi tiếng như Trần Như Liên Phượng – Triều Uyên Phượng. Và những người viết mới miền Tây. Nhất là ở Sóc Trăng. (Mục Tử Ca ghi).

NGUYỄN VŨ... “RỬA TAY TREO BÚT” ?

Sau trường thiên “Vòng Tay Lửa”, Nguyên Vũ lại bắt đầu viết trường thiên mới : “Bi kịch Vàng”, mà cuốn thứ nhứt mang tên là : “Cuộc Hành Trình Cuối Cùng”. Cuộc hành trình của người mẹ khốn khổ đi tìm mộ con ngày hòa bình trở lại. Và, theo nhà văn Nguyên Vũ thì đây là tác phẩm rửa tay treo bút của anh. Nhà văn nói vậy... Nhưng chắc ít người tin. “Cuộc Hành Trình Cuối Cùng” vẫn do nhà Đại Ngã xuất bản, Bìa do Phan ngọc Diên vẽ.

TÁI BẢN THƠ

Nhà thơ Mặc Tử vừa cho chúng tôi biết là tập thơ “Trên Đỉnh Thiên Thu” của anh đã bán hết. Hiện anh đang cho lên khuôn tái bản lần thứ hai. Việc này đã làm ngạc nhiên anh em trong làng không

ít. Vì lâu nay thơ rất khó “tiêu” trên thị trường, vậy mà “Trên Đỉnh Thiên Thu” đã “tiêu»... tốt, quả tài thật. Vậy anh em “mần” thơ xứ này yên chí cứ in thơ đi... đọc giả đã khoái thơ rồi đó.

ĐẶNG TRẦN HUÂN

HÃY ĐỂ CHO CHÚNG SỐNG

Cuốn phim này được quay phần lớn ở Phi Châu từ Seychelles, Kenya, Ethio-pie tới đảo Galapagos, về đời sống của những sinh vật hiếm.

Christian Zuber đã quay suốt trong mấy năm trời những sinh vật đang bị đe dọa tiêu diệt.

Những giống kỳ đà, hải cẩu kỳ lạ, những con hồng điều rực rỡ tới các

muông thú khác, gồm trên 300 giống khác nhau hiện ra dưới ống kính kỳ diệu của điện ảnh gia kiên nhẫn.

Trẻ con và người lớn nên đi xem phim Laissez les vivre như coi một sở thú lạ.

Ít ra cũng còn lạ hơn đá mặt trăng !

NHẬT KÝ MỘT NĂM

Đã hai năm nay nhà Larousse, cứ cuối năm lại ấn hành một cuốn sử biên niên lấy tên là Journal de l' Année (Nhật ký hàng năm).

Đây cũng là một thứ sử chép từng ngày như kiểu Đoàn Thêm vẫn làm, nhưng sách của nhà Larousse khổ lớn và có nhiều hình ảnh, in đẹp. Cố nhiên phải in toàn theo lối offset.

Cuốn Nhật Ký Hàng Năm vừa xuất bản dày 412 trang, bán 58 quan, ghi lại những biến cố quan trọng trên thế giới trong thời gian từ tháng 7.1968 tới tháng 6.1969. Tác giả cuốn sách là một tập thể gồm khoảng một trăm nhà báo.

Làm báo, nên có cuốn này lắm. Mỗi khi cần tài liệu thời sự cứ việc dở ra phang lên là được rồi. Đủ cả các biến cố chính trị, kinh tế, tôn giáo quân sự...

Và có một cái mục lục thật dễ kiếm.

BỐN MƯƠI NĂM HÍ HỌA

Cái con số 40 có vẻ nhiều nghệ sĩ mến nó. Mặc Đỗ viết tiểu thuyết Bốn Mươi, Vũ Bằng viết hồi ký Bốn Mươi Năm Nói Láo.

Tại Pháp, họa sĩ Don cũng đã thu nhặt, chọn lọc những tranh khôi hài ưng ý nhất trong bốn mươi năm hành nghề của ông để cho in thành sách với cái tên Quarante ans de dessin (Bốn mươi năm vẽ tranh).

Sách do nhà Pierre Charron xuất bản, khổ lớn 21x27 phân, dày 124 trang trong số đó, gồm các tranh hí họa đen và màu in trên giấy láng. Lần thứ nhất sách in dè dặt thôi có 3500 cuốn.

Don bắt đầu vẽ tranh hí họa năm 1939. Độc giả rất quen thuộc với họa sĩ qua những tranh đăng trên các nhật báo l'Intransigeant, Paris Soir rồi tuần báo Paris Match. Người ta còn được thưởng thức tài ông ở đại lý quán Maxim's nữa. (Cố nhiên là Maxim's ở Ba Lê chứ không phải Maxim's đường Tự Do Sài Gòn, với anh hề vô duyên họ Hoàng).

Năm nay Don cũng khoảng trên dưới bảy chục tuổi rồi. Già mà vẫn còn vui. Và cũng có thể kết luận vui và yêu đời đâu có sợ tuổi già.

HAI CÂY CƯỜI CỦA MÀN ẢNH ĐI ĐÓNG KỊCH

Hài kịch Cash Cash đang được trình diễn tại thủ đô Pháp quốc. Điều đó không lạ. Điều lạ là 2 tài tử hữu danh của màn ảnh Pháp cùng đóng trong vở kịch này. Đó là Darry Cowl và Jean Lefebvre.

Nói tới Darry Cowl không ai có thể quên được, tài tử diễn rất duyên dáng trong phim *Le triporteur* (Cái xe ba bánh) đã chiếu ở Sài Gòn cách đây vài năm.

WALT DISNEY VÀ GIẢI NOBEL

Những phim hoạt họa của Walt Disney được cả thế giới hâm mộ, cũng lần lượt được in thành sách trên khắp thế giới. Ông chết đã mấy năm rồi mà chưa ai quên ông.

Mới đây có đề nghị nên trao giải văn chương Nobel cho ông. Phiên một nỗi, theo điều lệ, giải Nobel không trao cho một người đã chết.

Nhưng biết đâu chả có ngày điều lệ được sửa đổi. Và khi đó có trao cho Walt Disney chắc chả có ai phản nản như trường hợp Samuel Beckett năm 1969.

ÔNG BÀ CÙNG RA

(Ông chủ tịch và bà phó chủ tịch T.V.
đều bốc được thăm về vườn)

Buồn nhỉ, chủ tịch ơi

Đành rút ra vậy nhé

Ta về nghỉ xả hơi

Xua gà cho nó khỏe !

Công danh đành dứt đoạn

Số cù không may rồi

Cụ đi buồn năm phút

Ghế mốc để ai ngồi ?

Nghị trường ai nện búa ?

Ai rung hồi chuông reng ?

Cụ đi cùng bà phó

Một đôi lốc cốc keng!

Ông đi bà đi theo

Ông rút bà cũng rút !

Hội trường sẽ nhạt phèo

Còn cóc gì vi vút.

Chủ tịch cứ bình tĩnh

Rút ra rồi sẽ tính

Bà phó rút theo ra

Số trời đường đã định !

Luyện tiếc mà làm chi

Bây giờ tạm “về” đi

Mai một ra lần nữa

Cho biết sức nam nhi !

Dù nam nhi lỵ khỵ

Việc nước kém ai nào ?

Bền dẻo ông thừa đủ

Bền dẻo bà thua sao ?

Nếu ra thêm lần nữa...

Tú Kếu

KẾT QUẢ CHÍNH THỨC GIẢI VĂN NGHỆ TỔNG THỐNG

Khi Khởi Hành lên khuôn, Giải Văn Nghệ Tổng Thống chỉ mới có kết quả chính thức các bộ môn Âm Nhạc, Điều Khắc, Hội Họa, Nhiếp Ảnh. Ba bộ môn Văn, Thơ, Biên Khảo, Kịch, Phim chưa có. Nghe đâu vì Ban Tổ Chức tới giờ chót cho biết không đủ tiền trao giải kịch riêng, nên muốn sát nhập Kịch vào Văn, nhưng Ban Giám Khảo hai bộ môn này đã chấm xong hai bộ môn có giải riêng biệt, thành ra giờ này chưa rõ Ban Tổ Chức sẽ giải quyết như thế nào. Kết quả ba bộ môn Văn, Thơ, Biên Khảo mà chúng tôi loan dưới đây tuy đúng nhưng chưa đủ (chưa

biết nhan đề các thi phẩm đoạt giải nhất và tư đồng hạng và các cuốn biên khảo đoạt giải nhì và ba).

VĂN

Đúng như Khởi Hành dự đoán trên sổ trước, nhà văn Đỗ Tiến Đức đoạt giải nhất với tác phẩm Má Hồng. Kết quả toàn bộ như sau :

Nhất : Má Hồng của Đỗ Tiến Đức

Nhì : Y Sĩ Tiên Tuyến của Trang Châu

Ba : Trại Đầm Dùn của Trần văn Thái

THƠ

Nhất : Lời Gửi Cây Bông Vải của Trần Tuấn Kiệt (đồng hạng nhất là một

thi phẩm của Hoàng Thoại Châu)

Tư (đồng hạng) : Tường Linh và Lê Minh Ngọc.

BIÊN KHẢO

Nhất : Cười, Nguyên chất và thực chất của Bác sĩ Dương Tấn Tươi.

ÂM NHẠC

Không có tác phẩm dự thi nào về Nhạc cổ truyền Việt Nam trúng giải thưởng cuộc thi Văn Học Nghệ Thuật (1967-1969) do Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa chủ xướng và bảo trợ về bộ môn Âm Nhạc.

Ban tổ chức giải Văn Học Nghệ Thuật của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa cho biết, sau phiên họp chốt hôm 5-1-1970, Ban Giám Khảo Giải Âm Nhạc đã chọn

ba nhạc phẩm Tây Phương (loại A) là : “ Giai điệu hợp tấu số 2 ” của Nghiêm Phú Phi, đoạt giải nhất. Phóng khúc “ Chân Trời Tự Do ” của Vũ Thành và nhạc Thính Phòng “ Ngũ Tấu Khúc ” của Văn Giảng đoạt hai giải nhì đồng hạng.

Kết quả nhạc Tây Phương loại B, đơn điệu, không có tác phẩm nào đoạt giải nhất. Nhạc phẩm “ Phụng Sự ” của Lê Văn Khoa, đoạt giải nhì và nhạc phẩm “ Tiếng hờn Lam Sơn ” của Huyền Linh đoạt giải Ba.

ĐIỀU KHẮC

Về bộ môn «Điều Khắc Hội đồng giám khảo sau phiên họp 29-12-1969, cũng đã quyết định Không có tác phẩm dự thi nào đoạt giải Nhất.

Giải nhì về Điều Khắc thuộc về Trần

Văn Nhân, với tác phẩm “ Niềm Tin ”, hai giải Ba đồng hạng là Tượng “ Vọng Phu ” của Nguyễn Văn Khoát và Tượng “ Hồi Tưởng ” của Lê Minh Hiệp.

Có 43 điều khắc phẩm gửi về dự thi, Ban Giám Khảo đã quyết định lựa chọn sáu tác phẩm (được vào chung kết) để cho triển lãm.

HỘI HỌA

Ban Tổ chức Giải Văn Học Nghệ Thuật 1967-1969 do Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa chủ xướng và bảo trợ cho biết về kết quả giải hội họa không có họa phẩm nào đoạt giải nhất sau buổi chấm thì ngày 18-12-1969 của Hội đồng Giám Khảo.

Có hai họa phẩm đoạt giải nhì đồng hạng là bức tranh sơn dầu “ Người mù ”

của Lâm Thanh Thủy và bức tranh lụa “
Hoa thanh bình” của Lâm văn Bình.

Bức tranh sơn dầu “Chúa Cứu Thế”
của Trần văn Nhơn đoạt giải ba.

Có 203 họa phẩm gửi về dự thi, Hội
Đồng giám khảo đã lựa, chọn 30 tác
phẩm (được vào chung kết) để cho triển
lãm.

NHIẾP ẢNH

Hai tác phẩm nhiếp ảnh “Hãy mưa
trong lòng em” của ông Trì Trình Huê và
“Hương lửa đầu xuân” của ông Nguyễn
Xuân Tính chiếm hai giải nhất cuộc Thi
Nhiếp Ảnh giải thưởng văn nghệ 1967–
1969 dưới sự bảo trợ của Tổng Thống
Việt Nam Cộng Hòa.

Tác phẩm “Hãy mưa trong lòng em”
thuộc loại đen trắng, và “Hương Lửa

Đầu Xuân ” thuộc loại ảnh màu.

Về loại ảnh đen trắng, tác phẩm mang tựa đề “ Thương cha thù giặc ” của Nguyễn Thị Ngọc Hạnh chiếm giải nhì và tác phẩm “ Băn khoăn ” của ông Lê văn Khoa chiếm giải ba.

Ngoài ra còn có ba tác phẩm khác được trao bằng danh dự mang tựa đề “ Ông Già ” của Hữu Đức, “ Trầm tư mặc tưởng ” của Trần Đại Quang và “ Đồ gốm ” của Thông Tín.

Về ảnh màu, tác phẩm “ Năng lực giáo đường ” của Lưu Hồng Phúc chiếm giải nhì và “ Pháo binh ” của Ngô Liên, chiếm giải ba.

Ba tác phẩm nhiếp ảnh màu được trao bằng danh dự là “ Cô đơn ” của Đỗ Đức Hiền ; “ Khúc Thánh Ca ” của Linh

Mục Nguyễn Thế Hòa và “ Nghỉ ” của Đôn Hằng Oai.

Cuộc chấm thi nhiếp ảnh giải thưởng của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đã diễn ra từ 18 giờ 30 đến 23 giờ 30 ngày 3-1 vừa qua tại Câu lạc bộ Trung tâm Báo chí.

Ngoài ban giám khảo gồm năm vị còn có gần 100 tác giả gửi tác phẩm dự thi được mời đến chứng kiến cuộc chấm thi.

Giải nhất về bộ môn nhiếp ảnh cho mỗi loại (đen trắng hoặc ảnh màu) được thưởng một khoản hiện kim là 50.000\$, giải nhì 30.000\$, và giải ba 20.000\$.

Trưởng ban tổ chức, cuộc thi nhiếp ảnh là Nhiếp ảnh gia Quân đội, Thiếu Tá Nguyễn Ngọc Hạnh (ARPS) và ban

Giám khảo gồm thêm các ông Nguyễn Mạnh Đan (ARPS), Nguyễn Cao Đàm (ARPS), Trần Việt (ARPS) và Nguyễn văn Chiêm (HNAVN).

Có tất cả 618 tác phẩm nhiếp ảnh của 102 tác giả gửi về dự thi, trong số có 165 bức ảnh màu.

MỖI THỨ NĂM MUA KHỞI HÀNH,
MỖI THỨ BẢY BẠN CÒN NÊN ĐỌC :

DIỄN ĐÀN

TUẦN BÁO CHÍNH TRỊ KINH TẾ
VĂN HÓA XÃ HỘI
VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Chủ nhiệm : TRẦN NHƯ THUẦN

Chủ bút : VIÊN LINH

MỘT NGƯỜI TUỔI TRẺ KHÔNG NHƯ NHỮNG NGƯỜI KHÁC

Lê Huy Oanh

Đó là một cậu trai mới lớn, rất hồn hào rất bướng bỉnh nhưng lại có một khuôn mặt thiên thần, trên đó, một vầng trán thông minh, một đôi mắt mơ ảo, một khóm miệng khinh thế ngạo vật. Mái tóc rậm, bù xù, dựng lên trong gió. Cậu ta bỏ học đường, đi lang thang áo quần nhàu nát. Có những đêm ngủ trên ghế đá công viên. Cũng có khi ngủ ở ven rừng. Nằm ngắm những đám tình

vân mù mịt trên trời, mỗi mắt rồi ngủ, khi tỉnh dậy thì mặt trời lên cao.

Rừng xanh hoang vắng rì rào trong ánh nắng. Chim hót véo von. Cậu vẫn nằm trong đám cỏ còn ướt sương, nhìn những miếng trời xanh thấp thoáng trong đám lá. Trỗi dậy, có lẽ chẳng thềm nhặt những mũi cỏ may trên quần áo, cậu ra suối vục nước xoa lên mặt rồi lại đi. Đi đâu ? Quán trọ là đám Đại hùng tinh, cậu Tí hon mơ mộng ấy vừa đi vừa rắc những vần thơ thay vì rắc những viên đá cuội.

Cậu vừa đi vừa mơ mộng tới những tình yêu huy hoàng rực rỡ. Rồi ngày tàn, mặt trời đã chìm xuống phương Đoài. Cậu lại ngồi xuống lề đường, lắng tai nghe những tiếng động của buổi tối. Những giọt sương đọng trên trán cậu

khiến cậu ngất ngây choáng váng như vừa uống rượu. Cậu ôm bàn chân lên ngực, bật những sợi dây giày như bật một cây huyền cầm đánh nhịp cho những vần thơ đang nảy sinh từ tâm tưởng cậu, Có những lúc cậu tưởng mình là một con tàu say, một con tàu lão đảo trôi trên những mặt sông thần nhiên, hai bên bờ đang có những toán người da đỏ vác khí giới đuổi theo hò hét.

Con tàu rời cửa sông, ra khơi, trôi vô định trong các đại dương. Những hoàng hôn mơ ảo, những bình minh rực rỡ. Sóng xà cừ, nước rượu mạnh. Những núi tuyết kỳ ảo. Những vầng mặt trời lóe ánh bạc hoặc điểm những vết kinh hoàng huyền bí. Những bầu trời lò lửa ban ngày. Những đêm xanh rờn lẫn với tuyết trắng thấp thoáng ánh lân tinh. Rồi những cơn dông tố, sấm, chớp, những

cột nước, những làn sóng giận dữ. Con tàu lắc lư, loạng choạng, lạc hướng giữa cảnh cô tịch. Con tàu say.

Khi người ta mười bảy tuổi, làm sao người ta có thể đứng đắn được. Cậu bé tự nhủ như thế. Và trong bước lang thang, cậu hút xì gà, cậu uống bia bốc, cậu ngắm gái đẹp và thèm ngủ với họ. Cậu có một người bạn rất thân, hơn cậu mười tuổi. Người bạn đó là một bợm rượu, có bao nhiêu tiền cúng cho các tiệm rượu cả. Người đó cũng là một thi sĩ, thi sĩ cỡ lớn, rất lớn, đã từng được người đương thời tôn là Prince des poètes.

Người bạn đó có một cô vợ xinh đẹp, trẻ trung, hiền dịu mà ông ta đã có những thời kỳ mê say lắm lắm. Khi ông gặp chàng trẻ tuổi nọ, ông kết bạn với cậu ta, rồi ông bỏ nhà cửa, bỏ vợ con, cùng với cậu ta đi giang hồ vất. Nói là

vật, nhưng thường khi đi cũng xa lắm. Sang Anh, sang Bỉ. Gã lớn mê gã nhỏ có lẽ còn hơn là mê vợ. Người ta đồn hai gã thực hành cái trò đồng tình ái gì gì đó. Có sao đâu, ngủ mãi với đàn bà chán quá rồi. Ông lớn tuổi đưa ông nhỏ tuổi vào các quán rượu. Và ông nhỏ tuổi cũng học uống rượu mạnh. Uống rồi say, say rồi gây gỗ, đập lộn với những người khác : Chửi bới, văng tục thả dàn ; đôi khi vác chai vác ly liệng loạn xạ. Không hiếm những khi dao được rút ra. Có cái may là họ hung hăng càn rỡ như vậy mà chưa giết ai. Họ mới chỉ là những du đảng thuộc loại hiền.

Nhưng mà là du đảng thứ thiệt chứ không làm dáng. Đập lộn với thiên hạ chán rồi họ quay ra đánh lẫn nhau. Đánh nhau hăng lắm. Yêu nhau lắm tất phải cắn nhau đau. Hai người bạn xô xát kịch

liệt, nguyên rửa nhau thậm tệ, tặng nhau những đòn thẳng cánh. Đánh nhau chán chán chán tay rồi họ ngồi nghỉ, để mà thở. Họ giận nhau như kiêu không muốn đội trời chung. Nhưng họ làm lành với nhau rất mau. Lại đi kè kè với nhau, thương mến nhau, đêm đêm lại ôm nhau ngủ. Thương yêu nhau chán rồi lại thấy cần phải độc ác với nhau. Họ lại đánh nhau dữ dội và có một lần gã lớn tuổi có lẽ vì đang say rượu, rút phăng ngay khẩu súng lục trong túi ra bắn gã trẻ tuổi hai phát khiến y bị thương. Nhà chức trách can thiệp, gã lớn tuổi bị kết án hai năm tù và bị giam trong một ngục thất ở Mons. Nằm trong nhà giam, ông ta buồn đau hồi hận. Vợ ông, khuyên can ông mãi không được, chán ông quá lên đòi ly dị ông. Và người bạn trẻ của ông tất nhiên đã xa ông. Nằm trong nhà giam, ông ta nhớ vợ thương bạn, nhớ ghê lắm, thương

ghê lắm đến độ phải cầu mong sự yên ủi của Thượng đế.

Không còn bạn nữa, nhưng gã trẻ tuổi vẫn ra lối sống giang hồ phiêu bạt. Cậu ta dần dần lớn hơn lên dĩ nhiên. Cậu đã lớn hơn lên, vậy từ bây giờ chúng ta gọi cậu là chàng cho tiện. Chàng ta chết yếu, hưởng dương được có ba mươi bảy tuổi, nhưng suốt từ năm mười sáu tuổi cho đến năm già biệt cõi đời, chàng sống cuộc đời lang bạt kỳ hồ. Sau khi bạn chàng vào nằm trong tù rồi, chàng không đi giang hồ vặt nữa, nhưng đi giang hồ dũ dẩn hơn, làm những chuyến đi xa, sang Áo, sang Đức, sang Hòa Lan, rồi Thụy Điển, Đan Mạch, rồi nhiều thị trấn ở Trung đông, và tới cả đảo Chypre. Qua rất nhiều sa mạc, rừng rậm, núi cao. Để kiếm miếng ăn, chàng đã làm đủ nghề, cao quý cũng có, hèn mạt cũng có,

lương thiện cũng có mà bất lương cũng có. Chàng đã từng dạy học, rồi làm phu khuân vác ở bến tàu, thợ mỏ, đăng lính đánh mướn, và còn làm lái buôn nữa chứ, buôn đủ thứ: ngà voi, cà phê, xạ hương, tơ lụa, vàng và cả súng nữa.

Phần lớn là buôn lậu, nên thường phải bôn ba đây đó, không hiếm những lúc gặp cảnh gian nan nguy hiểm, có thể mất mạng như chơi. Nguy hiểm những đây thú vị, hấp dẫn. Khuôn mặt trắng trẻo của chàng trai mảnh khảnh ấy dần dần sạm lại vì phong sương. Râu ria mọc dài, và tóc vẫn bù xù, vẫn tung bay trong gió. Người ta thường gặp chàng cưỡi ngựa đi trong sa mạc hoặc trong những cánh rừng, lưng dắt đầy vàng. Mưa và nắng. Xuân Hạ rồi Thu Đông, chàng ta sống cuộc đời phiêu bạt, đi, đi, đi hoài đi cho đến lúc hai đầu gối sưng lên, sưng và

đau đến tới độ không đi được nữa, anh chàng phải trở về Pháp, vào nằm trong một nhà thương tồi tàn ở Marseille và chết ở đó.



Chàng trẻ tuổi ấy đâu phải người xa lạ với chúng ta: đó là một nhà thơ Pháp Arthur Rimbaud. Còn người bạn thân nhất của chàng, kẻ đã tặng cho hai viên kẹo đồng khiến chàng suýt vong mạng,

cũng chẳng phải ai xa lạ. Các bạn đã biết là ai rồi. Paul Verlaine, phải không ?



Tên tuổi của Rimbaud đã lấy lòng từ gần một thế kỷ nay. Các người đương thời với chàng cũng như hậu thế, mỗi khi

Một người tuổi trẻ không như những người khác

nói tới chàng đều phải nể vì kính mến. Trong văn giới quốc tế, khuôn mặt Rimbaud rực rỡ quá, sáng láng quá. Hầu như tất cả mọi người yêu văn chương, làm văn chương, kể cả những tay cự phách nhất, hách dịch nhất, hỗn hào nhất, cũng đều phải kính nể Rimbaud.

Còn ai hách hơn cái ông Valéry, kẻ đã đưa triết học vào thơ, kẻ chủ trương tạo cho thơ một bản chất trí thức thuần túy, ấy thế mà đã phải tự nhận là môn đệ của Rimbaud và đã tuyên bố đại khái là suốt mấy chục năm nay chúng ta xoi toàn chất Rimbaud. Còn ai hỗn xược bằng mấy ông thi sĩ siêu thực, những kẻ chuyên phá phách thật lực, chửi bới hết “ga”, không còn biết coi ai ra gì cả, ấy thế mà vẫn phải coi Rimbaud là bậc tiên khu (précurseur) của phong trào siêu thực. Cả đến cái ông văn hào Mỹ Henry

Miller, oai danh sừng sững như trái núi cũng đã ca tụng Rimbaud không hết lời. Ảnh hưởng của Rimbaud đã bao trùm một phần tư thế kỷ trước và suốt cả thế kỷ này.

Thiên hạ kính nể Rimbaud đến như vậy phải chăng vì chàng là một thứ du đảng biết cưỡi ngựa, biết bắn súng, thích buôn lậu và mới tí tuổi đầu đã nốc rượu mạnh, hút xì gà và đập lộn như cơm bữa; phải chăng vì chàng ưa sống lang thang phiêu bạt và chịu làm tình theo cái lối trái hẳn luật âm dương với người bạn mà chàng ngưỡng mộ và yêu mến mặc dầu thường đập lộn thẳng cánh với bạn ; phải chăng vì chàng có dáng dấp thanh tao gọn gàng, có khuôn mặt dễ thương, có đôi mắt mộng, có mớ tóc rối bù dựng lên trước gió ?

Có lẽ đúng. Cái kiểu sống thác loạn, trật đường rầy ấy nếu là của một thường nhân thì có lẽ không ai thèm để ý, nhưng của một nghệ sĩ tài danh như chàng thì hình như nó có vẻ quá đẹp. Cái lối sống thác loạn bừa bãi của Rimbaud ngấm ra ta thấy nó có rất nhiều nhân tính, nói nôm na là rất người, mà đã rất người thì cũng rất thật. Rimbaud, cũng như bạn chàng đã sống tự nhiên, đã hết sức thành thực với lòng họ, nhất là những khi họ yếu đuối để cho đam mê chế ngự.

Nhưng đó mới chỉ là nguyên do phụ. Cái nguyên do chính khiến người ta kính trọng Rimbaud là thi tài của chàng, một thi tài được rèn đúc trong một khối óc sáng suốt của nhà thơ muốn tạo cho nghệ thuật những giá trị mới. Do đấy, chàng đã cố gắng tìm những lãnh vực hoạt động mới cho thơ. Con người ấy ;

vốn phiêu lưu lang bạt ở ngoại giới, đã mở những cuộc mạo hiểm trong nội giới, đi vào thăm những vùng tối tăm u ám của tâm hồn. Chàng ta cho rằng từ trước tới nay, nghệ thuật mới chỉ nói ra những hiện tượng bề ngoài của cuộc sống vì thế nghệ thuật đó có vẻ hơi hợt, phiến diện không phát biểu đúng cái bản thể của cuộc đời.

Vì vậy chàng chủ trương đi sâu vào địa hạt chưa từng ai tới được trong tâm linh. Đối với chàng, nhà thơ cần phải là một kẻ thấu thị (un voyant) có khả năng nhìn bao quát tất cả tâm hồn con người; tâm hồn ấy không chỉ là phần ý thức mà thôi, nó còn bao gồm cả phần vô thức và tiềm thức hoặc có thể có thêm những lãnh vực nào khác nữa mà người ta chưa đặt tên được vì chưa tri thức được hoặc tri thức chưa đúng.

Nghệ sĩ phải cố gắng phát biểu những cái mà từ trước người ta coi như không thể phát biểu được, phải biết tới những cái vốn được quan niệm là bất khả tri; phải nghe thấy không những những “tiếng động” trong tâm hồn mà cả những “im lặng” của tâm hồn. Để có thể trở thành một kẻ thấu thị, nghệ sĩ phải lợi dụng những ảo giác của mình, bắt những giác quan phải đi chệch ra ngoài những lối mòn, xét lại hệ thống lý luận cố hữu của mình.

Và để có thể phát biểu được những cảm giác mới, những tri thức mới, những khám phá mới, những quan điểm mới nhà nghệ sĩ cần phải có một ngôn ngữ mới, chứ không thể dùng một ngôn ngữ cổ truyền. Muốn có ngôn ngữ mới đó, trước hết phải thẩm định lại giá trị và khả năng của mỗi tiếng và nếu cần, phải

tôi luyện cho mỗi tiếng ấy để chúng có một giá trị siêu đẳng. Từ trước, người ta coi những A chỉ có giá trị là một nguyên âm nằm ở hàng đầu các chữ cái, hoặc đôi khi có ý nghĩa là một lời hô thần mà thôi. Nhưng Rimbaud đã thấy thêm màu đen của chữ A, chữ ấy mang hình ảnh “chiếc yếm nhung màu đen của lũ ruồi rục rở đang bay lượn vè vè chung quanh những mùi hôi thối hung dữ” và cũng là những “vịnh bóng tối”.

Vẫn trong óc Rimbaud, mỗi chữ nguyên âm khác đều có màu sắc riêng của chúng và những hình ảnh riêng, liên hệ đến mỗi màu sắc đó. “A đen, E trắng, I đỏ, U xanh lá cây, O xanh dương”. I chẳng hạn, vì có màu đỏ nên mang hình ảnh “máu bị khắc ra hoặc có âm thanh của tiếng cười từ những cặp môi đẹp trong cơn thịnh nộ hoặc những cơn say đầy vẻ sám hối”.

Vì những ký hiệu hoặc những tiếng trong ngôn ngữ có những giá trị mới như thế, nên ngôn ngữ ấy cũng không thể được lồng vào những khuôn thước hành văn cũ, cho nên vẫn theo ý Rimbaud – nghệ sĩ cần tạo ra những văn phạm mới hoặc bổ túc những chỗ thiếu sót của văn phạm cũ,

Chủ trương và đường lối sáng tạo của Rimbaud đã mở đầu cho một cuộc cách mạng vĩ đại trong lãnh vực văn chương tư tưởng và đã được hậu thế nhiệt liệt hoan nghênh. Cuộc cách mạng này đã khiến cho nền nghệ thuật của nhân loại trở thành phong phú hơn rất nhiều.

Rimbaud bắt đầu làm thơ từ năm chàng mười sáu tuổi và chỉ làm thơ trong vòng bốn năm rồi tuyệt tình với thơ bởi chàng cho rằng dầu chàng có cố gắng đến mấy, ngôn ngữ của loài người vẫn

không thể nào diễn tả được tất cả những gì chàng muốn nói lên.

Vì thế những tác phẩm của chàng rất ít, chỉ gồm hai cuốn thơ mỏng mảnh nhan đề *Les Illuminations* và *Une Saison en Enfer* và một số những bài thơ rải rác khác được thu góp thành một thi tập cũng rất mỏng mảnh nhan đề *Poésies*.

Nhưng, mặc dầu chỉ ít thế thôi, nhưng tác phẩm của chàng đã tỏa ra một ảnh hưởng cực kỳ mãnh liệt và rất lâu bền, và ảnh hưởng đó đã tạo nên biết bao nhiêu tác phẩm tuyệt tác của nhân loại. Cho đến ngày nay, người-trẻ-tuổi-không-như-những-người khác đó vẫn còn được coi như một ngọn hải đăng soi đường cho hướng đi của nghệ thuật.

MỖI TUẦN ĐỌC MỘT CUỐN SÁCH

ĐỌC “ MÃ LỘ¹ ”

CỦA VIÊN LINH

“ một kỹ thuật điện ảnh, một bút pháp
trung tính của văn tự trắng ”

MÃ LỘ, con đường ngựa chạy. Con đường từ Ngã Tư Bảy Hiền lên đến Saigon, con đường rong ruổi mỗi ngày, mỗi giờ, đi đi về về, của ông Năm Xích Long, người xà ích được gọi tên theo cái tên của con ngựa kéo xe cho ông ta, con

1 “ Mã Lộ ” truyện dài của Viên Linh, Văn Uyển xuất bản, 1969, 196 trang, đề giá 50 đồng,

Xích Long. Nói đến loài ngựa, đến con ngựa chạy, là người ta nghĩ tới sự rong ruổi, tới những dặm đường dài heo hút, khó khăn, trống vắng. Là nghĩ đến một sự đeo đuổi ròn rã trong những tháng năm đằng đẳng. Là nghĩ tới sự kiên trì, nhẫn nại trong lao khổ và niềm ước mơ được ngừng nghĩ thoải mái. Niềm ước mơ hạnh phúc ở cuối đường rong ruổi đi tìm hạnh phúc. Nhưng trước hết, con đường ngựa chạy ở đây là đường Ngã Tư Bảy Hiền – Saigon, và người rong ruổi trên chiếc xe ngựa là ông Năm Xích Long, từ sáng sớm đến tối mịt qua con đường đó. Vậy chúng ta hãy khoan nghĩ ngợi xa xôi về “mã lộ”, về những hình ảnh mà chữ này gợi ra, hãy quay về với chính ông Năm Xích Long đã.

Năm Xích Long là một người xà ích 46 tuổi, gầy còm, đầu tóc nửa đen nửa

bạc, góa vợ, có 2 đứa con, một trai đi lính phương xa (người con trai này không hề xuất hiện một lần trong tập truyện) và một gái là cô Ba tên Cúc. Năm Xích Long và đứa con gái sống lủi thủi trong một căn nhà lụp xụp ở một xóm nghèo cạnh Ngã tư Bảy Hiền, ngoại ô Saigon. Ông chạy xe ngựa suốt ngày, còn Cúc ở nhà lo cơm nước. Cúc đã lấy chồng, nhưng Tấn, người chồng nàng đi lính biệt kích “ có khi sáu tháng mất biệt tăm hơi ” (trang 9), khi về thường mang theo một mớ tiền lớn cho vợ. Cúc còn quá trẻ, 19 tuổi, mới lấy chồng, chồng đã bỏ đi xa, nên nàng buồn chán, Nàng khao khát yêu đương ; Nàng bắt tình với một người lính tâm lý chiến tên là Cường, một thanh niên chải chuốt, đầu luôn luôn bóng loáng, lại biết ca tân nhạc (trang 38). Hàng ngày Cúc vẫn hẹn người tình đến hú hí với nàng vào những lúc cha nàng chạy xe vắng nhà.

Còn Năm Xích Long, người cha dễ dãi, thương con, ông cũng là một tay đa tình. Góa vợ đã lâu, ông cũng thấy lòng mình thiếu vắng một cái gì. Một buổi chiều, vào lúc chập choạng tối, sau khi đã nhậu say với các bạn, ông đánh xe về nhà, giữa đường gặp khách quen bị lỗi xe, chị Ba Duyên bán hoa ở chợ Saigon, ông chở chị ta trên xe. Hai người nói chuyện suốt quãng đường về và đùa giỡn với nhau. Họ thông cảm nhau : Năm Xích Long góa vợ, mà Ba Duyên thì đã “thôi chồng”, có chồng cũng như không, vì Sáu Đại, người chồng hờ của chị là một tên ma cô, hư đốn, cờ bạc, đàn đấm, bòn tiền của vợ, cứ tiêu hết tiền lại về, có tiền lại đi. Hiểu cảnh cô quạnh của nhau, Năm Xích Long và Ba Duyên có ý muốn xây dựng lại cuộc đời với nhau. Tối hôm đó Năm Xích Long về tới đầu ngõ được thím Bảy bán quán báo cho biết Cúc đang đùa

giống với Cường. Nhưng về đến nhà, Cúc khéo khóa lắp, ông cũng chẳng làm gì được, Năm Xích Long thay quần áo mới, đến nhà Ba Duyên. Tới nơi, Năm Xích Long gặp Sáu Đại đang ghì tay bịt miệng Ba Duyên trong căn nhà tắt đèn. Sáu Đại mò về nhà vò tiền, bị Ba Duyên đuổi đi, nên hấn tức giận, hành hung người vợ hờ. Năm Xích Long lớ quớ không thấy gì trong bóng tối, Sáu Đại suýt lụi dao vào người Năm Xích Long, nhưng Ba Duyên chợt vớ được con dao của mình dưới giường, nàng đâm vào bụng hấn, hấn đau đớn, vùng dậy bỏ chạy sau khi đâm vào vai nàng. Năm Xích Long băng bó vết thương cho Ba Duyên rồi ngủ lại với nàng. Họ thực sự yêu nhau từ đêm đó. Sáng hôm sau Ba Duyên bị đau vì vết thương nên nghỉ bán hoa. Năm Xích Long về nhà thay quần áo rồi đánh xe đi rước khách, Buổi trưa, Tấn – chồng

Cúc – về thăm nhà. Cúc đang hú hí với Cường trong căn nhà kín cửa. Trước sự chứng kiến của thím Bảy bán quán, Tấn bắt quả tang Cường và Cúc. Nhưng Tấn bình tĩnh mời Cường ngồi nói chuyện đàng hoàng, bình tĩnh hỏi hấn có yêu Cúc không, nếu có thì Tấn để mặc cho hai người lấy nhau, còn không thì hãy đi ngay. Cường bàng hoàng, rồi lo lắng, lưỡng lự. Tấn cho Cường về, hẹn Cường sẽ quay lại trả lời dứt khoát. Cúc hối hận, khóc lóc, rồi lại trách móc Tấn hờ hững. Tấn xót xa, chàng yêu thương vợ nhưng không muốn vợ khổ vì mình. Chàng chỉ mong sao vợ được hài lòng. Chàng hy sinh tất cả cho Cúc. Chàng tha thứ vợ, vỗ về an ủi vợ, chia tiền cho Cúc, rồi hai vợ chồng dẫn nhau đi chơi Saigon. Đồng thời, buổi sáng hôm đó Sáu Đại ôm vết thương ở bụng đến bến xe ngựa tìm Năm Xích Long. Người bạn đồng nghiệp của

Năm Xích Long cho Sáu Đại địa chỉ của ông Năm. Lúc ông Năm ra bến, được bạn báo tin, biết ngay là Sáu Đại muốn gây chuyện với mình. Ông về nhà Ba Duyên, báo cho nàng biết tin đó, rồi ông về nhà mình. Gặp Sáu Đại. Hắn đến tìm ông đòi ông phải bồi thường cho hắn về những thiệt hại mà hắn đã chịu : những thứ hắn đã mua sắm cho Ba Duyên, luôn cả Ba Duyên mà hắn “nhường” cho ông, và vết thương của hắn. Năm Xích Long bướng bỉnh không chịu cho hắn tiền. Hắn rút dao cắt đứt cây roi gân bò mà ông vung ra đập hắn. Sáu Đại và ba tay đàn em hắn, mới ập đến, dồn Năm Xích Long vào một góc nhà, đóng kín cửa. Vợ chồng Tấn đi chơi về. Tấn nhào vào cứu cha vợ ; Năm Xích Long thoát được ra ngoài, Còn Tấn bị kẹt trong nhà với bọn Sáu Đại, bị chúng đập nhiều lần, chàng cầm lựu đạn nhưng chưa tung ra.

Tình thế căng thẳng. Cường đến như đã hẹn với Tấn (để giải quyết vụ Cường với Cúc cho dứt khoát). Cường trở nóc nhà vào trợ lực Tấn. Ba Duyên cũng tìm tới nhưng không làm cách nào vào được. Bỗng Tấn liệng lựu đạn, nổ tung trong nhà, Sáu Đại cùng hai tên đàn em chết, một bị thương. Cường chết lây. Tấn bị thương nặng. Tại bót cảnh sát, thám Bảy bán quán làm chứng khai là Cường ném lựu đạn. Cha con Năm Xích Long thoát tội. Cúc vào nhà thương thăm Tấn. Nàng chỉ kịp nghe chồng nói vài câu xót xa ái ngại cho nàng, Tấn chết trong niềm tê tái của Cúc. Cúc bỏ tiền ra thuê tẩm liệm chôn cất chồng. Theo xe tang chỉ có mình nàng. chỉ có mình nàng trên chiếc xe ngựa chở quan tài Tấn về nghĩa địa Chí Hòa, nơi mẹ nàng yên nghỉ ngàn đời. Nàng không muốn gọi cha đến, sợ làm phiền lòng người cha đang tận

hưởng những phút giây hạnh phúc đầu tiên với Ba Duyên, người vợ chấp nối của ông. Quả thật, Năm Xích Long dọn đồ đạc đến ở với Ba Duyên, vì nhà ông đã tan nát. Buổi trưa Cúc vừa ở nghĩa địa ra, gặp xe Năm Xích Long, thấy cha và dì ghê đang cười vui, họ gọi nàng, nàng không cho họ biết Tấn chết, chỉ nói dối là vào thăm mộ mẹ ; Năm Xích Long và Ba Duyên tiếp tục cho xe chạy lên Saigon xem xi-nê. Cúc lủi thủi bước đi trên con đường vắng ngắt.

Truyện dài 190 trang, nhưng thật nhiều tình tiết. Đây những chi tiết, đây biến chuyển, tất cả xảy ra trong vòng hai ngày trời, mà những biến cố quan trọng nhất thu gọn trong hai buổi chiều kế tiếp nhau. Đó là một tấn kịch gồm những đối thoại và và động tác, những đoạn văn mô tả cảnh vật chỉ là những nét họa chấm phá.

Toàn thể cuốn truyện là một tấn kịch về tình yêu và hạnh phúc. Hạnh phúc là âm ảnh sâu xa, nơi những nhân vật, những kẻ yêu đương. Hạnh phúc muộn màng của Năm Xích Long và Ba Duyên, hạnh phúc thâm lén của Cường và Cúc, hạnh phúc đau thương của Tấn và Cúc. Tất cả họ đều đi tìm hạnh phúc. Họ săn đuổi hạnh phúc và hạnh phúc là niềm ước mơ yên ấm mà họ chỉ có thể thấy trong nỗi nhọc nhằn của cuộc chinh phục đầy cam go. Hạnh phúc là cái giá trả cho sự đau khổ cũng cũng như nắm lá cỏ thơm tho là đền bù công lao khó nhọc của con ngựa vất vả. Bước rong ruổi đưa đến giờ ngừng nghỉ, hạnh phúc kia là thành tựu của hành trình phấn đấu. Sự chinh phục là một tấn kịch đầy những nút thắt mà mỗi mở nút là sự chết hay hạnh phúc. Hạnh phúc hay chính niềm đau khổ kéo dài, như Cúc; hạnh phúc như thành quả

đắng cay. Hoặc tận cùng của niềm ước mơ hạnh phúc, tận cùng của tình yêu bao la chỉ là cái chết, như Tấn. Hay hạnh phúc là sự đền bù, như Năm Xích Long. Tất cả là một biến diễn, tất cả là một tấn kịch, là một chờ đợi được thực hiện dần dần qua hành động, qua những đổi thay hoàn cảnh ; Kịch tính toát ra từ mỗi lời nói, mỗi động tác. Tất cả đó để diễn tả những níu với, những lo toan, những ám ảnh về hạnh phúc.

Năm Xích Long, người xà ích góa bụa luôn luôn sợ mình già, nghĩa là sợ mình không còn thích hợp với hạnh phúc, không còn khả năng đào tạo ra một hạnh phúc tươi mát trẻ trung. Nỗi lo sợ đó – biến thành ám ảnh : “ Năm Xích Long bỗng áy náy nghĩ tới những lời đùa bỡn của người bạn gái. Nàng vừa bảo ông dở chứng. Nàng lại còn bảo ông ‘già’ rồi ”

(trang 11). Hoặc : “ Năm Xích Long xịu mặt dù biết là bạn mình nói đùa. Ông ta chậm chạp leo lên xe, cho chiếc xe không tiếp tục chạy. Có lẽ mình già thật chẳng? Sao ai cũng bảo mình già ? ” (trang 27-28). Những ám ảnh đó vẫn không khóa lấp được khao khát hạnh phúc của người xà ích già nua. Ông tưởng tượng người vợ quá cố hẳn đang thương ông cô đơn lẻ bóng : “ Giờ xuống tuổi vàng, chắc nó cũng thương tôi quạnh quẽ chớ chẳng không ” (trang 19). Và ông cố bám lấy cuộc đời tươi đẹp, tận hưởng những khoái cảm khi bắt gặp hương thơm vị ngọt của cuộc đời. Người ta hãy nghe tác giả mô tả Năm Xích Long ngửi những ngón tay thơm mùi hoa huệ của Ba Duyên, sẽ thấy rõ tâm hồn say đắm trong thân xác già nua đó : “ Một bàn tay muốt lại đưa lên vai người xà ích. Khuôn mặt đỏ gắt men rượu cúi xuống. Năm Xích

Long hít hà mấy ngón tay, không nói gì được. Trái tim căn cỗi của một đời hiu quạnh rung động lạ thường ” (trang 21). Và tâm hồn bén nhạy đó vội chụp ngay lấy giây phút hạnh phúc vừa đến trong tầm với. “ Năm Xích Long mừng rỡ nói : – Khỏi lo cái đó, chị Ba. Tôi thiết tha cởi mở tấm lòng với chị mà. Trời đất, thế mà cứ ầm ừ mãi không nói cho người ta mừng ” (trang 81–82). Niềm khao khát yêu thương của Năm Xích Long hoàn toàn hòa hợp với tâm hồn sôi nổi, dào dạt những ước muốn dục tình, nơi Ba Duyên, người đàn bà bán hoa, 37 tuổi, đã một đời chồng có con gái 16 tuổi, lại chấp nối tạm bợ với Sáu Đại, rồi chán Sáu Đại và mê Năm Xích Long, có lẽ vì cái lời nói thẳng thừng nhưng duyên dáng của ông ta. Nàng vốn có quan niệm rất rõ ràng về mối tương quan với Sáu Đại : “ Ở với nhau vậy thôi, lúc thương nhau thì

tấp vô, hết thương thì nhả ra, có gì mà rắc rối ” (trang 13). Nói chuyện với Năm Xích Long trên xe ngựa, nàng cảm mến ngay người bạn già. Nàng gợi chuyện cho Năm Xích Long kể lễ hoàn cảnh và tâm sự, nàng tỏ ra là người cùng cảnh ngộ với ông ta, cũng cô lẻ như ông ta ; lúc xuống xe, nàng nheo mắt, làm điệu bộ một cô đào cải lương ca khê : “ Anh có biết chằng năm canh khắc khoải, Tôi âm thầm đếm lá thu (ư)... tàn ” (trang 26). Có thể nói là Ba Duyên đã “ tán ” Năm Xích Long, một cách thật khéo léo, thật tế nhị. Khi Năm Xích Long buộc vết thương cho nàng xong — trong buổi tối nàng bị Sáu Đại đâm vào vai — hai người nằm riêng ở hai phòng, Ba Duyên gọi Năm Xích Long vào buồng tối buộc lại dây mừng cho nàng, để có thể gần nhau, có một cơ mà gần nhau, và họ ngủ với nhau ngay tối hôm đó. Hôm sau, lúc Năm Xích

Long dọn đồ đạc đến ở với nàng, hàng xóm xì xào bàn tán là ông Năm già nua, nàng cũng bâng khuâng nghĩ ngợi. Bản năng sống nơi nàng quá mạnh nên trong sự tận hưởng hạnh phúc, nàng cũng ao ước sự xứng hợp, nàng muốn thấy sự tráng kiện trẻ trung ở Năm Xích Long, đó là lý do thâm kín của nỗi lo ngại bâng quơ : “ Mái đầu người xà ích cúi xuống. Phía sau người đàn bà ngẩng nhìn, thấy lúa thừa những sợi tóc bạc. Bàn tay nàng đưa lên định đặt lên vai ông bỗng dừng lại nửa chừng, rồi buông thõng xuống. Có lẽ Năm Xích Long già thật chẳng ? (trang 169). Rồi. Trong một thoáng Ba Duyên lại nhớ đến lời bàn tán của mấy người dân bà lối xóm mà nàng vừa nghe thoáng được Nàng lại tự hỏi có lẽ Năm Xích Long giả thật chẳng ? (trang 170). Niềm lo toan của người đàn bà về hạnh phúc thường hẹp hòi, thấp kém, thu lại

trên bình diện vật chất, hạnh phúc phải là cái gì thật hữu hình hữu ảnh mới được. Tác giả đã thấu suốt khối cạnh tâm lý đó và diễn tả một cách thật đơn giản mà thật sâu sắc. Với cặp tình nhân Năm Xích Long – Ba Duyên, hạnh phúc chỉ là sự êm ấm cần thiết được tìm thấy trong sự gần gũi người yêu, trong những cảnh dịu dàng tha thiết hàng ngày với nhau. Nhưng quan niệm giản dị đó, niềm khao khát đơn thuần, quen thuộc đó, cũng là cả một công trình xây dựng. Họ phải dứt bỏ được Sáu Đại, và sẽ còn phải cố gắng gạt bỏ ngoài tai những lời bàn tán gièm pha của hàng xóm láng giềng về cảnh chồng già vợ trẻ. Dù sao, họ gặp nhau vì hoàn cảnh cũng đặc biệt : cô quạnh như nhau, buồn bã như nhau, có vẻ tất cả dĩ vãng của họ chỉ là bối cảnh của chờ đợi đưa dẫn họ đến chỗ gặp nhau và yêu nhau thật mau chóng: chỉ qua một

chuyến xe ngắn ngủi đã đủ gắn bó với nhau. Cái khó khăn của hoàn cảnh (sự rắc rối do Sáu Đại gây ra) không thắng nổi cái dễ dãi của hai con người vốn đã hợp nhất từ trong bản chất, để họ phải kết đôi với nhau. Tấn kịch biến diễn với những trở ngại, những khó khăn, chỉ là một tiến trình quanh co nhưng tất yếu, phải đưa tới kết quả là hai người sống với nhau.

Tấn và Cúc thì khác hẳn. Cúc quá trẻ và xa chồng quá nhiều nên khao khát dục tình nơi nàng trời dậy đòi hỏi, nàng mêo mĩ với Cường vì thế. Nàng mê mê Cường vì Cường biết ca tân nhạc, lại là người chải chuốt, có bộ mã lịch sự. Nhưng khi Tấn về thăm nhà, bắt gặp nàng ngoại tình, lại không nổi ghen đánh đập chửi bới gì hai người, nàng cảm thấy Tấn quá xa tầm với của nàng, nàng đang mất Tấn,

nàng la khóc nhào đến bên ghế chồng – Anh Tấn, anh tha lỗi cho em, em sẽ không làm như thế nữa ! (trang 102). Lát sau khi Cường đã ra khỏi, còn lại nàng với Tấn, Cúc khóc xin Tấn tha lỗi lần nữa, Tấn gạt đi và bảo, nàng có quyền bỏ nhà theo Cường, giọng chàng quá bình thản, nàng đau đớn la lên : “ Em có tội anh muốn xử sao em cũng xin chịu, nhưng đừng đuổi em đi ” (trang 105). Rồi nàng quay ra hờn trách chồng đã quá hờ hững với mình : “ Không giận dữ sao được. Anh đi mất xác về thấy em nói chuyện với trai trong nhà mà anh tỉnh khô, vậy là anh hết thương em rồi ” (trang 109). Và nàng nói, rõ hơn, nỗi đau khổ của mình : “ Chẳng thà anh thấy lựu đạn đi, anh đánh em đi, còn đỡ khổ hơn ” (trang 109). Lúc nghe Tấn xác nhận lòng thương yêu vô bờ bến của chàng với nàng, Cúc trả lời : “ Em thiệt không hiểu anh. Anh

nói thương em mà anh không chịu về, thương xa cách có khác gì thương hình thương bóng. Em đã chết đâu mà thương kiểu đó. Em sống với anh cả hồn lẫn xác, thương trong hồn không đủ anh à ” (trang 112). Lời thú nhận đó cho thấy rõ sự đòi hỏi của Cúc : yêu thương một cách trọn vẹn, đầy đủ và thường trực bằng cả hồn lẫn xác. Hạnh phúc đối với nàng là sự sẵn sàng, yêu chiều luôn luôn nồng nàn thắm thiết. Mãi đến lúc Tấn hấp hối, Cúc mới cảm thấy thấm thía thế nào là hạnh phúc trong tình yêu thực sự, một tình yêu khác tình yêu mà nàng vẫn sống. Lại một lần nữa người ta thấy tác giả vẽ thêm một chân dung tâm lý của phụ nữ, bằng những nét đậm đà và chân thực. Nhưng tất cả những điều sâu xa của cuốn truyện là ở Tấn, ở thái độ và tình cảm của chàng. Chàng là một người khao khát hạnh phúc, say đắm người vợ

yêu dấu, như lời chàng nói với Cúc : “ Nhiều hôm trong anh nhớ em muốn la trời cào đất. Anh muốn chạy ào xuống biển mà về với em ” (trang 112). Nghe thím Bảy bán quán trách chàng không thương vợ, Tấn trả lời ngay : “ Tôi thương nó vô cùng, nói dối ra đường xe cán ” (trang 93). Và lúc về đến nhà, ngồi trước cánh cửa đóng kín, nghe thấy tiếng vợ và tiếng Cường cười, nói với nhau, chàng cũng thấy khổ sở : “ Nhiều tháng xa vợ, hôm nay anh ta lại được nghe tiếng Cúc. Nàng đang thì thào trong tiếng cười. Nét mặt người Biệt Kích căng thẳng. Anh ta vừa nghe thêm một giọng đàn ông ” (trang 95). Thế mà lúc đập cửa bước vào nhà, thấy Cúc và Cường, chàng bình thản chỉ tay bảo Cường đi vớ vào chân, rồi bảo Cúc ngồi xuống ghế. Tấn vừa vặn hỏi Cường một cách bình tĩnh, vừa rút thuốc mời hẵn hút. Hơn thế nữa, chàng

còn sẵn sàng cho Cúc theo hẵn đi, nếu họ yêu nhau thực tình. Tại sao, thái độ mâu thuẫn đó ? Hãy nghe những câu văn : “ Cúc khóc nức nở, nhòm tới ôm lấy vai chồng : – Anh ơi, đừng bỏ em tội nghiệp. Tấn lắc đầu : – Anh thương em lắm Cúc. Anh không muốn em đi đâu hết. Nhưng em muốn đi, anh sẽ để em đi. (trang 104). Và khi Cúc xin chàng tha lỗi, chàng đáp lời bằng giọng vừa thiết tha vừa chua xót : “ Em không có lỗi gì hết. Lỗi ở anh. Thím Bảy nói đúng, anh đi biệt tăm biệt tích, em ở nhà hư là phải. Em biết không, anh vẫn nghĩ rằng nếu chẳng may khi về thấy em đã cặp với người nào khác, anh sẽ không đánh đập hay phỉ nhổ em. Không. Anh thương em lắm. Cúc. Anh thương em lắm.” (trang 104). Chàng còn lặp lại rất nhiều lần, bằng giọng trù mến, dịu ngọt lạ thường, câu “ Anh thương em lắm ”. Thế nhưng

thương yêu vợ mà không thể gần vợ, vì công tác, vì cuộc đời lính tráng, nên chàng để cho vợ được tự do, cho nàng hài lòng và chàng sẽ sung sướng khi thấy nàng sung sướng : “ Thiệt tình anh không lo cho em được và anh lại muốn cho em được sung sướng ” hoặc, giọng chàng còn bi thương và chân thành hơn nữa: “ Lỡ mai kia anh chết, chỉ em khổ. Bị vậy mà anh muốn để em mặc tình, lỡ ra có chết anh cũng không ân hận (...) không phải anh cho phép em tác tệ lương tuồng nhưng em cũng phải lo trước một con đường ” (trang 110-111). Thật là rõ ràng, tất cả niềm mong ước của Tấn là không bao giờ chàng phải thấy Cúc khổ, không bao giờ người vợ chàng phải lẻ loi buồn bã. Hạnh phúc chính là ý nghĩa của sự hy sinh. Và sự hy sinh này còn mang theo nó cả ám ảnh nặng nề của cái chết luôn luôn đe dọa tình yêu. Hy sinh cho

hạnh phúc của người yêu trong tình thế luôn luôn chuẩn bị đón nhận cái chết bất trắc rình rập mình từng giây phút, đó là hạnh phúc của chính mình. Và chỉ trong khi yêu nhau thật tha thiết, thật mãnh liệt, người ta mới sợ mất nhau, sợ tai nạn xảy ra cho nhau, sợ cái chết sẽ chia lìa mình với người yêu, Và trong ý nghĩa này, có thể nhớ tới câu của Richard Wagner trong vở nhạc kịch bất hủ “Tristan und Isolde”, “Cái gì có thể chết trong cái chết, nếu không là cái chia lìa chúng ta, ngăn cấm Tristan yêu Isolde mãi mãi, ngăn cấm chàng sống vĩnh viễn cho riêng nàng ? ” Trước viễn ảnh hãi hùng đen tối, của cái chết có thể đến bất chợt, Tần yêu thương Cúc tha thiết và mãnh liệt, đến nỗi chỉ mong xóa bỏ được cái ám ảnh ghê gớm đó mà không xong : “ Yêu em anh mới nghĩ đến cái chết. Những lúc không nghĩ đến em, không nghĩ đến

Tình yêu, anh sung sướng, thanh thoi. Nghĩ đến em anh bản khoăn thắc thỏm, Sao anh sợ chết mỗi lần nghĩ đến em. ” (trang 113). Và bởi vậy, trong những lúc được gần người yêu, khi yêu nhau say đắm, tình yêu là nỗi mê luyến cuốn mình trong ám ảnh về cái chết: “ Tấn tìm cách an ủi nàng, nâng niu nàng. Anh ta muốn yêu nàng trong những giây phút hấp hối của một đời trẻ tuổi, quẩn quít trong đau thương sợ hãi, trong xao xuyến bồn chồn.” (trang 111). Thế nên, lúc nằm ở nhà thương, trong cơn hấp hối, Tấn càng yêu vợ tha thiết hơn, với một tâm trạng bội phần đau thương, chàng không ngớt nhắc đi nhắc lại với Cúc : “ Rồi em sống với ai ? ” (trang 178, 179). Sắp chết, chàng còn cố an ủi vợ : “ Em phải vui mới được. Cúc. Em còn trẻ...” (trang 180). Trong văn chương nước ta, khoảng 5 năm nay, tôi chưa đọc được ở một tác phẩm nào một

khuôn mặt sáng ngời và đắm say sự sống, một tâm hồn nào thiết tha mãnh liệt với hạnh phúc một cách thật cao vời và sinh động đến thế. Từ lời nói luôn luôn dịu ngọt, chân thành, đến hành động luôn luôn cao cả và sáng suốt, thái độ luôn luôn cởi mở, khoan dung, Tấn là khuôn mặt của thực tại và lý tưởng hợp nhất, tình yêu và sự hy sinh của chàng đối với Cúc, thái độ sáng suốt và khoan dung của chàng đối với Cường chứng tỏ hạnh phúc thật là một tặng phẩm trân quý của những tâm hồn độ lượng, hạnh phúc có thể mới thoát khỏi những ý nghĩa tầm thường và nhàm chán. Và đam mê duy nhất của Tấn, ấy là đam mê hạnh phúc trong sự hiến dâng toàn diện của tâm hồn cho tình yêu không một đòi hỏi. Và trong chiều hướng đó, hiểu tình yêu như hấp lực toát ra từ khát vọng hiến dâng, hạnh phúc sẽ phủ lên mình một ý nghĩa

ting thần, vì thân xác chi phối tình yêu sẽ chỉ đem lại sự hạ thấp và chiếm hữu, trong khi chính tinh thần mới nâng cao và hiến dâng cho tình yêu một hạnh phúc bền chặt. Trong hạnh phúc đó, tâm hồn thăng thốt kêu lên tiếng kêu của Gérard de Nerval : “Oh, délice ! Oh, tourment²!”; đây là thú hạnh phúc của những tâm hồn đầy ải, tìm cảm khoái trong trạng huống bị đầy ải ; một chân lý trong thi ca lãng mạn. Viên Linh tin tưởng ở một ý nghĩa như thế của hạnh phúc, qua nhân vật Tấn.

Ở những đoạn văn đối thoại và mô tả động tác, tạo thành những biến chuyển trong cuốn truyện, không khí căng thẳng, dồn dập, không khí của sự sống toàn vẹn, hữu tình, người ta thấy Viên Linh áp dụng kỹ thuật điện ảnh. Đó

2 Ôi, thật hân hoan ! Ôi, thật dày vò !

là một dụng ý, nhất là qua đoạn Tấn về thăm nhà, bắt gặp Cường và Cúc, những câu đối đáp và những cử động của các nhân vật, và qua đoạn Năm Xích Long gặp Sáu Đại, hai người đố chát nhau, cũng như đoạn Sáu Đại, Ba Duyên và Năm Xích Long gặp nhau, vật lộn, hăm hè nhau, đâm nhau, trong nhà Ba Duyên, các đoạn này đầy những biến chuyển đột ngột, bất ngờ, những biến đổi tuần tự, theo một luận lý chặt chẽ của hành động đến chỗ giải quyết đây là phần thực hiện của kỹ thuật lên hình trong phim ảnh. Tác giả muốn để cho chính hành động đưa dẫn hành động, những câu đối đáp dúi dẩy nhau đến kết cuộc, một cách chặt chẽ và tự nhiên, nên ông dùng kỹ thuật điện ảnh để chỉ làm cái việc dàn trải chúng ra một cách tuần tự, Tác giả tránh được những can thiệp chủ quan lộ liễu vào tình tiết cuốn truyện.

Viên Linh tự xóa nhòa và biến mất hoàn toàn đằng sau mỗi động tác và mỗi lời nói. Tác giả áp dụng một thứ bút pháp : bút pháp trung tính của văn tự trắng, ở đó không lộ màu sắc tình cảm chủ quan của tác giả. Chỉ có đời sống cuộn cuộn, nhô ra và hiện rõ dần hình thù trong ý nghĩa trung thực được biểu thị bằng chữ viết khách quan. Tất cả sức hấp dẫn của cuốn truyện toát ra từ mạch sống được khơi dòng ở đó, với các khuôn mặt, động tác, lời nói. Nhiều độc giả có thể không hài lòng với lối diễn tả khách quan và hiện thực sống động đó, muốn thấy những cảm nghĩ, thái độ, tình cảm của tác giả tô điểm cái vẻ chủ quan hoa mỹ cho các tình tiết, các nhân vật, nhưng đó cũng là một chọn lựa, và chỉ là một chọn lựa, đáng tôn trọng mà không phải tuyệt đối và duy nhất. Tôi chọn lựa qua những tình tiết và nhân vật của cuốn truyện này

thứ ngôn ngữ vừa sống động vừa duyên dáng, vừa khách quan vừa tế nhị, vừa đầy ắp hình ảnh có chất thơ quyến rũ mãnh liệt lại vừa gọn gàng, sắc bén, của những câu văn như : “ Cúc đã hiểu. Chồng nàng không thể nào sống nổi, không còn hy vọng gì. Nàng dăm dăm ngó mặt chồng chờ đợi cái giây phút lung linh của một ngọn đèn hiu hắt. Tấn không nói nữa, chỉ nhìn. Nét mặt anh ta thay đổi trong lặng lẽ ” (trang 180), hay những câu : “ Cặp mắt Tấn im lặng, tựa cặp mắt một pho tượng nhìn xa. Ngón tay nàng đưa lên, đập hai mí mắt xuống. Tấn không còn trông thấy từ đó người vợ trẻ xinh đẹp của anh ta nữa.” (trang 181) ; nhất là những câu văn diễn tả cái buồn quạnh vắng, rưng rưng của miền nhiệt đới : “ Trên đầu, mặt trời đứng bóng, nắng đổ lửa. Trong tiếng nhạc ngựa reo vui, nàng đưa chồng tới nơi an nghỉ cuối cùng. Xe

chạy thận trọng nhưng có vẻ nhẹ tênh. Hai vòng bánh xe khấp khểnh trên mặt nhựa gồ ghề của những con đường liên tỉnh. Thỉnh thoảng Cúc lại nghe tiếng roi ngựa vun vút trong không khí.” (trang 189) : *Bởi vì, trước hết, Viên Linh là một thi sĩ.*

TÌNH YÊU VÀ CÔ ĐƠN

Đặng Phùng Quân

Tình yêu và cô đơn là hai bộ diện của cách thể hiện hữu nơi con người trong ý thức hữu thể tha nhân. Khi ý thức coi hữu nơi tha nhân là nền tảng thì tình yêu chiếm ngôi vị ưu thế, và ngược lại, khi coi hữu tự tại là nền tảng, ý thức nhận diện toàn thể sự cô đơn.

Tình yêu không chỉ là một dữ kiện hữu thể luận trong tương giao nhân loại, trên nền tảng, nó còn là một cách thái cao đẳng của kinh nghiệm nơi con

người, từ đó, con người triết học hữu thể có thể vạch ra. Đối kháng với sự bất lực thân tự nơi tâm hồn bi quan, điển hình là triết học Schopenhauer, có một sự cuồng nhiệt trong quan niệm về tình yêu đích thực nhất mà lịch sử tư tưởng đã chứng nghiệm. Khai phá quan niệm này chỉ thị ý nghĩa những nguồn cảm, lợi điểm và khiếm khuyết trong cách thành của một quan niệm tình yêu con người đã chứng nghiệm.

Chúng tôi đã đề cập một siêu hình học cảm thông hàm ngụ siêu việt trong cấp độ tình yêu ở một nơi khác³. Ở đây chúng ta xét đến tất yếu của tình yêu nhằm đối diện với định đề cô đơn tuyệt đối, một luận đề chủ yếu của triết học và văn chương hiện đại, một sản phẩm của thời đại chúng ta, bằng một định

3 Xem «Hiện hữu tha nhân với G. Marcel». x.b. Đêm Trắng 1969.

để phản ánh Cảm thông tuyệt đối. Có thể nói tình yêu là phản đề của cô đơn, Nhưng, dầu sao, có phải tính cách quan yếu của luận đề cô đơn là một sản phẩm của tư sản, trong thời khủng hoảng và thế chiến, trong khung cảnh rã rời của mọi người chúng ta. Dường như có một khích cảm chung khởi từ đó.

Cái tình cảm cô đơn này hiện hữu thực sự, trước hết với những ai cảm thấy bất lực khi giao ngộ với tha nhân, hay được tha nhân tương ngộ. Ngay trong thi hứng cổ điển đã cảm thấy trạng thái đau thương đó, trước khi chủ thuyết hiện sinh bùng nổ. Nhà thơ Sully Prudhomme đã cảm thấy ở một ngày nào đó, những linh hồn như những ngọn lửa xa rời nhau vĩnh viễn, bị thôi thúc nhận thấy nhau nhưng không bao giờ hòa lẫn với nhau, kết hợp với nhau hay biết nhau

thực sự. Người tư sản duy ngã tuyên xưng cô độc. Đó là tuyên ngôn người ta có thể đọc trong đoạn văn Roger Martin du Fard viết trong cơn hấp hối của Antoine Thibault, một cái nhìn lại bi thảm về cuộc đời của chính nhân vật : Mỗi người là một kỵ mã cô độc. Mỗi người ở trong cô đơn khép kín của mình. Mỗi người ở trong ốc đảo của mình.

Nói một cách triết lý, có sự khả hữu của triết thuyết chủ quan. Nơi người chủ quan, sự bất khả hữu của mọi thông cảm trực tiếp là một định đề đi trước những chứng cứ : đối với họ, con người là phải bí mật. Niềm bí mật tạo ra cô đơn, cô đơn là tất yếu, nó tạo ra sự kinh hoàng, kinh hoàng là tất yếu, là chứng cứ sự hiện diện của Thượng Đế một cách bất khả xâm phạm nhất. Kinh hoàng là một trong những bóng cuối cùng của tình

tự nơi tôn giáo gắn bó liên tục với nhau trong mọi chứng nghiệm ; cái tình tự thánh tính ấy trú ẩn trong những hình thái tưởng chừng lý trí không thể chiếu rọi được:

“ Tất cả những ai biết im lặng trở thành những đứa con của thánh thần ; bởi vì chính trong im lặng nảy sinh ý thức về uyên nguyên thần đẳng nơi chúng ta (Kierkegaard). Rốt cuộc, định đề của thuyết chủ quan thấu tóm trong hai mệnh đề con người cô độc bởi vì vũ trụ bất khả tri và con người cô độc bởi vì đời sống nội tâm bất khả thông.

Đối nghịch với niềm khích cảm chung đó, tình yêu xuất hiện như một thử thách của hữu trong đối diện với niềm cảm thông nhân loại. Thực sự con người có thể đạt tới tình yêu. Trong phạm trù tình yêu, chúng ta đã chứng tỏ. Tôi và

Anh em hội tụ nơi chúng ta, nhờ đó chủ thể hàm ngụ nơi mình liên chủ thể tính.

Trước hết, chúng ta hãy xét đến hai ý nghĩa siêu hình và đạo đức của vấn đề tinh thần này nơi đây :

Một trong những nghịch lý căn bản tinh thần là sự đối kháng giữa khách thể tính và chủ thể tính. Đời sống chúng ta chia sẻ giữa một thái độ, kể cả những hậu quả của nó, mà ta có thể gọi là giao tiếp thực tế, và một thái độ khác cũng đầy những thành quả đó là thái độ xử sự đối với tha nhân.

Ở tuyệt đỉnh, thái độ thứ nhất nhằm đạt tới điều thiện, hiểu như một yếu tính vô hạn mà tất yếu khai phá trong sự đa biệt vô cùng những yếu tính tất định. Yếu tính hiểu như yếu tính không có tự do, yếu tính này là sự vật nào đó và không

thể là người nào đó. Trái lại, tình yêu nhờ đó đạt tới đối diện tha nhân, nhằm dẫn đến trong niềm cộng thông ; điều được giả định nơi tình yêu từ nguồn gốc đến nền tảng của thực tế, không còn là một yếu tính nữa nhưng là một hiện sinh có ý thức và tự do. Đó chính là thể giá đích thực của Anh Em trong liên chủ thể tính nơi tư tưởng G.Marcel.



Mỗi dây liên hệ chủ thể như vậy thường được chứng tỏ qua tình yêu và

ngược lại, tình yêu nhận diện như một cách thể duy nhất đạt tới thông cảm liên chủ thể, G.Madinier đã khẳng định điều đó một cách quá trớn : “ Hữu là tình yêu hay nó không có ý nghĩa toàn diện ” [Conscience et amour, 147.].

Chắc chắn, trong tư tưởng hiện đại, người ta đã khoác cho tình yêu một bộ mặt rất mới, rất xa và hữu hiệu hơn bao giờ. Khi Kant nhận định hành vi tình yêu như xây dựng trên một hành vi tôn kính luật lệ, tình yêu chỉ là nội dung của luật lệ này, như vậy đối với ông hành vi tôn kính có nền tảng hơn và cao hơn chính hành vi tình yêu. Thực tế, tình yêu tha nhân không xây dựng trên tình yêu tự tại, bởi vì tình yêu này có một nguyên ủy và đồng giá trị ; cả hai đều xây trên tình yêu nơi Thượng Đế (amare in Deo), định vị con người ở trên mọi luật lệ. Đó

là ý tưởng chung của những tư tưởng gia hiện đại, chịu ảnh hưởng sâu xa Thiên Chúa giáo, về một triết lý tình yêu cũng như công kích quan niệm của Kant.

Chính tình yêu, trong ý nghĩa toàn diện, là nguồn gốc của sự dẫn đạo và những hành động nơi con người, giá trị những hành vi phụ thuộc vào giá trị tình yêu. Chính tình yêu phú cho đức hạnh tính tốt : cho nên đối thần đức của quyền lực chỉ là tình yêu khi nó chịu đựng tất cả cho những gì nó yêu, công lý định hướng và phù hợp theo tình yêu. Khi tình yêu này ở bên ngoài tất cả những tất định chiếm hữu và xoay lưng nó khỏi những gì nó dẫn khởi, khi nó là cái nó phải trở thành, khi đó tình yêu mệnh danh *charitas*.

Cần phải chứng nghiệm sự đích thực của tình yêu nơi đây. Tình yêu đây là kẻ

sáng tạo ra sự biệt phân, nhận biết và ý chí của tha nhân coi như tha nhân. Tình yêu là một hình thái mới của hữu thể. Tình yêu gắn liền với chủ thể vượt bên ngoài tính bản nhiên, tình yêu muốn hữu thực hóa như một nhân vị, như tự do, dầu cho những tặng vật hay những ân sủng, tự căn bản, không kể đến trong viễn tượng của nó : tình yêu là mù lòa ; nhưng là một thứ mù lòa thật sáng suốt (Mounier). Khi giải thoát cho con người, thông cảm gọi tới, thống cảm giải thoát và quyết xác con người kêu gọi. Tình yêu là một quyết xác đầy mãnh lực của con người, là một cogito hiện sinh không thể phủ nhận được : Tôi yêu, vậy có hữu thể và đời sống đáng giá. Tình yêu không những chỉ quyết xác tôi trong chuyển vận tôi đề ra, nhưng còn quyết xác nơi hữu thể đến với tôi như tha nhân.

Một lý thuyết về tình yêu dựa trên liên chủ thể tính khẩn cầu một cách sâu xa tới tình tự cao đẳng, dấu mặt trong một nguyên ủy thần đẳng. Tách rời khỏi nguyên ủy đó, lý thuyết về tình yêu mất hết cả, vì không có một suy tưởng tích cực về ý nghĩa thực lý của mọi định chế con người, phổ quát và trung gian nhờ đó có thể có một toàn bộ những tương giao của chúng ta với tha nhân.

Phải chăng triết học tình yêu nói chung không tránh khỏi bị phê phán là một thuyết chủ quan ? Nhưng có một chân lý thường xuyên của triết thuyết chủ quan không ? Chắc chắn câu trả lời phủ định, bởi vì điều khả hữu một sự quay về với chủ quan thuyết chỉ bày tỏ một điều, hoặc là thông cảm liên chủ thể coi như một biến thái đơn giản của chủ nghĩa cá nhân, hoặc là thông cảm xây dựng trên

tình yêu. Kinh qua nhiều thất bại.

Có hai bộ diện của vấn đề :

Thứ nhất, trong bộ diện tiêu cực, có những chống đối đặt ra với triết học tình yêu, mang trên sự thất bại của thông cảm và trên ý nghĩa duy chủ thể của ngôi vị “ Chúng ta ”. Thứ nữa, trong bộ diện tích cực, là một lối xây dựng đề nghị, nhằm lấp đầy chỗ trống một triết học tình yêu như vậy gây ra, qua nhiều thành quả của nó.

Trước hết, phải công kích quan điểm của G. Madinier đề cập nơi trên, bởi vì hữu thể không là yêu đương từ sáng tới chiều. M. Merleau Ponty đã nhận định tình yêu không bình đẳng ở hai bên trong đời sống lứa đôi bởi vì trong khi một bên dẫn thân toàn vẹn trong tình yêu này, thì bên kia vẫn tự do và thoát ra, một bên

cảm thấy hữu và bản thể nơi mình trốn chạy trong tự do hoàn toàn còn đối diện với mình thì bên kia, vì trung thành với những lời hứa hay vì độ lượng muốn giảm trừ thành một hiện tượng đơn giản trong vũ trụ của kẻ kia, được nhìn bằng đôi mắt của tha nhân, thì vẫn còn là đời sống của mình trang trải ra và người này từ chối ngay từ giả định, sự quân bình giữa mình và tha nhân mà họ muốn khẳng định khi lập thuyết.

Hiển nhiên thông cảm, như chúng ta hy vọng, gặp nhiều thất bại. Chúng ta đã nói tới nơi trên tình yêu là đối tượng của cô đơn, nhưng xét cho cùng, có một cô đơn sâu xa nơi tình yêu. Tình yêu càng hoàn toàn, tình yêu đó càng cảm thấy thấm thía sự cô đơn đó.

Trong những đối thoại riêng tư, thân mật nhất, chúng ta không gặp được sự

tương hợp hoàn toàn, không có gì bảo đảm cho tôi là không có ngộ nhận. Có một cái gì nơi chúng ta đối kháng lại cố gắng của tương ngộ một thứ nguy ý nền tảng, một thứ nguy tín. Cho nên, triết học hiện sinh đều đồng ý với nhau trên điểm này : hiện hữu chúng ta mang theo sự mờ đặc không thể giản lược. Ngay cả khi chúng ta đã tạo một liên hệ tương giao, chỉ trên. bình diện này, gia đình, tổ quốc, giáo phái v.v... mỗi liên hệ đó nuôi dưỡng ngay một thứ tự kỷ luật trung tâm mới và dựng một bức màn mới ngăn cách giữa người và người.

Alphonse de Waelhens chia xẻ nỗi ưu tư ấy: Nơi sự kiện cũng như trên nguyên tắc, toàn bộ những tương giao của ta với tha nhân, nhất là trong điều kiện có thể xét tới được, trong đó những tương giao này phải kinh qua những định chế phổ

quát, khách quan và trung gian (Nhà nước, nghiệp đoàn đảng phái. Đó là chỉ xét trên cấp độ chính trị) cũng không đến từ tình yêu.

Cho nên, thành quả của một triết học tình yêu phải chỉ là một thứ đạo đức cá nhân, không gì khác hơn là một chủ thuyết cá nhân dẫu mặt dưới chiêu bài một liên chủ thể nhân tính ? Nhưng, chủ thuyết cá nhân này như thế nào ? Đó là thứ chủ trương nhận thức bản ngã như một thực tại cô lập, trong sự chia cách nguyên ủy với vũ trụ, với những bản ngã khác Một bên, chủ thuyết ấy phần khích sự chia cách này và khuyến dụ chúng ta nuôi dưỡng sự khác biệt và tự trị nơi chúng ta, chủ trương ấy giả định sự bất khả cộng thông giữa các ý thức và đặt chúng trong một thái độ cô đơn hay yêu sách tự nền tảng. Một bên chủ

thuyết ấy thử thoát ra khỏi ý thức cô đơn này nhưng bởi vì trước hết nó đã trì trệ trong tình trạng đóng kín, không một thứ biện chứng nào có thể thúc đẩy ra ngoài những cương tỏa.

Cả hai bộ diện ấy biểu thị một bên là chủ trương của sự cô đơn tuyệt đối, một bên là những tư tưởng gia của tình yêu trong cố gắng thực hiện một thông cảm khả hữu. Thế nhưng, thông cảm không rạn nứt, hòa đồng với cộng thông không thể cứu vãn được, ngoại trừ vượt lên nơi Thượng Đế, Đến đây, chúng ta đối diện với định đề *amare in Deo*, mà Merleau Ponty đã phê bình kịch liệt :

Nơi Thượng Đế, tôi có thể ý thức tha nhân như chính tôi yêu tha nhân như chính tôi. Nhưng chúng ta vấp phải một chủ thể tính không thể kêu gọi tới

Thượng Đế⁴. Tình yêu tự tại, rốt cuộc, lẫn lút tình yêu tha nhân và sau cùng chúng ta lại trở về ốc đảo duy ngã vô vọng :

Chính cái tôi hữu hạn và khờ dại nhận biết Thượng Đế trong khi Thượng Đế, ở mặt trái những hiện tượng, tự suy từ lâu. Chính qua bóng tối này mà ánh sáng vô ảo đến rọi chiếu một cái gì và ở đó rốt cuộc khó có thể làm tan biến bóng tối trong ánh sáng, tôi không bao giờ có thể tự nhận biết như Thượng Đế mà không phủ nhận nơi giả định điều tôi muốn khẳng định nơi nguyên tắc. Tôi có thể yêu tha nhân như chính tôi nơi Thượng Đế, nhưng còn cần là tình yêu của tôi đối với Thượng Đế không đến tự nơi tôi, và thực ra, như Spinoza đã nói, đó là tình yêu mà Thượng Đế tự yêu mình qua tôi.

4 Phénoménologie de la perception, 411.

Để có thể chấm dứt, không thể có tình yêu tha nhân hay tha nhân, nhưng chỉ một tình yêu tự tại duy nhất tự nối kết qua đời sống chúng ta, ràng buộc chúng ta vào hư không và chúng ta không thể đạt tới nó. Chuyển vận suy tưởng và tình yêu dẫn đến Thượng Đế khiến cho Thượng Đế muốn đạt tới thành ra bất khả hữu⁵.

Rốt cuộc triết học tình yêu đi đến đâu ? Triết học ấy vừa ở trong vũ trụ vừa ở bên ngoài. Dưới bộ diện một triết học tình yêu, người ta điều hòa một thỏa hiệp dưới mỗi ưu tư êm ái phú cho linh hồn, trong bối cảnh của thông cảm liên chủ thể. Triết học ấy dường như thất bại vì xa lìa trong những mảnh rời thực tại.

Thực vậy, chủ thuyết liên chủ thể giấu mặt dưới bộ dạng một “ huyền thuyết

⁵ sđd. 412.

thánh thần ” trong đó con người bị bội phản ngay từ những thân hữu đáng khả nghi (Đó là một thứ triết thuyết duy linh thiếu sinh lực đã thành tựu trong việc lẫn lộn, dưới ý tưởng “ đời sống nội tâm ”, nội hướng tính chủ yếu của đời sống con người với sự thu mình của cá nhân trên những phiền toái riêng tư, với sự thỏa mãn tự tại suy nhược, đến nỗi sau cùng triết thuyết ấy đã thỏa hiệp đời sống tinh thần với lối rong chơi trưỡng giả).

Trong tư tưởng hiện đại, người ta hay nói đến “ Chúng ta ” (nostrity). Nhưng vấn đề là ở chỗ này : làm sao ta có thể tạo thành một ý tưởng tổng quát về Chúng ta, làm sao ta có thể phân biệt cái Chúng ta khách thể với cái Chúng ta chủ thể ? Đây là ý nghĩa thực của Chúng ta ?

Liệu có thể đồng ý với M. Merleau Ponty khi cho rằng cái Chúng ta luôn luôn được cảm thức qua cái Tôi. Nhưng chính ngay ở đó, người ta cũng gặp một dãy những vấn nạn chung quanh cách thể Tôi, làm sao từ ngữ Tôi có thể hiểu được ở số nhiều, làm sao tôi có thể biết có những cái Tôi khác, làm sao ý thức, trên nguyên tắc, và như tri thức chính nó, có thể ở trong cách thể Tôi, có thể lãnh hội trong cách thể anh em và trong thế giới Người ta ?

Vấn đề Chúng ta là một khía cạnh đặc biệt của vấn đề duy ngã. Trong chiều hướng ấy, cái Tôi là khởi điểm, là dữ kiện nền tảng đầu tiên. Đường như để bảo vệ tính cách đích thực của liên chủ thể tính, phải xét Chúng ta trên bình diện siêu việt. Như vậy cái “ Chúng ta ”, mang đầy tính nhân bản đặt ra với mỗi ý thức

cá nhân như một lý tưởng khó có thể đạt tới.

Ngược lại, ý nghĩa thực khởi sự với một bộ diện hoàn toàn khác biệt nhưng bộ diện này là một biến đổi triệt để. Những người “ khác ” mỗi lúc trở thành những người tôi hoạt động chung với nhau. Họ không còn ở phía khách thể, nhưng ở về phía chủ thể của tri thức và hành động. Cái Chúng ta như vậy trở thành thực tại nền tảng trong đó có cái Tôi có sau và phụ thuộc. Nếu Chúng ta có trước cái Tôi, nếu đời sống con người không là thu kín lại chính mình, triết thuyết liên chủ thể đứng ở vị thế đối lập với triết thuyết cá nhân ; triết thuyết ấy khởi xung trong ý nghĩa hững khởi tập thể. Chỉ có Chúng ta khi có tập thể đích thực. Hững khởi này dựa trên những cơ cấu đặt định cho chúng ta một đời sống

tập thể mỗi lúc một quan trọng và giới hạn, trong chất liệu xã tính, lãnh vực của cô đơn cá nhân hay những cuộc rút lui riêng lẻ,

Chúng ta không quan niệm con người tự do như một kẻ cô độc nữa. Nỗi cô đơn cá nhân không còn là cái có nữa. Ở bên ngoài nỗi cô đơn còn tồn tại trong đám đông, có một lối thoát mở ra dẫn từ giả trạng của Tôi và tha nhân đến Chúng ta đích thực, có ý thức. Trước tiên là những thái độ căn bản của những cá nhân và những nhóm người hướng về những giá trị, cộng đồng và vũ trụ, Suy ra tình yêu thân hữu chắc chắn giá trị không cao hơn tình yêu đồng bạn bởi vì, trong khi tình yêu thân hữu tự lại trong thân giao cá nhân, tình yêu đồng bạn xây dựng trên một nền tảng rộng rãi hơn : đó là cộng đồng con người.

Đối diện với nhược điểm của triết học tình yêu, chúng ta phải khám phá xã giới như trường hoạt động thường trực. Cũng phải chống lại sự chia cách độc đoán, sai lầm giữa con người cần lao (*homo faber*) và con người tư tưởng (*homo sapiens*) Hiện hữu cá nhân luôn luôn giằng dặt giữa một chuyển vận ngoại hướng và một chuyển vận nội hướng, mà đối với hiện hữu, cả hai đều chủ yếu, Con người không thể nói lời khước từ với xã hội, với chức vụ mà rút về trong nỗi cô đơn tuyệt đối, Không thể khinh thị đời sống ngoại tại. Dường như liên chủ thể tính bỏ qua bộ diện thiết yếu của xã hội tính trong thông cảm và trong nhân giới. Liên chủ thể tính chỉ bận tâm với sự thiết lập tha nhân, nó không rọi chiếu toàn diện chế lập xã hội, không là một hiện hữu cho hai hay ba người, nhưng là một cộng sinh với vô số những ý thức.

Nếu quả thực xã hội không có quyền làm vật hóa con người Tôi sự tước bỏ mọi dẫn khởi sáng tạo nơi người thì con người ngược lại phải ý thức những điều kiện vật chất của tương giao xã hội nối liền với tha nhân, một khi con người vừa là ý thức tự tại vừa là ý thức tha quy đề sau cùng sống đúng với ý nghĩa con người.

Mối tương quan của chúng ta với xã hội tính còn sâu xa hơn mọi tri tưởng, trên bình diện nội hướng tính cũng như trên bình diện ngoại hướng tính. Bởi vì, xã hội tính không hiện hữu như khách thể hay như ngôi ba : bởi vì chúng ta giao tiếp với nó trên sự kiện duy nhất là chúng ta hiện hữu và chúng ta gắn liền với nó trước mọi khách thể hóa,

Về mặt ngoại tại, xã hội tính, ở bên ngoài tiêu cực và tích cực, vừa đồng thời

là tổng hợp của chúng, vừa là hữu toàn diện trên bình diện biện chứng.

Người chủ trương liên chủ thể thuyết, không dấn thân trong xã giới, nhưng nhìn xã giới từ trên cao, thâm tóm được một bội số những cá nhân và biết cách để chúng giao hữu với nhau trong một hiện giới, tưởng rằng đạt được nó trong chân lý. Nhưng đó chẳng qua là một biểu tượng người liên chủ thể tạo cho chúng ta, chính họ không đạt được liên giới tập thể.

Hữu toàn diện ngự trị mang theo sự khá hữu cho sự hiện hữu của quốc gia và giai cấp trong liên giới nhân loại. Cần phải chối bỏ một định nghĩa khách quan về giai cấp hay quốc gia để lãnh hội thực chất của chúng. Quốc gia phải chẳng xây dựng trên ngôn ngữ chung hay trên những quan niệm nhân sinh. Giai cấp

phải chẳng xây dựng trên con số những lợi tức nay trên vị thế trong vận hành sản xuất ? Thật sự, không có những tiêu chuẩn nào cho phép nhận biết một cá nhân đến từ một quốc gia hay từ một giai cấp.

Trong mọi cuộc cách mạng có những kẻ được ưu đãi nối kết giai cấp cách mạng và những kẻ bị đàn áp xả thân cho những kẻ ưu đãi. Và mỗi quốc gia có những kẻ phản bội. Thế nhưng Quốc gia hay giai cấp không là những vận mạng chế ngự cá nhân ở bên ngoài, cũng không là những giá trị cá nhân đề ra ở bên trong. Chúng là những cách thế cộng hữu phần khích cá nhân⁶.

Đó cũng là cách thể hiện sinh của xã hội tính. Vấn đề này song hành với vấn đề đạo đức xã hội. Tuy nhiên ở đây chúng

⁶ Sđd. 417

ta cũng không thể đề cập trong vài dòng vấn đề xem ý thức giai cấp có phải là đạo đức của vô sản (như Lukacs nhận định). Có thể ca ngợi tính cách thực của xã hội tính trong chuyển vận tập thể, đối chiếu với sự phát biểu của tinh thần duy ngã làm kiệt lực hữu thể trong một thứ kết tủa tự kỷ dẫn chết. Chuyển vận tập thể ấy phải là một thứ hiện thực toàn diện. Chỉ có hiện thực toàn diện như một nỗ lực trùng phức và bền bỉ nơi con người nội tại thoát khỏi sự thu mình tự kỷ và duy chủ thể cũng như con người tổ chức bứt ra khỏi những sự vật được sắp đặt để sau cùng con người nọ gắn liền với con người kia. Con người toàn diện ấy trở thành kẻ tuyên xưng cho một đạo đức hành động trong tranh đấu.

Sự liên kết giữa đời sống xã hội và con người không dễ dãi gì đưa tới viễn

tượng lạc quan dễ dãi, Trong một đồ võ, rã rời ít nhất là sự đồ võ của vũ trụ chúng ta mỗi dây liên hữu giữa người và người dường như đứt lìa, con người vong thân với những cử hoạt vấy vùng, trong khi chúng ta tần ngần không biết sự thất bại hay tiến bộ là định luật của lịch sử, làm sao có thể thực hiện một thái độ vượt khỏi bản ngã cá nhân mà không vương vào ảo mộng ?

Một mặt, chúng ta có thể xác nhận là ý thức lịch sử chính là một trong những phương tiện chính yếu thực hiện sự vượt qua này, một khi chuyển vận lịch sự tiến dẫn tới phổ quát hóa lũy tiến những đoàn nhóm con người trong những cộng đồng toàn thể của con người, nhưng mặt khác chúng ta cũng không quên rằng thân phận con người mang theo một tình cảm bi đát cảnh tỉnh chúng ta ra khỏi những

giải pháp chuyên chế, độc đoán, có tính cách tập đoàn, tự căn bản khinh thị con người cũng như ra khỏi những không tưởng duy tâm. Nguồn động lực phong phú nhất của những khí thế cách mạng là động lực đã phú cho con người vượt lên sự nhân nhượng, hàm ngụ tự yếu tính tình yêu khá mãnh liệt đối với con người, khi con người cũ đã cáo chung trong lịch sử, trong hồi chuông báo tử vào những ngày cuối thế kỷ XIX.

Bọn “chìm xuống” Khai Phóng nhất định đợi đến đúng ngày 9-2 tức ngày mồng 4 tết Canh Tuất mới phát hành:

TÙY BÚT MAI THẢO

Tác phẩm để đời của một trong những nhà văn hàng đầu miền Nam hiện nay. Tác phẩm duy nhất do chính tác giả tự tay trình bày.

Một tác phẩm không thể thiếu vắng trong mọi tủ sách gia đình

KHAI PHÓNG xuất bản

ĐOÀN VĂN NHIỀU NGƯỜI VIẾT

MẢNH ĐẤT BÌNH YÊN

NGUYỄN THÁI NGÃ

Sau khi dạo một vòng dưới trăng ngoài bãi, gã đưa nàng về thành phố và bước vào cái quán quen thuộc. Cái quán không lúc nào đông khách, cứ lựa thưa một vài người ra, người vào như một người mang bệnh kinh niên,

dây dưa từ ngày này sang ngày khác. Buổi tối thường buồn hơn. Một thứ ánh sáng lơ mờ đặc biệt, như muốn phô triển rõ hơn cái vẻ bệnh tật của cái quán. Nơi quây, một người con gái tóc dài có vẻ liêu trai, ngồi im lặng nhìn thẳng đường, dù biết rằng có một vài cặp mắt đang phá thủng cái bóng tối đó, hy vọng thu được hình ảnh nàng rõ ràng hơn. Khách hàng thường là giới “Kaki”, hoặc những kẻ-cô-đơn-nhiều-mặc-cảm, nghiền ngẫm hoài một lý thuyết, một nhân sinh quan, một ý thức hệ... mà không bao giờ thỏa mãn,

Thằng bé đã đem đến cho hai ly nước đen quen thuộc. Những lúc không bình thường là những lúc gã kéo mấy người bạn bất chợt được gặp lại đến để kể lể

chuyện xa xưa, thì thằng bé phải đợi gọi thức uống. Khi đi với nàng, hai người vẫn dùng thứ nước thường lệ. Thằng bé có vẻ thích gã, một cái thích tự nhiên khi cảm tình được gây ra nhiều, Gã thường xoa đầu và nói chuyện với nó. Nó cho gã biết gia đình nó trước kia ở một vùng quê gần D.K. Trong một trận đánh lớn cách đây vài năm, ba má nó bị đạn chết, nhà thì cháy rụi. Anh nó và nó lạc nhau, rồi anh nó mất tích. Nó lưu lạc từ đó và bây giờ giúp việc ở đây. Nó tâm sự, nó thèm đi học lại. Gã thầm nhủ nếu có dịp gã sẽ giúp thằng bé. Có thể gã sẽ nhận nó làm em. Gã cũng có một thằng em trạc tuổi nó. Hiện giờ gã vẫn còn lang bạt trong thành phố này nghề nghiệp không nhất định.

Từ lúc vào, hai người vẫn im lặng. Đôi mắt gã như đắm chìm vào phía

trước, tìm kiếm gì đó trong bóng tối mờ. Nàng thì nhỏ nhoi, khép nép, đôi mắt nhìn xuống bàn và thỉnh thoảng chiếc khăn tay được đưa lên. Có lẽ nàng đã khóc từ lúc ngoài bãi. Chiếc khăn không còn thẳng nếp mà đã được nàng vò lại, nắm chặt như một cần thiết, như một bám víu cuối cùng khi chợt nhận chung quanh mình trống lạnh mà trước đây đó là một ấm áp. Khi gã đốt thêm điều thuốc thứ nhì kể từ khi bước vào quán, nàng đưa tay khuấy nhẹ ly nước và bảo :

– Anh ! Em hiểu sự tìm kiếm dễ dàng tạo thành khám phá. Em cũng đã cố công trong hành trình đó, nhưng như những người khác, cuối cùng rồi cũng gục ngã. Những âm điệu cũ kỹ, những chán ngấy hành hạ chúng ta như một miên trường không dứt. Cái miên trường đó có thể đưa đến cho mình sự điên loạn. Em

thông cảm với anh về cái tuổi trẻ chúng mình nhiều lắm, nhưng... nhưng còn tình yêu của chúng ta ? !

Đôi mắt gã vẫn dán vào phía trước. Đường như lời của nàng chưa đủ đánh thức gã. Ngoài đường mưa bắt đầu nhỏ hột. Gã và nàng không biết những đám mây đen xám che khuất đi vầng trăng ngoài bãi của hai người từ lúc nào. Và từ vùng suy tưởng trở về, đôi mắt gã chợt bắt kịp bóng dáng của một người bạn. Gã nhướn người lên... buông xuống, ngồi yên. Tiếng gã mơ hồ như bóng tối :

– Yên: Em bắt anh phải nói đến tình yêu của chúng mình. Điều đó anh đã cố tránh mà không được nữa rồi... Tình yêu đã nuôi dưỡng anh rất nhiều trong thời gian gần như đói kém này. Đối với anh nó vô cùng quý giá... Mà... cuộc sống... anh không thể say mê như thứ say mê của

một canh bạc. Tàn cuộc, để thấy mình rỗng tuếch... rồi bám víu, để thấy mình căng rỗng tuếch hơn thêm. Anh muốn sống một cách sống đúng nghĩa là tranh đấu đó Yên.

– Nhưng con đường quá dài... em chắc rằng anh sẽ mỗi mệt, chán chường... Em không muốn anh cô đơn. Em muốn dù trên một hành trình nào, chúng mình lúc nào cũng dinh dưỡng lẫn nhau. Em không cần thực tế nữa. Em muốn say hoải trong giấc mộng của em.

Gã dừng lại ly cà phê đang được nâng trên môi. Đôi mắt gã nhìn nàng thật lâu, thật buồn. Đôi mắt như muốn phản đối lời nàng nói. Gã vẫn thích chuyện trò với nàng bằng đôi mắt hơn lời nói. Gã cúi đầu xong lại ngẩng lên, đốt thêm điếu thuốc mới. Cái im lặng được bắt đầu cho đến lúc hai người ra về. Đêm đó, trên căn

gác trọ của gã, nàng lại khóc thật nhiều. Gã đã ngủ quên trong những vũng nước mắt. Hôm sau, khi gã tỉnh giấc thì nàng đã ra về từ lúc nào rồi.

✱

Gã xô cửa bước vào khi có tiếng đáp lại bên trong. Đang ngồi trên chiếc xe có bánh lăn, người bạn gấp quyển sách đang đọc dở, nhìn gã trong khi gã vút chiếc xách tay vào góc phòng, thả người trên chiếc ghế bành. đưa tay móc ra bao thuốc lá. Đưa tay vén cái ống quần, xếp dưới bắp đùi của chiếc chân còn lại, bạn gã hỏi :

- Mày sắp du lịch ở đâu đó ?
- Tao về Saigon.

- Chùng nào ra ?
- Không ra nữa ! Không ra nữa !
- Thành phố này sắp bị chìm xuống biển hay sao ?

Gã cười im lặng. Một lát sau :

- Tao sắp có một chuyến đi dài.
- Còn Yên ?!... Cho tao biết về chuyến đi đó.

Gã đẩy bao thuốc về phía người bạn. Khói thuốc của hai người như muốn xô đẩy mở không khí trong đó. Nhìn bức tranh trên tường trong khi giọng nói của gã nhẹ nhàng như kể một chuyện cổ tích dài cho đám học trò nhỏ khi còn đi dạy :

- Tao sắp sửa rời bỏ thành phố này. Đã hôn Yên lần cuối và sắp tù già mày nữa đây. Ngoài Yên, tao không còn ai thương

tao và hiểu tao hơn mày. Vả lại, tao cũng nhờ mày một chuyện. Đúng hơn là nhắn mày vài lời, để lúc có gặp Yên, nhắc đến tao, mày hãy bảo cho nàng biết mà yên lòng. Bà cô đâu rồi ?!

– Má tao dường như qua bên hàng xóm.

– Những ngày bên tao, chắc mày đã rõ tao không quá lý tưởng mà chạy theo một ảo ảnh nào. Nhưng sự nhập cuộc đã có từ bao giờ, mà mình chưa có quyết định, tao cảm thấy xấu hổ nhiều. Tình trạng đó khiến tao không bình yên được. Mình không làm gì hơn ngoài cái khuôn thước sẵn có khó lòng để cửa quây, nhưng tao không muốn đang ở cái tâm trạng của kẻ bị đuổi cùng cực, chỉ còn biết nghĩ đến mạng sống của mình. Tao muốn cái thái độ đầu hàng đó phải được cân nhắc trước đã. Ngoài bản năng phản

kháng, nó còn là một hành động rất riêng tư. Bởi vì thế, nên tao không thể nói tất cả cho Yên được. Mà sẽ thay tao mà bảo với nàng rằng tình yêu tuy là khối duy nhất, nhưng nó là một phối cảnh, một nghệ thuật được cấu kết bởi nhiều chi tiết, nhiều màu sắc, mà hiện tại tao ngán ngẫm, không đủ can đảm chấp nhận những phức tạp đó nữa.

Ngừng lại để hít một hơi thuốc dài, đôi mắt lim dim của gã này giờ mở ra, quay về phía người bạn. Người bạn đã không còn những ngạc nhiên lúc đầu, mà đang tìm sự thông cảm với những lời nói của gã.

– Bây giờ tao cảm thấy thanh thoát hơn lúc nào hết. Một phần nhờ cái quyết định đó. Đã có lần tao muốn trở thành con thú giữa rừng sâu, với tất cả man dại tận cùng của nó ! Tao không thể xác

định với mây hiện tại của bọn mình có phải là một dung dưỡng cuối cùng của biến đổi với những giọt. nước hay không ? ! Nhưng không thể phút chốc mà trở lại cái điểm bắt đầu. Con đường tao sắp đi chính là một ngược dòng độc nhất tao vừa tìm được, Giải thích mà không mong sự đồng ý của mây. Nó chỉ chứng tỏ cho mây – một người ở lại – điều gì đó. Sự ở lại cũng phức tạp. Trường hợp mây chẳng hạn. Có phải sự ở lại đó chính là một đền bù cho cái hy sinh của mây chẳng ? ! Mong mây được bình yên với cái thân tàn. Vết tích đã được ghi dấu trên thân xác mây rồi đó. Lỗi là lắm, nhưng hãy hãnh diện với vai trò chứng nhân của mây, Mai sau, sẽ có lúc cần thiết...

✱

Thằng bé ngạc nhiên khi thấy gã đến với chiếc xách trên tay. Nó chột buồn khi nhìn gương mặt gã. Nó rất mến gã. Nó thương gã và đã để gã thay thế người anh ruột đã xa nó. Ở gã nó tìm được những nét quen thuộc của anh nó. Nhất là, tình thương của gã cho nó.

Nhĩa gã đốt thuốc liên tay, trầm ngâm bên ly bia sủi bọt, nó thấy gã cô đơn vô cùng. Cạnh gã chỉ là chiếc xách vô tri vô giác. Nó muốn ngồi bên gã mà trò chuyện, nhưng lại thấy sợ sợ. Gã không vui như mọi hôm đối với nó. Mỗi lần thấy gã nhìn mình, nó mong gã sẽ lên tiếng hoặc vẫy tay gọi nó lại, nhưng lần nào gã cũng lại quay ra đường hay nhìn đi nơi khác.

Gã ngồi yên lâu lắm. Đến đây, gã muốn từ giã thằng bé như từ giã người yêu và thằng bạn, Gã muốn nói cho thằng

bé nghe ý định của gã từ lâu, nhưng tình thế không cho phép gã thực hiện được một điều gì dù nhỏ nhoi. Thấy nó nhìn mình với cặp mắt buồn, gã như muốn khóc. Không hiểu sao gã lại bối rối. Ngày xưa khi còn đi dạy gã cũng có những lần tương tự. Không phải gã yếu để giảng dạy, mà trước những cặp mắt ngây thơ, trước những cuộc sống vô tư, gã thấy mình dối trá, ghen ngào. Lời giảng của gã là thiên đàng trong khi gã hiện thân trong vùng sa đọa. Gã thường bỏ lớp học vô có. Trường sở la rầy và từ từ quên lãng gã, không nhận gã dạy nữa.

Cuối cùng, gã kêu thẳng bé và trả tiền. Gã nhìn nó và chột đưa tay xoa đầu nó. Thằng bé cười như được giải thoát. Gã bỏ đi. Thằng bé chạy theo nhìn gã đến tận hút đường.

✱

Những ngày về với mẹ và em, gã vẫn buồn và ít nói đối với những người thân. Mẹ gã già và cần cỗi hơn. Đứa em thì hay lẩn quẩn bên gã. Nhà chỉ có hai anh em thương nhau nhiều. Những lúc nhận thư của anh ở xa gửi về, đọc cho mẹ nghe xong thì đứa em mân mê gìn giữ kỹ lắm. Nó thường khóc với gã như vậy.

Đến ngày gã sửa soạn lên đường, đứa em buồn và khóc thầm. Gã vừa sắp xếp đồ đạc vừa liếc nhìn nó. Gã thương nó hơn bao giờ hết. Gã chợt nhớ đến thằng bé ở quán cà phê. Ôm em vào lòng, gã hỏi :

- Em buồn ?
- Anh lại đi ?

– Ủ, lần này chắc lâu lắm anh mới về.

– Cho em theo anh với !

– Không được.

Gã buông hai tiếng ngắn ngủi và ng-
hẹn ngào.

– Ở nhà buồn lắm, em muốn theo anh để anh dạy bảo cho bao nhiêu chuyện bên ngoài mà em chưa biết.

– Không được. Chuyện bên ngoài... Em còn khung trời riêng biệt của em. Nhiều người đã không sống được cho ngày thơ của mình và đang hối tiếc như anh. Vả lại chuyện bên ngoài... xấu xa lắm.

– Em không tin !

– Không tin gì ?

– Nhưng em... như thế em vẫn như vậy hoài hay sao ?

– Không ? Em sẽ phải tiếp tục thay thế hoặc tiếp nối cho anh. Em hãy khôn khéo mà chọn bước cho mình. Bây giờ anh không thể giúp gì cho em được cả. Anh bất lực và đáng bị chê trách.

– Mong anh may mắn, Mẹ đã già rồi!

– Cám ơn em đã nhắc nhở anh. Chúng ta là những nối tiếp với nhau như thế con đường đi mới êm ái được...

*

Gã đưa cao cái cuốc, bổ xuống thật mạnh. Đất cứng và có nhiều đá, nên từ sớm àm gã chỉ cuốc xong có một phần. Gã định trồng ở đây một ít rau cải. Từ

lúc những thằng bạn lần lượt bỏ đi gã buồn vô hạn. Bây giờ thui thủi, ăn một mình, làm một mình, ngủ một mình, gã có cảm tưởng mình như con thú mà ngày xưa có lần gã ao ước. Con đường mà ngày xưa gã đã quan trọng với người yêu, bè bạn, không giúp ích gì cho gã nhiều hơn. Cuộc sống gã vẫn vậy. Vẫn lê lết từ thành phố này sang thành phố khác. Mỗi lần di chuyển là mỗi lần giải thoát cho gã những phiền muộn. Nhưng trong thâm tâm, gã tự hài lòng với chính mình. Để rồi ở thành phố này, đúng hơn là ở mảnh đất này, cuộc sống của gã thay đổi thực sự.

Gã đã lưu lại nơi này đã vài năm. Gã kết nạp được với những người bạn khá, gần cùng chí hướng, Tất cả cùng với gã trú ngụ và làm việc trên mảnh đất hoang này. Bọn gã đã mua lại của chính quyền

một giá rẻ mạt. Họ bắt đầu phá cây cối, cuốc đi những đám cỏ hoang và trồng trọt trên đó. Họ vừa làm vừa hát để quên đi những mệt nhọc. Khung cảnh sinh sống có vẻ riêng biệt và mỗi người đều nhẹ nhàng trong mảnh đất với những thành quả mà bọn gã gặt hái được. Họ làm việc chung, ăn ngủ chung, lo lắng chung và ít có những niềm vui riêng. Tất cả như bị những bàn tay của bọn gã tạo thành một khối. Họ như quên đi tất cả những liên hệ đến mình. Thời cuộc, chiến tranh đã bị cố tình đìu lặt, quên lãng, mà chỉ còn biết mảnh đất với mùi thơm của nó ở những buổi sáng, buổi trưa buổi chiều buổi tối, mảnh đất mà họ tìm được chút ít bình yên, không có chém giết, hận thù, nghèo đói, giàu sang... Và họ đã gọi nơi này là mảnh–đất–bình–yên.

Những người ta không cho cái tạm

bộ của bọn gã được lâu dài. Bạn bè gã lần lượt ra đi... Đúng ra gã cũng phải ra đi từ lâu rồi, nhưng gã còn ngần ngại, nuối tiếc, để rồi bây giờ gã nằm đây cô đơn với miếng đất. Gã đưa mắt nhìn những nơi mà bây giờ bè bạn vắng bóng. Mảnh đất im lìm như sự chịu đựng của gã. Những lung xanh đã lần ngả sang màu vàng. Con suối chảy ngang miền đất vẫn rên rỉ hoài, như muốn bảo với gã những âm thanh kỳ diệu của một trái tim còn thoi thóp, chưa muốn ngừng đập.

NHÀ IN

THẾ GIỚI

225 – 227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON

ĐÃ CÓ BÁN TẠI CÁC HIỆU SÁCH:
PHÙ DUNG ƠI VĨNH BIỆT

Hồi ký “CAI” của VŨ BẰNG, nhà văn
tiền chiến

Các bạn thích hoạt động:

BÁO CHÍ * VĂN NGHỆ * XUẤT BẢN

đều đọc : Phù dung ơi, vĩnh biệt.

Bìa do họa sĩ DUY THANH trình bày

Sách dày trên 300 trang. Giá 220đ.

THẾ GIỚI xuất bản

225-227 Phạm Ngũ Lão Saigon

ĐT: 25863

CĂN NHÀ KÝ ỨC



Huỳnh Thoại Sơn

Ba năm rồi tôi xa Kiến Hòa⁷, mới ba năm mà nghe như thật xa xăm. Trên những chuyến đi, về tôi vẫn không ngừng tìm lại cho chính mình

⁷ Từ ngày 22 tháng 10 năm 1956, tỉnh Bến Tre đổi tên thành tỉnh Kiến Hòa và gồm 9 quận là Ba Tri, Bình Đại, Châu Thành, Đôn Nhơn, Giồng Trôm, Hàm Long, Hương Mỹ, Thạnh Phú, Trúc Giang.

những cảm xúc đích thực và trong sáng. Khi bước chân trở lại quê hương yêu dấu đó, quê hương của một thời tuổi nhỏ qua mau, của kỷ niệm những chiều thu lá bay, chiều của những con đường rợp bóng mát, tôi đã nghe lại âm vang của chính tuổi thơ mình. (Âm vang những bước chân đầu tiên khi bước ra khỏi khoang xe đò, đứng băng khuâng bên bến bắc, vào một buổi chiều nào đó, buổi chiều nhiều gió lộng và mọi thứ tình thân như chờ đón mời mọc.)

*

Mỗi người phải sống hết đời mình, dù gian trá, dù thống khổ hay khắc khoải triền miên. Mỗi người là một chia cách, hoàn cảnh và định mệnh. Hứng chịu định mệnh là dẫm chân lên lửa bỏng mà từ khước là ngu xuẩn, điên rồ.

Sống ở đây mà tôi luôn nghĩ đến một nơi nào khác, một chốn khác, nơi có bầu trời vời vợi trong mắt biếc, buổi chiều áo trắng như hoa trắng nở rộ và những dấu chim khuyen ngập ngừng rộn rã. Đêm còn nghe tiếng súng xoay vòng trong ký ức, giờ giới nghiêm bắt đầu bằng hồi còi hạ dài, rục rĩ. Đêm có lửa, có sợ hãi, âu lo, có pháo kích, có trăm nghìn thứ, mà định mệnh trước mặt, sau lưng.

✱

Tôi không còn nhớ kỷ niệm nào thật dầy dặn, vì có quá nhiều thứ kỷ niệm quá khứ (con đường ven sông sáng Chứa nhật, một chỗ ngồi bên cây cầu sắt nhìn từng đoàn chiến về quỳ dưới chân Chúa, thánh thiện, im lặng). Những buổi chiều đi rong ngoài phố ngồi ở quán cà phê ven

sông, nhìn đóm lửa bên kia bờ. Kỷ niệm còn lại ở đám bạn hữu, (đã nằm xuống, phân tán, lấy vợ đẻ con, miệt mài một đời công danh, hạnh phúc.)

✱

Hãy cầu nguyện cho những kẻ hạnh phúc. Vì đời là nỗi khổ đau, đau khổ trăm điều, Có phải vậy không em mà em đã bước chân xa niềm thâm lặng, quay đi lạnh lùng. Ôi, cuộc tình một mình tôi làm người cúi mặt, buồn một mình tôi.

Buồn một mình ba năm còn chưa thấy đủ, lòng lãng đãng sương khói, tình yêu dần đến, dần đi. Không phải viết để chỉ nhớ đến một cuộc tình, đến người con gái một thời mình yêu say đắm, nhưng kỷ niệm ở đó phải có em dự phần,

cũng như căn nhà phía bên kia cầu, là kỷ niệm, là ký ức quá khứ.

Căn nhà không hàng hoa dâm bụt trước ngõ, không ao sâu cá lội nhưng bên sau cánh cửa màu xanh khép mở là tình yêu (có phải cánh cửa của Định mệnh ?) là ước vọng chuyên chở đến một người, là đôi mắt rực sáng, bàng hoàng.

Hãy dang tay đón chờ Định mệnh, hãy bình thản đợi chờ người yêu (người mình yêu say đắm) đi theo chồng. Ba năm chưa thấy đủ khổ đau, còn bao nhiêu lần ba năm nữa để đau khổ nghiền nát mình dưới đôi bánh sắt của thời gian ?

TIN MỪNG

Nhà xuất bản KHAI PHÓNG
hân hân loan tin cùng quý bạn đọc

GIỜ RA CHƠI

Một truyện dài đẹp nhất của một đời
nhà văn thời danh **Nguyễn đình Toàn**
đã được phát hành toàn quốc
từ ngày 12-1 vừa qua.

Đọc GIỜ RA CHƠI
để thấy tuổi thơ mình

Đọc Giờ Ra Chơi, anh em thương yêu
nhau hơn.

KHAI PHÓNG xuất bản

Trong khoảng trời chiều

PHẠM VĂN NHÀN

Thư ngời xuống bậc thêm của
ngôi nhà gạch đổ nát, khẩu
M16 nằm ngang trên chân.

Anh lấy đôi gương cận ra khỏi cặp mắt, dùng chiếc khăn tay lau rồi đeo lại. Buổi chiều xuống thật chậm bên hàng tre. Giòng sông Cà Ty đằng xa chỉ còn một mẩu đục lơ mờ ở phía trước mặt. Những cây dừa khảnh khiu không còn bị vút lên không gian xám đục. Những mái nhà tranh xiêu vẹo, đổ nát. Buổi chiều

thật buồn. Ngôi nhà gạch này được dùng làm nơi chỉ huy. Người lính truyền tin đang liên lạc với bộ chỉ huy cần anten dài cao vút. Tiếng người Trung sĩ trung đội phó la hét ở bên trong, vọng ra. Mày nói mày không có chồng chứ cái gì nằm chình ình ở nơi bụng đó. Chồng mày ở đâu, Tập kết hay nhảy núi ? Trăm lại thấy, chồng con không có tập kết, chồng con đi lính Quốc gia. Đ-M, mày còn nói láo ông bắn bỏ bây giờ, mới nói không chồng sao bây giờ nói chồng mày đi lính Quốc gia. Thằng Thìn cho con này qua một bên chờ đó, nó còn khóc tao cho mày được quyền.... Những tiếng khóc ầm ỨC của những người bắt được hồi chiều vọng ra làm Thư ray rức. Anh mỗi điếu thuốc lá, hơi thuốc đầu tiên làm anh thích thú. Anh rít mạnh một hơi dài rồi hỏi thằng Truyền tin :

– Có gì lạ của Đại bàng cho không ?

– Dạ có, Đại bàng cho đóng quân lại, rồi mai đưa những người tình nghi này về.

– Vô gọi ông trung sĩ Phú ra tao bảo.

Trung sĩ Phú trong nhà đi ra, trên tay cầm khẩu M16 với cái nón sắt. Phú ngồi bệt xuống bên Thư hỏi :

– Thiếu úy gọi ?

– Đã khai thác được gì chưa ?

– Tụi nó cứng đầu quá Thiếu úy. Mới có mấy đứa mà tôi đã thềm giết rồi.

– Thôi, anh cho anh em bố trí, coi chừng lũ nó luôn. Tối nay trung đội ngủ lại.

– Sao lại có việc ngủ lại đây, Thiếu úy ?

– Tôi cũng chẳng biết, lệnh của Đại bàng. Anh thay tôi lệnh cho anh em phải cẩn thận. Còn để những người trong đó cho tôi.

Tiếng người Trung sĩ dạ rồi xách súng đi xuống những bậc thềm. Mặt những hàng tre. trời lặn sau Buổi chiều mênh mông, không còn ánh nắng. Giòng sông Cà Ty ở đằng trước mặt lẫn vào trong bóng đêm mất hút.

✱

Thư mỗi tiếp điều thuốc rồi đi vào trong ngôi nhà gạch. Ngôi nhà bỏ hoang từ lâu nên có mùi âm ẩm. Người lính lục trong xách ba lô lấy ra cây đèn cây, Thư đánh diêm mỗi lửa. Ánh sáng ngọn đèn cây hắt vào những gương mặt mờ ảo.

Vách tường loang lổ những vết đạn, từng mảnh vôi tróc ra để lộ những viên gạch màu hồng sần sùi. Một cái gì âm u. Âm u như những gương mặt của những người dân mới bắt được trong buổi chiều. Ông Trung sĩ Ba kéo cái ghế đầu đến Thư, anh ngồi xuống hỏi Trung sĩ Phú :

– Anh cho anh em canh gác cẩn thận chưa ?

– Xong hết cả rồi Thiếu úy.

Thư yên chí nhìn lại đám người bắn cố vừa bắt hồi chiều. Những gương mặt mét xanh. Những cặp mắt lác thần không còn lạnh lẽ. Thư hỏi người đàn bà có chữa bên cạnh người con gái có mái tóc dài mà hồi chiều anh không để ý đến những người bị bắt. Bây giờ anh mới nhìn rõ họ. Gần 20 người trẻ già đều với khuôn mặt sợ hãi, lo âu.

– Chồng chị đi lính đóng ở đâu ?

– Dạ, con nghe nói ở đâu ngoài Bình Định.

– Ở xa như vậy mà sao chị mới có thai 5, 6 tháng,

Một vài tiếng cười của anh em lính gác đứng gần đó. Người đàn bà cúi xuống mân mê vạt áo bà ba đen, đôi dép nhật trong chân buông ra. Trung sĩ Phú ngồi bên cạnh nói :

– Thiếu úy để cho tôi. Đ.M giờ này mà còn nói láo. Chồng tập kết, nhảy núi mà cứ nói là đi lính Quốc gia. ĐM đi lính cho vẹt thì nói ngay cho rồi... Còn cô kia ?

– Ông gọi tôi.

Người con gái ngẩng đầu lên đáp.

- Cô làm cái gì trong vùng này.
- Tôi không làm gì hết.
- Mà lại búống với tao nữa phải không, Thiếu úy cho tôi đem nó ra ngoài tra một mách.

Thư im lặng ngồi dựa lưng vào vách. Bên ngoài trời tối như mực. Anh tự thấy chưa bao giờ anh sợ bóng đêm như hôm nay. Anh nhắm nghiền đôi mắt mơ màng bên khói thuốc. Anh thấy ghê tởm câu nói của Phú, giá lúc này anh có rượu uống thật say để rồi gục xuống bàn ngủ, trong một quán cóc nào đó. Anh im lặng không thể nào trả lời câu hỏi xin của Phú. Bàn tay phải anh vuốt nhẹ lên bóng súng M16. Một sự im lặng trong căn phòng gạch bỏ hoang. Anh không ngờ Phú, một người trung đội phó đặc lực nhất bây giờ lại tán tận lương tâm

đến như vậy. Có phải chiến tranh đã làm thay đổi con người ?

Thư nhớ lại : Mẹ và em nằm chết lổa lổ.... Buổi sáng, như những buổi nào. Mẹ và em gái anh ra rẫy thì hay Tây lên bố ráp, hai mẹ con sợ chạy trốn vào bụi gai dúm ở bên gò, thế mà bọn Tây đen nó vẫn thấy bắt hai người ra khai thác rồi thay phiên nhau hăm hiếp. Mười một thằng thay phiên nhau thỏa mãn thú tính xong thì mẹ và em anh chỉ là cái xác không hồn. Hình ảnh mẹ và em còn đó, anh không thể nào nhìn thấy những đòi hỏi, những dã man của Phú, bỗng dưng nước mắt Thư ứa ra. Thư đứng lên nói :

– Không, không được. Chúng ta không có những hành động khai thác đó. Các anh hãy nghe tôi, các anh hãy để yên tôi.

Thư nói có vẻ hần học. Người Trung sĩ biết tánh Thư rồi cũng thôi. Sự im lặng lại trở về trong căn phòng bỏ hoang đầy bụi nhện, lòng anh thấy se lại như một buổi sáng nào trên rẫy nương. Thư nhìn Trung sĩ Ba :

– Anh ra xem anh em canh gác ra sao, xem chừng đêm nay đó. Còn Phú lấy tên tuổi của những người này hết chưa,

– Xong hết rồi Thiếu úy. Mai chỉ có việc giải họ về là xong.

Thư bắt đầu gợi chuyện người con gái.

– Tại sao cô phải ở trong vùng này để bị bắt ?

– Tôi về thăm nhà bị mấy ông bắt.

– Cô ở đâu mà về ?

– Ở dưới Quận.

– Vậy ai là người bà con của cô.

Người con gái chỉ người đàn bà có thai rồi nói :

– Chị tôi đấy. Chị bà con bạn dì ruột.

– Có chắc như vậy không ? Thưa hỏi.

– Ông không tin tôi đó là quyền của ông, còn tôi có sao nói vậy.

– Cô làm gì ở dưới Quận ?

– Đi học. Hôm nay nghỉ về thăm nhà thì bị bắt.

– Thưa ông, chị em tôi bị bắt như vậy có sao không ?

– Chắc là không sao. Mai tôi đưa bà con về dưới có gì khai thật, rồi người ta thả về.

– Dạ, cảm ơn ông.

Thư nhìn thấy những vẻ mặt lo âu của 20 người dưới ánh đèn cây. Những người cùng với anh một giọng nói, một màu da, một dòng máu. Những con người cần cù như mẹ và em anh. Bây giờ những con người đó ngồi trước mặt anh, anh thấy cần phải có một cái gì rất gần gũi.

Mẹ chàng ? Em chàng ? Không, mà là tất cả. Chỉ có chiến tranh mới làm cho con người ta thù hằn với nhau, chứ những con người này có thù hằn gì đâu. Thư ngồi xuống hỏi chuyện một ông cụ ngồi dựa lưng vào vách có vẻ mệt mỏi :

– Cụ ở đây hẵn là lâu ?

– Dạ.

– Mấy ông trên núi thường có xuống không, cụ ?

– Ông hỏi mấy ông nào ?

– Thì mấy ông cộng sản đó.

– Ô ! Tưởng ai chứ mấy ông đêm nào lại chẳng xuống, có khi cả ban ngày.

– Không sợ quốc gia lên sao ?

– Quốc gia nào ?

– Như tụi cháu đây nè. Tụi cháu là lính Quốc gia, lính của đồng bào. Đồng bào không có sợ gì hết. Thưa nói.

– Sao mấy ông nói mấy ông cũng lính của đồng bào.

Thư và mấy người lính còn lại trong căn phòng cùng cười theo câu nói vừa rồi của cụ già. Người con gái cũng ngược

đầu lên hất mái tóc, mỉm cười theo những người lính.

Thư hỏi tiếp :

– Đồng bào ở đó cực khổ sao không bỏ đi tìm nơi khác mà làm ăn.

– Bỏ đi đâu nữa thầy. Tụi tôi sống nhờ chút ít đất để lại, bỏ đi biết lấy gì mà sống. Xa cái cày cái bừa có nước chết đói.

– Thì ở đây cũng chết về súng đạn vậy ?

– Quen rồi Thầy à. Đêm nào cà nông ở dưới cũng bắn lên.

– Có khi nào lũ nó chết không ? Trung sĩ Ba, hỏi.

– Lũ nào Thầy ?

– Thì cái bọn giải phóng đó.

– Có chứ.

Thư nhìn bà cụ ngồi bên cạnh người con gái hỏi :

– Còn cụ, cụ thích Quốc gia hay giải phóng.

– Lão già rồi có biết gì là Quốc gia, là giải phóng.

Người con gái ngồi bên bà lão cúi đầu xuống, tay vẽ những vòng tròn trên nền nhà, Thư nhìn thấy mái tóc xõa trên vai, anh nghĩ đến Duyên. Nghĩ đến những ngày phép ngắn ngủi, những buổi sáng trời mù sương hai người đi trên bờ sông. Duyên cũng có mái tóc đỏ. Cũng vóc dáng đó và cũng có cặp mắt nhãn lòng lay láy. Rồi những ngày phép cũng hết, anh trở lại với cuộc chiến, với xóm làng không có người ở, với những cây dừa khẳng khiu không còn bẹ vì thuốc khai quang.

Duyên cũng ở trong vùng bị chiếm, nàng theo gia đình bỏ làng mạc về ở khu định cư bên bờ sông. Giá như Duyên còn ở trong vùng bị chiếm thì làm sao tránh khỏi những cuộc hành quân lục soát bắt bớ. Hay những sự đóng thuế của những người ở bên kia. Trăm chuyện rồi cũng trút lên đầu lên cổ người dân, Thư thấy chua xót, ray rức. Những sự tình nghi, bắt bớ. Những cái chết xảy ra thật lảng ở trong thành phố bởi những trái đạn từ bên kia rớt tới. Cuộc chiến lan tràn. Ba ngày trước chàng nhận được thư Duyên cho hay thành phố bị đến 10 quả bích kích pháo. Có một trái rớt xuống mé sông làm chìm một chiếc ghe máy, khá là khu định cư không sao.

Thư mỗi tiếp điều thuốc rồi đứng dậy lấy khẩu M16. Anh nói với đám người bị bắt hồi chiều :

– Bà con ngồi yên ở đây, ai có đi đâu thì nói với lính gác kẻo không họ tưởng lầm bắn chết thì ráng chịu.

Xong Thư bước ra. Người con gái đưa mắt nhìn theo chàng rồi tiếp tục cúi xuống vẽ những vòng tròn trên nền nhà gạch sập đổ.

Điệu buồn trở lại

DẠ SẦU

Bây giờ, tôi nghe buồn trở lại,
chập chờn, man mác, cô liêu...
Điệu buồn như bất tận, muôn đời. Điệu
buồn lên cao xa tít.

“Hôm nay trời nhẹ lên cao

Tôi buồn không biết vì sao tôi buồn!”

Buồn mang mang. Buồn đến, dằng
dặc tâm hồn. Hơn 7 tháng rồi, qua nhanh
quá. Điệu buồn bây giờ trở lại. Buồn như

chưa bao giờ buồn. Cái buồn về với cái xác thằng em. Nó nằm đó. Mắt nó thao láo. Miệng nó loét ra. Một đường máu chạy dài qua màng tang nó, xuống tận mang tai. Nó nằm bất động, tay chân buông ruỗi. Nó là cái xác không hồn. Tôi nghe đâu đây lời than vãn của vợ nó !. Đau thương và tàn nhẫn làm sao ! Buồn đến với ý tưởng vô vị của cuộc đời. Cái xác hãy còn nằm đó, nằm trong tư tưởng tôi, và chập chờn, ẩn hiện...

Không phải bây giờ ! Không phải bây giờ ! Bây giờ chỉ là ngày vô vị, ngày nhàn rỗi hoàn toàn. Xác vô hồn không phải đến với tôi chỉ những lúc như vậy. Ngày trước, ngày đã lùi vào dĩ vãng xa đây không mấy.

Ngày nào tôi cũng thấy, cũng cảm nhận ; cảm nhận đến buồn nôn những thân xác nằm phơi ra đó. Trước nó, tôi

không ngờ ngác, mà hết tình người đứng nhìn. Rồi quay đi. Miệng mỉm cười... Và cứ chiều đến, tôi buồn : điệu buồn bất tận.

Điệu buồn kéo dài ! Những câu hỏi đến, đọng đầy tâm tư khô cằn của tôi. Những câu không thể trả lời. Không trả lời không phải vì nó khó, nó tối nghĩa. Nhưng vì nó quá dễ dàng cho đến đôi không biết phải trả lời ra sao ! Buồn vô cùng. Buồn quá.

Buồn trĩu nặng trong những khi nhìn cảnh trời chiều, bên ven sông vắng. Một cái xác bình bênh trôi qua, nằm ngửa. Chợt hỏi : Sao lạ vậy ? Cuộc hành quân đã chấm dứt rồi mà. Với đôi mắt không ngờ ngác, nhưng ngó lơ. Nặng buồn !

Nhưng buồn đến, không ở mãi. Buồn đi rồi, Đi 7 tháng rồi. Từ ngày mình lìa xa

rừng thiêng, núi thẳm. Nơi đó, con sông nhỏ, miên man dập diu thân xác, nước nó màu đỏ. Màu như màu máu đông đặc.

Buồn đến muốn mưa. Buồn nôn. Cái xác vô hồn, lơ lửng vẫn còn nằm yên trong tư tưởng. Chơi vơi. Điệu buồn trở lại vì nó. Mình có làm gì đâu ? Thế mà, nó vẫn không buông tha. Nó bám chặt lấy. Nó như một lớp keo mỏng đã thoa rồi và dính ở đó muôn đời. Buồn ơi! Buồn ơi ! Ta van mi !

Nhưng không ! Điệu buồn muôn thuở. Điệu buồn đã trở lại rồi. Điệu buồn còn nằm đó, nằm đó như yên nghỉ trong ta.

Mình nhớ đến những ngày hành quân, những cuộc hành quân đầy xác địch. Ngổn ngang nằm đó. Một chân đã bay đi. Mặt chỉ còn một nửa, đang nhe

răng hai chiếc lơ lửng, hé cười. Man dại,
không còn tình người, không còn tình
người !

Buồn! Buồn ! Mi đi đi. Điệu buồn
muôn thuở !

Hồn mưa muộn



TỪ HOÀI TẤN

Nắng đã rút qua bên kia con kinh
đục ngẫu. Một khoảng im vắng
đủ để ngồi, thở, và thơ mộng. Người
đàn ông khoan thai đứng dậy bút một
ngọn lá màu sẫm vò nát trong tay. Gã
hút thuốc lười biếng nhưng vẫn kẹp giữa
mấy ngón tay khô cứng không muốn

vút đi. Hình như đã lâu lắm rồi tôi ở đây. Ý tưởng dời đi như một thôi thúc, mỗi đêm, nằm trên giường ẩm ướt nghe nước lên rồi nước rút đi mùi nước nghe đã quen như một âu yếm nào. Những vết thương cũ ngày thơ ấu được khơi dậy từ đó. Xó chợ, đình làng. Quê hương của một quang trời thôn dã hiền hòa rất xưa, tưởng như cơn mộng vừa hút bóng, nhớ lại để ngậm ngùi. Những chiều cùng mấy đứa bạn dạo quanh làng, từ bờ hồ trước ra phía sông sau – ngôi làng thân yêu nằm giữa cánh đồng, lạch và con sông nhỏ, vào những mùa tát nước bắt cá thật rộn rịp, tiếng cười nói chửi lộn vang um trên đường làng, những đứa nhỏ lem luốc thân thể mặt mày xước rổ cá vừa bắt được (khi những người thâu đã gỡ lưới đi) xuống chợ bán, một số tiền còn con dành dụm may áo quần cho Tết sắp đến – những đứa bạn giờ thì mỗi

ngã, không còn thấy tăm hơi. Chúng ta lớn lên đồng thời với nỗi chia cách tự nhiên. Từ bỏ đồng ruộng của quê nhà, những đêm trăng trong gió mát ngồi dưới đình ê-a hát, những ngày mùa ra đứng ngó mọi người gánh lúa về, từ bỏ hết, những thú vui chỉ còn là kỷ niệm, tôi theo gia đình lên thành phố. Thành phố và những con đường vắng, đâu đó lạc loài một vài hình ảnh của kỷ niệm, của quá khứ một vùng trời sinh trưởng vừa trôi qua. Đời sống vẫn chảy như giòng sông lặng lẽ đã bấy nhiêu tháng năm ai hay ai biết. Tôi trải qua một thời thiếu niên cắp sách đến trường. Nhiều người bạn mới, nhiều mơ ước mới, nhưng cái ý tưởng về sống dưới làng vẫn cứ dằn vặt luôn dù biết là không thể về được, từ một đêm binh loạn đã biến đời sống êm đềm khi xưa thành những bất trắc khôn lường. Những buổi sáng chủ nhật

đạp xe đạp về thăm ông bà Nội Ngoại, các bác, các dì, ăn nải chuối vườn, uống chén nước lã của bà Ngoại, rộn ràng tiếng cười đùa của mấy anh chị, em nhỏ nhít, trèo lên cây vú sữa vặt vẻo ngồi ăn một cách thích thú, nhìn làng chợ phía dưới, không khí trong lành thấm mát buồng phổi, bầu trời rộng thênh thang, tôi ao ước đời sống mãi như thế này, ngoài những đổi thay những tan tác liên miên. Nhưng khi vác xe đạp ra ngoài xóm để lên phố, những giờ phút mơ mộng ấy đã không còn, nặng nề đạp qua con đường đất, ngôi làng trong một cái nhìn ngoái lại xót đau lòng quê cũ. Thôi hãy ngủ yên hồi những ngày xanh mộng thuở nào, hãy ngủ thật sâu trong lòng tôi. Tôi đã bỏ thành phố ấy để ra đi, hết những ngày chủ nhật về làng, hết những đón đầu mỗi tuần trở lại. Bây giờ, đứng đây, con kinh những mùa nước bất thường, những căn

nhà nền ván thay đi thay lại từng năm, những người đang sống bình yên, cũng không gian cũng bầu trời nhưng chẳng bao giờ rộng thênh thang như phía chân trời cũ. Sinh kế, làm ăn. Đời sống chỉ là những sợi dây đối lốt tuần tự trói buộc ta ở yên cam chịu. Những mối tình thoáng qua như cơn gió nhẹ êm đêm một phút giây tan mất. Tôi chưa hề yêu một người nào. Có những đêm nằm nghĩ tới một cuộc sống chung với một người đàn bà, và rồi một đứa con nhỏ, tôi không khỏi tức cười cho tôi. Tôi rửa cái thân thể nuôi chưa tròn của tôi, tôi rửa cái mộng mị của tôi, một thân lo cũng không xong còn ham đeo bông chi nữa. Ý nghĩ thoáng hiện thôi, đời sống hiện tại vẫn chương mặt ra đây, tôi coi chuyện vợ chồng như một xa xỉ, không đáng cần thiết. Tôi ôm những ngày độc thân với một vẻ gì như hoài niệm. Có đúng thật không đời tôi

là chuỗi tháng năm tưởng nhớ xa xôi ?
Mãi vọng về đằng sau, bởi phía trước là
mù sương dày đặc, những bước chân đi
như muốn rơi hổng vào vực sâu. Đằng
sau : ngày tháng trải qua nhìn rõ mặt lưu
luyến, phía trước : tôi không bao giờ thấy
nổi, có lẽ vì vậy mà tôi cứ nuối tiếc quá
khứ chẳng ? Tôi bật cười thầm, nghĩ mãi
rồi cũng chẳng giải quyết được gì cả. Tôi
thử an nhiên coi, tôi thử bình thường
coi. Không được, tôi bực bội với trí óc
tôi, nhưng cũng thấy khá sung sướng sau
những giây phút bực bội ấy. Tôi nghĩ tôi
kỳ lạ, như một thằng điên, đúng rồi, như
một thằng điên. Tôi cười lớn.

– Ông cười gì thế ?

Tiếng đứa nhỏ vang lên sau lưng
người đàn ông. Gã quay lại nhìn đôi mắt
trong đen to của đứa nhỏ, một chút băn
khoăn trong đó, ngừng cười, gã bước tới

cầm bàn tay nhỏ xíu của nó và hỏi :

– Em ăn cơm chưa. Sao ra ngoài này?

Vẫn giọng nói trong veo của đứa nhỏ trả lời.

– Em ăn rồi. Mời ông vào ăn cơm.

Gã đàn ông ngồi bệt xuống ván, vòng tay ôm đầu gối, nói :

– Thôi được, lát tôi ăn với má em. À, má về chưa ?

– Thưa ông chưa. Bữa nay má bận lên ông gì đó nói chuyện.

Gã đàn ông lại mỉm cười, bên đứa nhỏ ngây thơ, gã chợt thấy lòng thanh thản, hết choáng ngợp với những ý nghĩ lộn xộn lúc nãy. Gã muốn trò chuyện thật nhiều.

– Bài vở ngày mai học xong chưa ?

– Thưa ông rồi. Tháng này chắc em đứng thấp quá, mới hồi sáng em làm bài toán không ra. Lát tối ông chỉ em nhé.

– Được. Sao em cứ gọi tôi bằng ông hoài vậy.

Đứa nhỏ lúng túng trước câu hỏi bất chợt của gã, chập sau nó mới đáp :

– Thưa ông tại quen rồi không đổi được.

– Em thử gọi tôi bằng chú coi.

Đứa nhỏ cười :

– Ông...

Hai người cùng cười, Một lát. Tôi ở đây đâu chừng được ba bốn tháng gì đó. Người mẹ đứa nhỏ này tôi quen biết

là nhờ một cô bạn cùng sở, nhân tôi than là thuê nhà đắt quá, chị bạn bèn giới thiệu nơi đây. Chị bạn có lẽ thấy tôi người cũng khá nên mới dám ngỏ lời. Lúc đầu người mẹ đứa nhỏ không chịu vì vấn đề là trong nhà không có ai đàn ông con trai, ngoài chị ở, đứa nhỏ cùng nàng (tôi không biết gọi thế nào cho ổn vì nàng mới trên dưới ba mươi, nhưng cứ gọi thế cho tiện). Nàng sợ tai tiếng của mọi người chung quanh, chông chết khi không lại rước một người đàn ông vào nhà làm sao tránh khỏi những lời đồn đại của hàng xóm, Tôi cũng ngần ngại thật, nhưng hoàn cảnh khó khăn quá, đồng lương của tôi, tôi im lặng cho chị bạn nói chuyện với nàng ta. Cuối cùng nàng cũng chấp nhận và cuộc sống vẫn khá bình lặng, không có gì phiền phức. Tôi chưa nghe một ai nói gì. Hình như những ánh mắt dòm ngó lúc đầu đã hết

đi, mỗi người còn phải lo âu cho đời sống riêng, vật giá, nhà cửa, tình cảnh và mọi sự. Tôi mong được yên thân như thế. Trôi hết những ngày trầm lắng của cuối đời thanh niên. Nhưng bây giờ tôi lại muốn bỏ đi. Đầu óc tôi lúc nào cũng réo gọi một cuộc lang thang không định hướng. Những cảnh cũ : xin việc làm, chạy nhà ở, và một đêm ngủ trọ bị mời về bót, những ngày đói rách không có việc làm. Như thế. Không thể được. Tôi nhứt quyết đánh tan tiếng gọi đó đi. Hết thời lông bông ngày nào rồi, hết những dòng máu hăng say háo hức rồi. Chỉ là một thói quen, phải rồi, ý tưởng bỏ đi đó chỉ là một thói quen từ bao nhiêu năm nay mà thôi. Hãy nhớ tới hiện tại và bằng lòng với chính nó. Tôi trở về với đứa nhỏ.

Đứa nhỏ vẫn lặng im bên người đàn

ông, không nghe gã nói gì cả. Một lúc lâu, nó cất tiếng hỏi :

– Ông nghĩ gì thế ?

Người đàn ông nhìn nó, vẫn nụ cười không hết :

– Tôi nghĩ gì đâu.

– Em vào nhà nhé ?

– Không. Cứ ở lại chơi với tôi. Em nói chuyện ở trường cho tôi nghe với.

Đứa nhỏ quay qua quay lại thân mình rồi nó ngồi xuống im lặng. Chợt nó thốt lên :

– Sao giờ này má chưa về ?

Đứa nhỏ như nói với ai đó, một mình. Người đàn ông xoa đầu nó, vỗ về :

– Lát nữa chứ không lâu đâu. Em có gì vui kể tôi nghe đi. Má về liền bây giờ. Kể đi.

– Em chẳng có gì vui cả.

– Tôi kể chuyện cổ tích cho em nghe nhé.

– Thôi, em không khoái nghe chuyện cổ tích.

Người đàn ông hơi ngạc nhiên hỏi :

– Thế em thích nghe chuyện gì ?

Nhưng đứa nhỏ đã đứng dậy reo lên :

– Má về, má về kìa ông.

Nó chạy biến ra đón người đàn bà vừa mỉm cười âu yếm vừa đi tới. Nó nắm giắt cánh tay như muốn lôi ngay người

đàn bà vào nhà. Tiếng người đàn bà khẽ găt lên :

– Gì thế con ?

Qua chỗ người đàn ông, người đàn bà dừng lại. Người đàn ông đứng lên, cũng mỉm cười tự nhiên. Hai người không nói gì với nhau. Người đàn ông chợt thấy trong mắt nàng có gì lạ lùng khác hẳn thường ngày. Nàng đứng lặng như thế một lúc lâu rồi dắt đứa nhỏ vào nhà. Cái gì thế ? Tôi tự hỏi một mình. Tôi đứng tựa người vào hàng hiên nhìn ra con kinh. Trời chập choạng, người con gái quen thuộc hình dáng bên kia đang rửa chén bát, một ông lão ra đứng hóng mát thở những làn khói dài vờ vờ mất tích giữa mặt kinh. Một ngày sắp hết. Một ngày trong một đời sắp qua. Tôi đưa tay vuốt tóc, những sợi tóc này khi nào thì bạc trắng. Tôi sờ má, sờ cằm, đôi má

này bao giờ rần reo cái cầm này bao giờ râu dài thậm thụt. Tôi tức cười khi nghĩ đến những ngày già cả. Tưởng tượng mỗi chiều vác cần câu ra sông ngồi câu cá, hoài niệm đời tuổi trẻ thanh niên xưa. Có thể như thế. Sẽ vuốt râu sẽ sờ tóc sẽ vác cần câu ra sông hoài niệm. Kỳ lạ. Tôi không còn một chút gì ham muốn nữa sao. Tuổi già. Sẽ tới. Những tham vọng nào cũng tàn phai. Cứ nghĩ như vậy thì làm được việc gì nữa. Tôi liên tưởng tới thái độ người đàn bà lúc nãy. Cái gì thế? Tôi tự hỏi rồi không tìm nổi câu trả lời. Tôi linh cảm có một việc gì bất ngờ sẽ xảy ra nhưng không hình dung được. Cái gì thế?

Đứa nhỏ trở ra mời người đàn ông vào ăn cơm. Gã thủng thẳng bước, vươn vai, rồi thở dài.

Bữa cơm thật im lặng. Hai người

không nói gì với nhau. Người đàn bà nhuộm vẻ phiền muộn, u ám thì đúng hơn. Thỉnh thoảng nàng ngước mắt nhìn người đàn ông trước mặt, cố nén một tiếng thở ra trầm buồn. Người đàn ông không chịu nổi không khí khác thường đó nên lên tiếng hỏi :

– Hôm nay chị có vẻ bệnh ?

Người đàn bà bắt gặp đôi mắt người đối diện nhìn mình, có cảm tưởng vương vীu một chút âu yếm xa xưa đã mất. Nàng mỉm cười.

– Không. Tôi vẫn khỏe.

Người đàn ông muốn hỏi thăm thêm nhưng lại thôi, gã không thích tò mò xen vào chuyện riêng của người khác. Gã và nốt chén cơm trên tay rồi đứng dậy.

– Sao thế ? Anh không ăn thêm.

– Tôi vừa đủ rồi chị.

Vẫn như mọi ngày – gã dừng lại một chút, giọng pha trò – có lẽ nên giữ cho mình điều độ thì tốt hơn hết, lỡ ra... không ai chăm nom.

Người đàn bà cười ẩn giấu một ý nghĩ thâm kín. Nàng cũng rời bàn ăn và kêu chị ở lên dọn dẹp. Khuôn mặt nàng vẫn buồn buồn. Căn nhà thật tĩnh lặng. Đèn đã bật sáng và đêm. Đêm bắt đầu. Người đàn ông đốt thuốc ngồi phà khói thành những đóm sương nhỏ bay trước mặt. Đứa nhỏ mang sách vở ra bàn học, tiếng nó cất lên cho căn nhà nổi ấm cúng quen thuộc. Người đàn bà mặc đồ ngủ bước ra đứng bên đứa nhỏ nhìn nó học bài một lúc rồi trở vào buồng. Người đàn ông chợt đứng dậy đi ra ngoài hiên. Tiếng hát gã vang lên trầm trầm ngoài đó. Người đàn bà từ trong buồng trở ra

ngồi vào chiếc ghế đối diện với chiếc ghế người đàn ông vừa bỏ trống. Nàng lăm lăm thâm gị đó không nghe rõ. Khuôn mặt vẫn buồn buồn kỳ bí. Nàng bút ngang một nụ hoa trên bình cắm màu vàng nhẹ để giữa bàn, nàng kể môi hôn rồi giận dữ vò nát trong tay. Đứa nhỏ im tiếng, nó quay về người mẹ gọi:

– Má. Má giảng con chữ này đi.

Người đàn bà tới ngồi bên đứa nhỏ. Nàng làm theo ý muốn của con. Nàng hôn làn tóc thơm tho của nó. Nàng đưa tay quệt đôi mắt. Hình như nàng rơm rớm nước mắt. Đứa nhỏ vẫn chăm chú với bài vở không hay biết. Nàng rời con, nhẹ nhàng trở vào buồng lại.

Tiếng hát ù ù của người đàn ông đã bật từ lâu. Gã đi đi lại lại trong bóng tối. Con kinh đen ngòm không thấy gì cả.

Mặt nước thỉnh thoảng lóe lên một vài giọt (những con cá vừa đớp mồi) lóng lánh, mất tích. Người đàn ông búng điều thuốc xuống dòng nước, đứng lại, thu mình vào chỗ tối, im lặng. Lúc lâu gã bước vào nhà, đến ngồi bên chiếc ghế cũ, đánh diêm châm một điều thuốc khác, Buổi tối thật khó chịu. Hình như nàng muốn nói điều gì với tôi. Tại sao thế ? Có gì mà phải ngập ngừng ? Nếu nàng muốn tôi rời bỏ nơi này, tôi sẽ không bao giờ oán hận nàng. Tôi chấp nhận được và rất vui. Đời sống lêu bêu của tôi đã như vậy. Tôi sống rày đây mai đó đã quen, bây giờ thêm một lần nữa cũng chẳng sao. Nhưng nàng vẫn bình thường, không có một nét bức bối nào từ trước hoặc khó chịu trong bữa cơm vừa rồi. Nàng có vẻ buồn bã quá, tôi không nói năng gì được. Có lẽ nàng gặp phải một chuyện khổ tâm. Đứa nhỏ nói hồi chiều nàng

lên ông gì đó nói chuyện. Có lẽ... Tôi bỏ dứt ý nghĩ không muốn tiếp tục. Tôi nản. Tới đâu hay tới đó. Dù có đi dù ở lại thì cũng vậy. Đời sống, cám ơn đã tạo cho tôi sự chịu đựng bền bỉ, mọi cuộc thay đổi dầu quá ngoài tầm sức cố gắng bước qua được. Nếu cần, mai sáng tôi sẽ đi. Nhưng đêm nay, một nỗi kỳ lạ không tên tuổi bám chặt đầu óc tôi, phải có một cái gì, một cái gì...

Tiếng dép lép xẹp của người đàn bà trong buồng bước ra, nàng đến bên đứa nhỏ bảo nó đi ngủ, ngập ngừng một chút rồi lại ngồi đối diện với người đàn ông. Người đàn ông ngẩng đầu lên nhìn, gả cất tiếng :

– Hình như chị có điều gì muốn nói với tôi ?

Người đàn bà cúi đầu, bẻ mấy ngón tay không nghe kêu. Nàng nói :

– Tôi...

– Chị cứ nói. Lúc nào tôi cũng kính trọng chị.

– Hồi chiều – nàng ngược mặt nhìn người đàn ông – tôi lên nhà một anh bạn. Anh ấy hỏi cưới tôi. Tôi muốn...

Người đàn ông cười nhẹ :

– Tôi mừng chị. Chị định sao ?

– Tôi vẫn phân vân từ chiều đến giờ. Muốn hỏi ý anh nhưng ngại mãi.

Người đàn ông lặng im. Đôi mắt người đàn bà rực sáng một nhen nhúm hy vọng bùng lên làm gã cúi đầu xuống. Không biết nói gì bây giờ. Đó là chuyện riêng của nàng, thật khó khăn. Ý kiến gì

? Tại sao nàng lại hỏi tôi ? Tại sao nàng không hỏi một cô bạn nào đó như cô bạn cùng sở với tôi chẳng hạn. Tôi có can hệ gì đâu. có quyền quyết định gì đâu ? Hay là đến lúc mình phải dọn đi nơi khác...? Nàng hỏi có vẻ thật tình. Tôi không nghĩ là nàng muốn đuổi khéo tôi. Ba tháng sống ở đây cho tôi chắc chắn là như vậy.

Người đàn ông cất giọng trầm trầm :

– Tôi thật không nghĩ ra ý kiến gì hết. Vì đó là chuyện riêng của chị. Không, chị nghe tôi nói. Tôi thật tình không có ý kiến gì hết. Nếu chị thấy tiện thì mọi sự đều dễ dàng.

Người đàn bà tấm tức khóc. Nàng vụt đứng dậy nói nghẹn trong tiếng nấc, tiếng nấc cuối và cơn khóc vỡ ra :

– Anh chẳng bao giờ hiểu.

Xong, nàng bỏ chạy vào buồng. Người đàn ông kêu lên sững sốt, gã đứng dậy dợm chân chạy theo rồi ngừng lại ngay. Một ý nghĩ lóe lên trong đầu óc tôi : Có lẽ nàng yêu tôi. Tôi vỗ vỗ cái đầu tôi, cười nhạo. Tôi có bao giờ nghĩ tới sự việc đó đâu. Không bao giờ. Nhưng cũng có thể lắm. Không dung nàng hỏi ý tôi về việc tái giá. Thật lạ kỳ. Trở về với thắc mắc cũ : tại sao nàng không hỏi một cô bạn gái nào đó. Tôi chợt cảm thấy sợ. Tôi làm thế nào đón nhận tình yêu của nàng. Vừa ở có mấy tháng lại ra mặt lấy người chủ nhà. Tôi rất ít để ý đến bên ngoài nhưng không muốn họ nghĩ xấu cho tôi, nhứt là chị bạn giới thiệu tôi lại ở đây. Hay chị ta cũng có dụng ý tác hợp từ trước ? Tôi muốn nhức đầu vì mọi thứ. Ý tưởng bỏ đi lại thúc giục mạnh mẽ. Tôi muốn được yên thân, một mình, Cuộc đời cô độc giúp cho tôi nhiều niềm sung

sướng được nhớ nhưng không đau. Tôi biết nếu tôi lấy người đàn bà nào đó tôi sẽ không chung sống lâu dài nổi, dù không trở thành một tên sở khanh, nhưng rồi cũng sẽ bỏ đi. Những cuộc gian nguy đã gắn liền với cuộc sống tôi như một định mệnh, tôi chờ đợi chúng đến xô đẩy tôi trong trận gió cuồng hay cơn bão nào cũng được, tôi sẽ rất vui mà ca ngợi chúng. Tôi thích yên, một mình, không vướng bận người nào khác. Sự việc. Thật khó nghĩ. Không biết nói sao với nàng. Thôi đành để yên như vậy. Ngày tháng. Cũng phai đi trong lòng mỗi người, Tiếng khóc người đàn bà vẫn nhẹ đưa ra. Người đàn ông có vẻ bứt rứt đi lui đi tới và chầm thuốc liên miên. Gã ngồi xuống ghế rồi đứng dậy hằng mấy lần, không yên được. Gã bước ra ngoài hiên đứng ngó xuống mặt kính.

Tôi không chịu nổi tiếng khóc nữa rồi. Tiếng khóc dai dẳng làm đầu óc lúng túng khó chịu. Trời thật nóng. Bỗng dưng ước một cơn mưa. Ừ, một cơn mưa có lẽ sẽ đỡ hơn. Con kinh vẫn đen ngòm lạnh lùng. Mùi nước không còn hôi như những ngày đầu mới tới. Mọi sự rồi cũng quen. Nhưng tiếng khóc... Căn nhà bên kia sông ngọn đèn thấp sáng. Một người giặt áo quần. Một người đứng hóng mát. Tiếng radio ca một khúc cải lương, mùi mẫn nghe thanh thoát. Nơi chốn đã quen thuộc đối với tôi. Cuộc lang thang chợt buồn bã. Tôi không dừng lại được một nơi nào (ngoài giấc ngủ cuối cùng của đời người đôi khi cũng mơ ước đến. Tại sao tôi lại phải đi ? Đời sống vẫn cuốn cuộn ồn ào thu hút, mọi tình thân vẫn mở cửa và những yêu thương vẫn chờ đợi môi hôn. Một vùng thời ấu thơ đậm nét tự nhiên trở về. Đó là nơi đích thực

có thể cầm chân tôi lại được. Nhưng cũng không còn. Làm thế nào để trở về? Những bắt trắc thường xuyên những xa cách nghìn dặm. Chân đã mỏi, thân thể sinh động này lưng đã còm hẳn xuống, tuổi đời vẫn chất chồng thêm lên. Rồi những tháng năm già cỗi tới. Mọi người lớn lên thirona sang nhiều nhất với kỷ niệm. Tôi không ở yên. Một ngày hùng sáng trong hy vọng mỗi người, là khỏi một kỷ nguyên bình lặng. Thật quá xa. Nhưng vẫn còn một lý do nào đó tôi tưởng tượng ra được là trước lúc nằm xuống xin được trở về. Những chiều buồn trên đường tan sở tôi hình dung tôi vẫn còn đi trên những lối mòn niên thiếu vô tư. Những buổi tối một mình vẫn nghe một chút gì thời học trò chong đèn bên sách vở, những mơ mộng, những người con gái xinh đẹp vừa gặp. Thôi. Vết thương tâm càng ngày càng lớn. Không gian êm

lành càng lúc càng thu hẹp lại. Vô vọng từ những ý nghĩ đau xót cuộc đời. Rồi lại sống, an ủi mình, vỗ về mình, hãy tỉnh táo đi con đừng tham lam nghĩ chuyện này chuyện khác, con hãy sống tự nhiên và chờ đợi một cái gì. Cái gì vậy ?

Người đàn bà. Xin lỗi. Tôi đã không dùng được, đã nghĩ tới nàng. Không, tôi sẽ không nói gì với em đâu. Tôi đã nhận rõ ràng là em yêu tôi. Nhưng chắc chắn là tôi sẽ đi. Mặt đất này tôi vẫn còn bước đi được, chỉ khi nào sụp xuống lòng huyết tôi đành chịu. Những xô xao của tình chăn gối êm đêm không bao giờ có thể có. Rồi nàng cũng sẽ lấy một người nào đó, như ông bạn nàng nói chuyện hồi chiều chẳng hạn. Tôi ra cái tích sự gì ? Ân hận đã tới nơi đây, ân hận đã làm phiền muộn người khác. Chúng ta đã muộn màng gặp nhau. Tôi không lý

tưởng, không thánh hóa một cuộc dở dang. Nàng sẽ với nước mắt, tôi biết. Nàng sẽ trở lại cuộc sống bình thường xưa cũ, tôi biết. Tôi như một cơn lốc vậy thôi, sẽ tan và trả cho đời nàng lại những chiều êm gió nhẹ. Sẽ lãng quên. Tôi cũng sẽ lãng quên. Trí nhớ tôi đã vô vọng một mơ ước trở về quê hương xưa ngày hội bình yên. Không còn gì để nói nữa cả. Bởi mọi lời nói đều vô nghĩa. Sao mưa vẫn không tới ? Ngày này tới, nghĩ đến ngày sắp tới và tháng sắp hết năm sắp qua. Bao nỗi thương đau đã chín rĩ nằm dưới đáy những huyết buồn phiền. Sao mưa vẫn chưa tới. Hình như sẽ mưa. Sẽ đỡ hơn. Sao mưa vẫn chưa tới, Bầu trời đầy đặc những đám mây đen kịt. Gió vẫn lặng im. Sao mưa vẫn chưa tới.

Người đàn ông búng mạnh mẩu thuốc tàn xuống dòng nước, đốm sáng

tắt phụt. Gã thở dài bước vào nhà. Một vẻ tội nghiệp nào trong dáng đi. Đèn được tắt. Căn nhà chìm lẫn xuống con kinh, đen ngòm, tối mịt. Những giọt mưa đầu tiên rơi rã rơi lộp độp trên mái tôn. Hình như mưa. Mưa rất lớn.

Xưa, người yêu dấu

Hoàng Xuân Sơn

em nhớ không những chiều xưa bát
ngát

đất giong lời mới trẻ hát tung tăng

và những đêm xưa đuổi bóng trắng
rằm

trên thảm cỏ là cuộc tình rất rộng

tôi đã tắm một dòng sông thơ mộng

thương dòng sông còn chảy suốt
trong đời

tóc liễu bông đong gió mượt lòng tôi
trên phiến đá em ngồi buông chân
trắng

đi trong mắt dáng hiền như chút
nắng

em thơ ngây là mộng của yên bình
tôi chợt như sương trong vườn cỏ
lênh đên

mơ một khoảng da thơm mùi nhân
ái

tôi đã yêu với những tình hoang dại
tay em ngoan đan kết trái tim người
có mai nào chim hót giọng đôi mươi

mùa thu đỏ cây lá sâu cũng chín

(mùa đông những chuyến tàu gửi
theo chất gì âu yếm)

tôi ngẩn ngơ ôm một bóng quê nhà
con chim buồn hót quạnh dưới thêm
ga

tiễn người đi sớm mây trời áo nã

con sông cũ ưu sầu ngày dứt áo
đã cảm cảm ghi mỗi vết chân tràn
em thôi lên bờ cỏ ướt đôi chân
đêm chợt ngủ mang mang từng hồi
đạn...

những năm dài xe lảng về phố quận
trời không mưa cho dậy nhớ trong
đời

đau nồng nàn cơn lửa bỏng đôi môi
đốt sâu tôi qua mấy hoàng hôn chết

trên thảm cỏ là tình tôi vĩnh quyết
ở muôn đời em còn nhớ cho không ?

Nguyễn Tịnh Đông

Hành ca

Đốt mãi đêm dài đêm vẫn xanh

Rừng rừng thương nhớ vọng kinh
thành

Hắt hiu mưa trải lòng trên mái

Gió bụi chùng phai do viễn hành

Đưa tiễn hoài nên không cố nhân

Đường xa quán nhỏ rượu riêng mình

Hồn ta biến động quan san gió
Mà có ai về trong khói xanh

Thì nói làm chi chuyện cố hương
Đêm nay đất khách mai lên đường
Lại vào đất khách rồi chia biệt
Có cố hương nào không cố hương

Và những mùa xuân mây dẫn về
Nghe lùa khắp bãi giá đêm khuya
Buồn che dưới đóa môi hồng phấn
Sông chở mây là vang gió đưa

Thôi hơi lòng ta cơn rã băng

Đòi ra vàng yếu nắng thu tàn
Tịch liêu đã ấp ngời vang vọng
Mai cỏ cây mùa sang vẫn sang

BÓNG XẾ

Ga người neo những khuya tôi
Chắc trong giấc ngủ có lời bi hoan
Trắng tôi vàng lựa đêm trường
Mỗi người sau trước vẫn phường
phố xưa

Cuộc tôi đất thó thua mùa

Ngày phơi cái hạ đêm khuya cánh
trùng

Tay cầu đảo đã lao lung

Tùng chiêu vô cổ chuông rung chiêu
hồn

Tội tình bước ngựa thon von

Quên dùm một thuở dập dờn lửa mê

Bây giờ dỗi vết chân về

Vết ngang địa phủ vết kẻ thiên cung

tô nguyệt diên

CHIỀU SÂU CHIẾN TRẬN

Cũng một buổi chiều

Mưa giăng giăng bên những mộ đá

Người thiếu phụ ưu tư dài

Nghĩa trang buồn lên điệu nhạc bi ai

Một vùng vắng im

Đây đó mây trắng bay...

Rồi mây trắng bay

Người ngủ nằm yên trong một giấc
thương hoài

Hành trang vụng.

Chiều chẵn gầy

Tủi buồn mang ngập lối

Điếu văn trôi lênh đênh từ rừng xanh
và đồng nội

Như thế đã bao lần

Mẹ quê hương nhìn trong nhức nhối
chưa nguôi..

Còn cỏ xanh

Còn nước mắt đầm rơi

Ai viếng mộ cho tím lời đưa tiễn ?

Một lần ấp yêu

Mà thành quên lãng

Thân phận con người viên sỏi nhỏ
ghi danh...

Kẻ chết nằm đây
Những ai cúi đầu
Và còn những ai giấu mặt
Vẫn tiếng thét căm hờn
Vẫn tắc lòng vĩnh biệt
Gió nắng và mây
Chiều sâu chiến trận
Một thuở quay về nghe từng ngón lệ
xanh xao
Buồn im nửa bước theo sầu
Giọt khuya ôm kín con tàu viễn du
Gió nắng và mây
Cơn mê cuồng mưa lũ
Hành trình say bằng tiếng hú rừng

hoang

Chết chóc liên hoan

Bàn thờ hương khói

Mộ trắng bây giờ...

Ghi vội những dòng cay đắng nghĩa
trang !

Vy Nynh

TRÊN LỐI VỀ EM

Anh về với em như con chim trốn
tuyết

xa lánh bão bùng mưa gió ngoài kia

tàu anh nhỏ mà chở đầy ăm ắp

nỗi nhớ thương cùng nỗi đông xa

Nỗi đông xa nỗi đông xa

Hỡi người yêu anh mắt vàng nhưng
nhớ

tóc gỗ mun đốt cháy một phương em

những buổi sáng buổi chiều anh làm
thơ rất khó

bởi tàu lắc lư và bởi nhớ em

bởi đại dương xanh cứ mù mờ chao
đảo như nàng

Anh về với em như con chim trốn
tuyết em biết không

và trong khu vườn cây trái xanh em
đó

em sẽ ru anh ngủ thiếp giấc hương
mê

em sẽ ru anh ngàn đời thay cho sóng
biển

vỗ rì rào quanh mạn, thương ghê

anh về với em như con chim trốn
tuyết

những ngày đông tàu trôi giữa băng
sơn

chợt ý thức phận người như hạt nước
rất đổi li ti cũng rất đổi vô cùng

có khi nào em thấy mình là hạt cát
có xe hoai cũng chỉ uống lâu dài

Mỗi nơi đến là một lần hò hẹn
với tương lai và với hư vô
tàu tách bến cũng là lần hò hẹn
với nếp nhăn trên trán trên da
với tuổi nàng dài chờ mong nước
mắt
với tuổi anh của tuổi chia xa
Anh về với em như con chim trốn
tuyết
cánh mỗi nhìn qua vạm dậm đường
xa
hồn vẫn căng chứa trùng dương bát
ngát
tim giá băng thềm giây phút không
ngờ.

Vương Nguyễn

VỀ MỘT THÀNH PHỐ



Tôi đến với Em như một người tình
không tuổi

Và đang quay mặt phía đằng sau

Những rộng ràng của một buổi chiều
trời mưa ngổ lối

Nhìn thấy tôi rất ngổ ngang.

Tôi nói với Em một vài điều như lời
trăn trối

Ấm ảnh tôi trong suốt cuộc đời ?

Dù một hôm nào cỏ xanh mùa thu
buổi sáng

Thắp một ngọn nến vàng trên mộ

Buổi sáng mùa thu Em đến thăm tôi.

Tôi đi xa Em như chuyến xe đầu đi
xa thành phố

Qua một chiếc cầu buổi sáng tinh
sương

Tôi vẫy chào Em như đưa tay lên
nhìn trời

Buổi chiều hoàng hôn tắt nắng

Một buổi khuya nào tôi đến thăm

Đoàn Băng

TUYỆT VỌNG

Ta muốn ôm tình mình

ngủ bên bờ thiên thu

mà nghe lững thững bước sâu

điêu hồn qua băng dương

Ta muốn ôm bóng nàng

nhảy xuống lòng vực thẳm
một mai đầu thai làm tằm
nhả tơ vàng óng ánh

Cho nàng may áo mới
cười nắng trải đồi chiều
dõi mắt trông chim bay
đan hồn vào viễn xứ

Ta thoát kiếp hai lần
biến thành đá vô tri
ngủ ngàn năm trong rừng
chờ bước nàng hành hương.

Nguyễn Cát Đông

TĨNH TÂM

đi tìm hoài mộ dấu tích xưa
nghe mỗi mòn từng cơn nắng hạ
một ngày nào thuyền lướt qua sông
nhạc vàng bay rập rình sóng vỗ

buổi mai thức dậy ngồi tĩnh tâm
tự hỏi rằng có bao nhiêu phiền nhục
nhân

trên mấy nhánh lá cỏ
có bao nhiêu vĩnh cửu

trên những cuộc tình người

như một quả bóng lên trời

giọt nắng hồng ủ ê nỗi nhớ

ta nhìn người hạnh phúc bay cao

Em mù tằm trên từng dòng ký ức

từ một dốc núi nào

ta về thân thành đá cuội

hát cho hết một khúc tình ca

rồi miệt mài lẫn thân xuống vực.

Hà Nghiêu Bích

THƠ MỪNG SINH NHẬT

Như vậy con đầy một tuổi
bắt đầu buổi sáng hôm nay
cùng lúc tiếng chuông nhà thờ đổ
cùng lúc với tiếng chim hót đầu ngày
và mặt trời thật vô cùng thân mật
trong đôi mắt cha
trong đôi vú thơm mẹ
cha mừng cho con.

như vậy là con đã đầy một tuổi

ba trăm sáu mươi lăm ngày bình yên
trong vòng tay nâng niu của sông
trong nguồn suối máu thịt mẹ
trong hơi thở đầy tràn cảm xúc cha
trong giọng ru hời của đêm mưa
trong hơi ấm áp của ngày nắng
cùng tiếng đại bác thâu đêm
ru cho con từng giấc ngủ tuyệt vời
cha mừng cho con

như vậy là con đã đầy một tuổi
cha sẽ mua cho con thật nhiều đồ
chơi

như con kiki có đôi mắt tròn như
mắt con

như con miumiu có bộ lông mềm
như tóc mẹ

như con ngựa rừng có bốn vó cứng
cáp như chân cha

để con tập làm quen đời sống mẹ cha
phập phồng từng buổi

cha sẽ mua cho con

xe tăng máy bay tàu bò đại bác

(những đồ chơi vô nghĩa trong thời
đại ta)

Để con khỏi ngỡ ngàng như cha

lúc ông nội tập cha gọi tên từng món
đồ

cho mãi đến bây giờ dù đồ chơi đã
quen trò chơi đã thuần thục

như vậy là con đã đầy một tuổi
một tuổi dài hồng hào ước mơ
thắp sáng đời nhục nhằn cha đen tối
mẹ
trong đôi mắt con mặt trời nào vừa
mọc
trên đôi môi con đóa hoa nào vừa nở
trên đôi tay con hy vọng nào vừa
dong buồm
chuyến ra khơi lúc bình minh mới
chớm

như vậy là con đã đầy một tuổi
cha thành thực mừng con
bài thơ mọn.

Hàn Dã Thảo

MỘT NGÀY NÀO

Em có bao nhiêu mùa xuân thay lộc
Bao nhiêu cánh hoa trang điểm đời
mình

Bao nhiêu lá vàng rơi rụng

Có búp non nào trên đọt cây xanh

Em có bao nhiêu mùa hè rực rỡ

Có hạnh phúc nào như phượng nở
trên cây

Áo trắng sân trường có nhìn nhau
bỡ ngỡ

Có lời nào tạm biệt như heo may.

Em có bao nhiêu mùa thu

Bao nhiêu lời thương lời nhớ

Có khi nào giấu hơi thở mình trong
mây

Gởi về phương xa ngàn dặm

(Lời nhớ thương cho một người
tình).

Em có bao nhiêu mùa đông mưa rơi

Những khoảng đời như mây trời
giăng thấp

Và được bao nhiêu làn nước đục

Gởi về tận bể khơi

Nhớ mang theo giùm anh bao lời
nhẫn nhục

Chút lao đao của thân phận đời mình
Chút đốn đau của cha của mẹ
Chút nhục nhằn của chị của anh
Của bạn bè của Việt Nam yêu quý.
Em có bao nhiêu bao nhiêu
Xin vui lòng bỏ hết
Dưới biển dưới hầm trên núi trên
non
Đừng bao giờ nuôi tiếc
Và hãy cất giọng rất cao
Hát đợi chờ một ngày rất mới
Một sớm mai nào
Ta cũng mong lắm em ơi !

Đất hoang

Vũ Thái Hoàn

Cửa tiệm hớt tóc của chú Ba nằm
kề con đường xe lửa nói là cửa
tiệm chứ thực ra, đó chỉ là một túp lều
bằng khung mui xe vận tải bỏ lay lắt
không biết tự bao giờ. Theo sự truyền
tụng của lối xóm thì nơi chú Ba đang
sinh sống là gia tài của một mục điền, Mục
đã bị xe lửa cán đứt làm đôi và được vùi
lấp vùi vã bên đường rầy để sớm chiều
nghe bánh sắt sầm sập rít qua và nghe
thiên hạ bàn tán về mình. Lâu dần rồi

câu chuyện không có gì gọi là lý thú đó cũng chẳng mấy ai còn bận tâm đến nữa.

Ngày chủ mới đến lập nghiệp ở đây, ngôi mộ mộ điền còn nằm chình ình bên đường như một đồng rác. Cả vùng ngoại ô này thừa thớt dăm ba nóc nhà không ra nhà. Từ hồi người Bắc di cư vào, ngôi mộ vô chủ đã bị san bằng để xây cất tu viện. Vùng ngoại ô bãi rác hẻo lánh từ đó cũng trở nên phồn thịnh. Nhà cửa mọc chen chúc theo con đường xe lửa. Chú Ba bỏ cuộc đời hớt tóc dạo để lập nghiệp ở cửa tiệm này. Căn nhà được sửa sang lại, Chú mở thêm chiếc cửa sổ bên hông, và bòn mót đủ thứ tranh ảnh do các nhật trình tặng để dán cùng khắp. Từ những tranh ảnh tuồng cải lương, tranh Tiết Nhơn Quý chinh đông chinh tây cho đến tranh cổ tích, tranh đào kép. Lại có cả một cây đàn guitar cũ trên vách. Tiệm

hớt tóc của chủ tiệm nhiên trở thành trạm thông tin của khu xóm. Người ta đến để đàn hát, để coi nhật trình và để bàn những chuyện thiên hạ sự, từ chuyện Tam Quốc đến những chuyện tranh chấp đánh đấm bên Tây bên Tàu, đủ thứ hết. Thân chủ của chú phần đông là con nít, cứ phải bắt thêm một tấm ván lên ghế mới vừa tầm tay. Mà lũ trẻ thì có khi cả tháng chưa thèm hớt tóc. Chúng chỉ khoái đến nghe chuyện tuồng tích, chuyện bù khú của người lớn.

Một buổi trưa, chú Ba ở ngoài quán cơm về, căn nhà của chú đang bị lũ trẻ chiếm đóng. Trên nóc, hai thằng mãnh con, mỗi đứa đeo một chiếc mặt nạ, một con hổ và một tên mọi da đỏ, mình trần trùng trọc, quần trễ dưới rốn, lưng quần một vòng giấy đỏ, đang nhảy nhót đấu

kiếm. Nhắc thấy chú, thằng đeo mặt hổ hét lên:

– Kìa, chủ tướng ta đã về, ta tha cho mi tội chết.

Và nó co cẳng nhảy xuống đám cỏ. Thằng nhãi mọi da đỏ đứng trên nóc nhà chỉ kiếm xuống :

– Nhà người định phi thân tầu thoát hả ? Xem ta đây.

Nó dang tay nhào theo. Hai đứa lại xông vào giao đấu cho đến khi thằng mặt hổ bị một nhát gươm là chảy máu tay.

– Đ...m, mày, chơi thiệt phải không ?

Thằng kia vác kiếm tầu thoát. Con bé vẫn đứng thui lủi trong bóng mát chạy ra nhìn vết thương nơi tay anh nó rồi bốc cát rắc vào.

Chú Ba khép cửa. Ngã mình trên chiếc giường bố. Chú nằm nghe tiếng động buổi trưa về đùa với bóng gương trên vách. Tấm hình người con gái nằm giữa khoảng ánh sáng chênh vênh cô độc ấy.

Khi chuyển tàu ào ạt kéo về, chú giật mình trở dậy. Toàn thân nhều mồ hôi cứ như ngất ngư muốn đổ xuống. Chú lê đôi guốc lại ghế tìm con dao cạo râu.

Buổi chiều len lén về chiếm dần khu phố nhỏ. Chú ba nhìn lại khuôn mặt mình trong gương và chú thấy bóng thẳng Tâm, tay nó buộc một mảnh vải cũ.

– Hai anh em mà thua mình thẳng Sơn hả mày ?

Thẳng bé vênh mặt lên, hứ một tiếng

:

– Thứ con Thi đó, đàn bà đồ bỏ mà.
Cháu chấp tay đôi chú đầu thềm ăn hiếp.
Thằng Sơn bỏ chạy trước mà.

Nó vỗ tay vào hông :

– Chú thấy không, thứ thằng Sơn đó
bây giờ mười đứa cũng coi như pha.

Chú Ba nhìn thấy khẩu súng gỗ
thằng bé đeo trễ xuống đùi.

– Mày ăn cắp của đứa nào ?

– Đầu có chú. Thằng Minh nó đánh
cá thua cháu mà.

– Cá cái gì ?

– Cá bà Tư bữa nay đấu bò rừng với
ông Tư.

– Sao mày biết ?

Thằng bé nhe hàm răng khắp khểnh, chân răng đầy những vết sâu nám, cười :

– Cháu thấy bà Tư uống rượu ngoài quán mà. Cháu biết bữa nay ông Tư thế nào cũng phải nhịn queo và hai người đánh nhau là cái chắc.

Thím Tư trước đây đi gánh nước thuê. Tuy nhiên, chiếc đòn gánh của thím được xử dụng vào việc quang gánh ít mà dùng để đánh lộn, để làm khí giới dương oai diễn võ thì nhiều. Bởi cái thú tiêu dao của thím là như vậy. Từ ngày lấy chú Tư xe ba gác, thím ít đi gánh thuê hơn là quay về tiêu khiển bằng cách gây lộn với chồng. Người ta chẳng thấy thím làm gì ngoài việc la cà khắp xóm, bao nhiêu tiền chỉ đổ vào việc rượu chè.

Những lần hai vợ chồng đánh nhau, mà tụi con nít thường gọi là đấu bò rừng,

gần như chỉ có một lý do là thím nhậu hết tiền chợ và bắt chồng tuyệt thực. Nếu chú Tư có la lối cần nhằn hay dùng biện pháp mạnh, bộp tai vợ dằm ba cái là thím Tư mở ngay bài học thuộc lòng ra :

– Trời đất quỷ thần ơi, tao không ngờ mày là tên lừa gạt. Mày quyến rũ tao theo màu, lột hết cả lần trong lẫn ngoài, rồi bây giờ mày tính giết tao nữa hay sao đây ? Đồ chó đẻ, tao làm đi không công cho mày cả đời chưa đủ sao.

Chú Tư vẫn điềm nhiên ngồi hút thuốc, nghe vợ chửi như nghe truyền thanh tuồng cải lương vậy thôi. Nếu bà vợ có tấn công leo thang thì chú đành nhảy lên xe ba gác mà lui bình.

Chú Ba vừa liếc con dao vào bàn tay vừa hỏi thẳng Tâm :

– Thế hôm nay hai người có đánh nhau không ?

Thằng bé gật gật cái đầu bù xù và bước vào ngồi xuống chiếc băng kê sát vách :

– Đánh quá cỡ. Mà chú biết sao thằng Minh nó lại cá với cháu không ? Nó thấy chú Tư ăn cơm ngoài quán rồi. Ai dè bữa nay ông nội đó cũng say mềm à.

Nó rút khẩu súng ra bật lách tách, thỉnh thoảng lại nhìn trộm chú Ba một cái. Nó chờ chú cạo râu xong mới đến gần, nói thật nhỏ :

– Chú Ba, hớt dùm cháu cái tóc đi. Mai cháu đi học.

– Mà mà học cái khỉ mẹ gì. Có tiền không ?

– Có. Nhưng cháu múa đàn hết hai đồng rồi, còn có ba đồng.

Chú Ba vừa đứng dậy là nó vác ngay mảnh ván đặt ngang hai tay ghế và nhảy lên ngồi.

– Sao chú không lấy vợ, chú Ba ?

– Mà có lấy không ? Đùng có bấy đặt, mệt quá tổ mẹ.

Thằng bé gạt đầu làm tóc bị đứt, nó nhăn mặt suyt xoa.

– Ngồi im.

– Chú có biết con Tuyết không? Em thằng Minh đó. Cháu lấy là cháu lấy đứa nhỏ chứ sức mấy mà lấy người lớn.

Chú Ba bắt phì cười. Chú giữ chiếc khăn vắt lên thành ghế. Thằng Tâm ngần ngừ quay lại :

– Chú, bơm cho cháu tí dầu thơm nữa đi,

– Ra mua cho tao ba đồng thuốc, mau lên.

Khi thằng Tâm trở lại, không thấy chú Ba đâu nó leo lên ghế, mắt trước mắt sau rồi hôn vào tấm hình cô đào cải lương dán trên vách. Thằng bé làm bộ bật những giây đàn. Âm thanh rì rạc tắt ngấm trong căn nhà chật chội. Không ở lại hỏi chuyện như mọi lần, nó bỏ bốn điều thuốc lên bàn rồi vội vã bỏ chạy theo con đường tàu về phía nghĩa trang. Nó đứng lại nơi cánh cổng sắt bỏ ngỏ, dáo dác tìm lũ trẻ dưới những bóng cây, bên những gò đồng. Cuối cùng nó thấy bụi nây đang lúi húi tận góc nhà thiêu xác. Thằng Tâm nhặt một hòn đá ném lại phía đó rồi núp ngay vào sau một ngôi mộ. Chẳng có đứa nào lên tiếng. Một

tay giữ túi, một tay lăm lăm khẩu súng
gỗ, thẳng bé len lỏi qua những ngôi mộ,
những ụ đất và bò lại gần lũ bạn.

– Ê, tụi bay làm gì đây ?

Thằng Minh đặt ngón tay lên môi
suyt một tiếng rồi lại tiếp tục cúi xuống
loay hoay đào bới. Con Tuyết, thằng Sơn,
còn Thi ngồi yên lặng, tay giữ khư khư
lấy chiếc hộp giấy. Thằng Tâm xà xuống
định mở nắp hộp, nhưng con Thi, em nó
hất tay nó ra :

– Ma đấy.

Thằng Sơn quay lại suyt một tiếng
nữa rồi nói với lũ trẻ, giọng đầy vẻ ng-
hiêm trọng :

– Đến giờ chôn rồi, chúng mày khóc
đi.

Bốn đứa trẻ làm bộ khiêng chiếc hộp bỏ xuống lỗ. Chúng lấp đất, đắp mộ. Con Tuyết đi nhặt những que nhang đốt dở nơi các ngôi mộ chung quanh, đem cắm lên đồng đất. Chúng nhổ cỏ trồng kín rồi kéo nhau về phía lùm cây điệp. Thằng Tâm rút ngay khẩu súng, chặn đường:

– Chúng mày chôn cái gì, không nói tao bắn.

Bốn đứa trẻ nhìn nhau và lại lùi lùi tiến bước. Thằng Tâm, tay bấm cò súng, miệng hô “đoàng” một phát.

– Ê, thằng Sơn chết rồi, sức mấy mà dọt lẹ quá vậy ?

– Không cho thằng Tâm chơi. Nó chơi bắn. Chú Tư chưa có đánh thím Tư nó đã vô mất khẩu súng của tao.

Thằng Sơn hòa theo :

– Ủ, tao mới thấy má tao nói đến câu “đồ chó đẻ, tao làm đi không công cho mày cả đời...”, mới tới đó ba tao đã đạp xe đi rồi.

– Hồi ra của ba mày có nghinh má mày, tao kể như đánh rồi. Tao đếch cần chơi với tụi mày.

Nói rồi, thằng Tâm ngênh ngang, một tay chống vào cạnh sườn, một tay móc trong túi quần ra một gói Ruby, nó đi lại nắm mổ của lũ trẻ, rút que nhang châm thuốc hút. Con Tuyết ở trong lùm bóng cây gọi với ra :

– Tụi tao có xôi, có chuối cơ.

Thằng Tâm lững thững đi lại, hất hàm :

– Tụi mày ăn cấp đồ cúng, ăn ỉa khỏi có ra đi.

– Còn thuốc, bộ mày mua sao ?

Thằng Tâm không trả lời. Nó ngồi xuống cạnh con Tuyết, phun khói vào mặt con bé.

– Cho tao điều.

Ba đứa kia cũng bắt chước con Tuyết, xòe tay ra. Sau một hồi điều đình, chúng nó bằng lòng trao đổi chiến lợi phẩm cho nhau. Thằng Tâm vừa dồn xôi vào miệng, vừa loàm ngoàm :

– Tụi mày biết tao lấy thuốc ở đâu không ? Chú Ba nhờ tao mua ba đồng thuốc, tao ra hàng bà Móm, tao giả vờ làm rơi cho bà ấy cúi xuống nhặt và tao nhón một bao, nhét túi. Ngon lành.

Những con mắt lũ trẻ mở rộng, thán phục cái phát minh mới mẻ của thằng bạn. Thằng Tâm khoái chí cười, ra về

anh chị. Chúng nó chia nhau mỗi đứa một quả chuối rồi bỏ về dần. Thằng Tâm linh ra đường, chờ lũ trẻ đi khuất, nó trở lại nghĩa trang. Tiếng con tàu về. Luồng khói đen chạy dài theo lũy tre, thằng bé nhìn theo con tàu đi vào thành phố. Nấm mộ của chúng còn hương khói, Những dấu chân nhỏ bé còn in trên mặt cát đen, Nó ngồi xuống, nhìn ra cổng lần nữa và moi đồng cát lên. Khi chiếc hộp bắt đầu lộ ra, nó nghe có tiếng chân người lại gần. Thằng bé phúi vội hai tay vào quần, ngồi quay lưng, che lấp đồng cát. Con Tuyết đứng lại, nhìn nó :

– Nó chết chưa?

Thằng Tâm hoàn hồn, trợn mắt nhìn con bé:

– Im. Để moi lên xem. Mà canh chừng tụi nó.

Con Tuyết ngồi xuống bên, hai tay kẹp vào háng:

– Mai tụi nó mới ra.

Thằng bé mở nắp hộp. Một con chuột lớn bằng quả chuối và bốn con chuột con thâm tím nằm bất động chung quanh. Lũ chuột con mắt nhắm nghiền, những đường gân xanh nổi lên sau lớp da mỏng dính. Con bé lấy ngón tay khẽ chọc vào lưng con chuột lớn, chiếc đuôi nó bật lên. Thằng Tâm vội đổ hết lũ chuột xuống lỗ. Lấp đất và lấy chân dận chặt rồi vun cát thành nấm mộ như cũ. Nó lấy cây vẽ lên đó một hình chữ thập.

– Mà đừng có nói với tụi nó nghe không.

Con Tuyết gật đầu. Chúng dắt nhau ngồi trên gò đất sau một thân cây lớn.

Tụi trẻ vẫn thường xây đồn, đắp lũy, dàn trận đánh nhau ở đây. Buổi chiều êm ả theo những đám mây lênh đênh trôi về thành phố. Nghĩa trang giờ này nghe quạnh hiu mênh mông lạ. Chúng nó dấu chiếc hộp vào hốc cây rồi lặng lẽ ra về. Tới cổng, chúng gặp một chiếc xe đi vào. Chiếc xe cũ kỹ không có mui. Trên sàn gỗ tro troi một cỗ quan tài nhỏ. Mảnh chăn nâu phủ bên ngoài đã bạc mầu. Người đàn bà ngồi ủ rũ; hai tay bám lấy chiếc áo quan. Người đàn ông mắt nhìn thẳng, yên lặng ném những tấm lá vàng xuống đường... Gã tài xế tắt máy nơi con đường chính rồi phụ với người đàn ông khiêng chiếc quan tài, chen chân đi vào. Hai đứa trẻ thùng thảng theo sau người đàn bà. Con Tuyết kéo tay thẳng Tâm, thì thầm:

– Họ chôn người hay cái gì thế ? Sao không ai khóc ?

Thằng bé không trả lời. Chúng nó đứng lại trước lỗ huyết đã đào sẵn nhìn người ta hạ quan xuống. Năm mộ được lấp vội vã. Người đàn bà cầm lên đó một nén nhang, đứng nhìn khói nghi ngút bay là đà trên mặt đất. Rồi ba người lại lên xe âm thầm trở về. Hai đứa trẻ nhìn năm mộ một cách tò mò. Thằng Tâm rút mấy que nhang lại cắm trên mộ lỗ chuột. Con Tuyết lẽo đẽo theo sau :

– Chắc họ chôn người thật hả Tâm ?
Còn cái lỗ này để chôn ai.

Thằng bé quay lại :

– Chắc có người sắp chết.

Chúng nó rời nghĩa trang, dắt tay nhau chạy trên hai đường tàu. Tiếng chuông viện tu rơi theo bước chân. Những cánh chim buồn, mang tiếng

hát gọi buổi chiều trở dậy. Khu xóm bắt đầu đi vào sinh hoạt cuối ngày. Con ngõ hẹp bị choán gần hết bởi những hàng quà bánh, phiên chợ của trẻ nhỏ và đàn bà. Hai đứa bé chia tay nhau ở đầu ngõ. Thằng Tâm nhón nhác tìm kiếm. May ra gặp má và em, thế nào nó chẳng được một món bỏ bụng.

Nó đưa tay nắn gói thuốc trong túi. Thèm hút một điếu nhưng lại sợ. Không thấy bóng má đâu, thằng bé lủi thủi về. Nhà nó ở tận cuối ngõ. Căn nhà vách gỗ thùng nằm chênh vênh bên bờ con lạch nhỏ, sinh lầy và hôi thối. Cửa đóng im lìm. Thằng Tâm rút khẩu súng, khom người, dò dẫm lại gần cửa. Nó thoáng nghe có tiếng người. Đúng là tiếng thím Tư với Ba nó :

– Mau đi có mụ ấy về, chờn vờn cà rịch cà tang mãi. Từ nhỏ tới giờ chưa thấy

mấy thứ đó sao mà ham coi quá vậy?

– Yên trí. Thứ đó nghiên cái lương kỹ lắm mà. Nó coi tới chừng đào kếp thay đồ, dọn sân khấu xong mới về. Cái gì cũng phải thùng thảng mới ngon. Làm lẽ ư kệt lắm. Hay còn hẹn với thằng nào.

– Nói bậy tôi bỏ ngang cho mà khóc nghe.

Căn nhà tối mờ. Những tiếng nói nhỏ dần, thằng bé không nghe rõ nữa. Nó lặng lẽ rút lui. Và nó tưởng tượng ra những cảnh nó thường thấy ba má nó làm với nhau..

Đèn ngoài đầu ngõ vừa bật sáng. Những ngọn đèn vàng khè cúi xuống mặt đường nham nhở. Những căn nhà nằm thui lủi trong thứ xáo động chập chờn. Anh em thằng Minh đang nằm dài

trên giường coi đá đẽ. Thằng Tâm lò mò vào, hai tay cặp sau đít:

– Tụi mày đá đẽ què hả ?

Thằng Minh lấy cây tăm chọc vào gáy con đẽ, đem lên miệng thổi phù phù rồi bỏ vào hộp :

– Đẽ què mà ăn đẽ thằng Sơn đó mày. Mày thấy chưa, dữ thần lắm mà. Tao đổi một liều thuốc, chịu không.

– Thứ của mày đồ bỏ.

Con Tuyết đề nghị:

– Cho tụi tao thuốc, mai tụi tao cho đi chôn con đẽ, ha anh Minh.

Thằng Tâm đành nhượng bộ. Rồi chúng nó rủ nhau ra chợ. Con Tuyết kéo áo thằng Tâm :

- Về kêu con Thi đi, Tâm.
- Nó đi coi cái lương với má tao rồi.
- Sao mày không đi ?
- Ham lắm. Để tiền đi coi hát bóng.
Mười đồng hai tuồng coi đã đời.

Nó rút khẩu súng bắn một phát và làm bộ nhảy lên ngựa, phóng đi. Bóng nó in lên lớp bụi mờ còn nồng nực.

*

Hôm sau, lũ trẻ lại bắt đầu cuộc chơi vào lúc buổi chiều đã ngả bóng. Chúng nó bỏ cái hộp quẹt có đựng con dế lên chiếc xe bằng nhựa rồi cột dây kéo ra nghĩa trang. Thằng Sơn chạy đi trước quay lại nói với lũ bạn :

– Tao đi đào lỗ.

Nó cúi nhặt một hòn đá thật to, sắc cạnh, rồi chạy thẳng vào góc có bóng mát, ngay cạnh hàng rào dây kẽm gai. Thằng bé vừa đào đất, vừa ngóng lũ bạn. Bỗng nó nghe “cạch” một tiếng làm nó chối tay, hòn đá rơi xuống. Nó xuýt xoa, lấy tay bôi đất và thấy một chiếc khoen bằng kẽm, to bằng đồng năm cắc. Nó lượm chiếc khoen, nhưng không hiểu bị kẹt cái gì mắc dưới đất, nó đứng lên vẩy lũ bạn :

– Mau lên, chỗ này mắc cái gì cứng ngắc, đào không được.

Thằng Tâm chạy lại, dành lấy cục đá. Nó chột thấy chiếc khoen. nhưng thằng Sơn đã giao hẹn :

– Dang, đứa nào đào được thì lấy.

Và thằng Tâm tiếp tục đập cho tới khi miếng đất phát nổ rung cả khu nghĩa trang, loét ra một lỗ như chiếc nhọt phá mủ. Ba đứa trẻ đến sau cùng bị xô ngã.

Một lát, con Thi lồm cồm ngồi dậy, quần áo tóc tai dính đầy đất. Nó nhìn chung quanh. Tụi bạn vẫn nằm im. Nó chạy lại phía anh nó. Thằng Tâm nằm sòng sượt, hai chân bỏ thõng xuống miệng lỗ. Máu ở mặt, máu ở cổ, máu khắp người. Thằng Sơn nằm sấp, tay vắt lên hàng rào kẽm gai, ruột lòi ra bên hông, trắng hếu, nhầy nhụa.

Con Thi òa lên khóc và cầm đầu chạy cho đến khi ngã chúi vào một ngôi mộ.

Trường giang

Cung Tích Biền

Kỳ 8

Ăn cơm xong, Khuyến nói với Minh :

– Chiều nay anh với em đi tắm sông, em tập anh lái xuống đuôi tôm.. Anh biết lái xuống đuôi tôm không ? Thú lắm. Cứ cho máy nổ hết tốc lực, xuống ngược chiều nước, gió lồng lộng, xuống góc đầu lên. Sướng không thể tả.

Khuyến cởi cả áo may-dô, lấy cái nón lười trai chụp lên đầu, trông ngộ nghĩnh lạ thường, chắc trong hồn chú bé

vui tươi; chú tìm hộp đồ phụ tùng, đi ra khỏi nhà. Minh hỏi :

– Em đi đâu đó. Khuyến, không ngủ trưa à.

– Em đi chùi cái bu di máy, coi sóc lại chiếc xuống để chiều nay tập cho anh phóng chứ

– Để anh ra ngoài đó ngồi coi em sửa xuống.

– Thôi, anh ở nhà đi, để đó em, em tắm sông bây giờ.

Đến bờ sông Khuyến phóng mình xuống nước, bơi vun vút ra giữa giòng, rồi trở lại, leo lên bờ; giữ nước, y như một con trâu tơ hăng máu dễ thương; Khuyến đề nguyên cái quần đùi ướt, nước lấm tấm nơi người, mở thùng đồ phụ tùng, ngồi dưới nắng tháo máy ra

lau chùi. Bến sông vào xế trưa vắng vẻ. Một vài con thuyền lớn trở ngược sông chạy về hướng Tây. Khuyến nói:

– Sao anh không ngủ trưa. Theo ra đây làm gì. Em quen rồi, có thể dầm nước cả ngày. Em thích nước.

Khuyến đưa mắt theo con sông rộng tiếp:

– Ngoài anh có sông man mác thế này không. Sông có chảy qua trước nhà anh không.

– Không có sông chảy ngang qua trước nhà anh, nhưng có sông chảy qua cánh đồng phía xa, dưới chân núi. Sông ngoài quê anh có ngọn cũng rộng tầm tắp như thế này, nhưng ít lắm. Sông phần nhiều chảy ra từ núi, ngoằn ngoèo, nước trong vắt.

– Ngộ há, nước trong vắt thì tắm sướng lắm. Em chưa bao giờ đi miền Trung cả. Nghe người ta nói ngoài đó cảnh trí đẹp lắm, có rừng núi, có tháp Chàm, đẹp hơn trong Nam.

Minh giải thích :

– Mỗi miền có một vẻ đẹp của riêng nó. Miền Nam có cái đẹp trù phú. Miền Trung của anh đẹp thật, nhưng đất đai ít, vườn tược khô khan, thiếu hoa màu cây trái. Núi ăn xuống tận biển. Ven biển, đầy cát, ruộng đồng thường bị nước mặn ngấm quanh năm. Con người ở quê hương anh sống vất vả, tâm hồn họ luôn luôn bị đe dọa bởi thiên tai, đói khát, thêm vào đó là những tai nạn giữa người và người. Em thích ra Trung lắm hả ? Có ngày em sẽ tới. Con trai thời nay, anh nào rồi cũng có một thời làm gã giang hồ, đi đó đây cho thỏa chí. Như anh,

thuở bé anh đâu có ước vọng đi xa khỏi những rặng tre làng. Thế mà bây giờ, anh đã đi cùng tận. Giá quê hương ta còn kéo dài đến Ải Nam Quan biết đâu anh đã đi tới đó. Đi xa bao nhiêu tâm hồn ta càng trù phú bấy nhiêu, suy tưởng giàu có bấy nhiêu, nhưng thêm vào đó, tâm sự người đi nhiều lại càng chênh vênh thăm thẳm. Khuyến thích ra Trung ? Có ngày rồi em sẽ đi tới. Em sẽ được nhìn những ngọn núi u sầu đứng mãi hoài ở phương Tây. Em thấy từng giải đồi với rừng cây có khi đã ngả màu vàng, vào mùa thu. Em thấy con sông trong xanh như sông Hương giang ngồi trên thuyền em có thể nhìn thấy từng cọng rêu xanh dưới đáy nước thấy từng bầy cá đang bay lượn lơ dờ giữa dòng, Hương giang, em sẽ nhìn thấy nó hiền từ đến khó chịu, thâm lắng đến ta phải thốn thức.

Ra Trung, em sẽ đi qua sông Trà Khúc nửa dòng đục nửa dòng trong vắt. Trà Khúc len lỏi với núi, chạy qua đồng bằng hẹp, và đổ ra biển như mọi con sông khác. Hai bên bờ sông Trà Khúc đầy những guồng máy xe nước, chạy rì rào quanh năm; xa xa là những bờ chắn nước giữa giòng, thật minh mang. Sông Đà Rằng nữa, menh mông với hai bờ toàn tre già và bóng dừa tịch mịch. Em sẽ ghé Nha Trang sẽ qua những Đèo Hải Vân, Đèo Cả. Mỗi đèo cao mang một vẻ đẹp huyền bí tuyệt vời. Miền Trung đẹp với từng thời tiết, đẹp đến từng ngọn núi, bóng mây. Nhưng như anh đã nói, nơi non cao đèo thẳm đó, đất trồng trọt lại hẹp, hoa màu xác xơ. Chỉ được cái lòng người dị thường.

– Tại sao sông ngoài đó lại trong vắt há anh?

– Vì tất cả những con sông đó đều chảy ra từ núi, qua các hốc đá; sườn đồi hoang vu. Có khi sông chảy hoài giữa một bãi cát mênh mông thì nước sông không trong vắt sao được. Những con sông trong Nam vì nhiều phù sa, màu mỡ nên đục. Em thích có con sông trong để tắm nhưng em phải nhớ rằng em cần những con sông đục ngầu màu mỡ để sống.

Khuyến vừa trò chuyện vừa sửa xong xuống, tìm một sợi giây giật máy nổ ngon rồi đó, máy tròn vòng rồi đó. Khuyến rồ ga rồi phóng xuống ra ngoài sông rộng, quay một vòng xa rồi trở vào bờ. Tắt máy, Khuyến nói:

– Chưa được bốc, em phải súc bình xăng, anh về thay áo quần đi, tý nữa ra đây, à.. anh biết bơi không.

- Biết, anh biết bơi.
- Thế anh về thay áo quần nhanh lên.

Trở về nhà trong buổi xế chiều vắng lặng, Minh chợt nhận ra nỗi buồn mênh mang đầu đó, ở ngoài chiếc lá, trong nụ hoa xuân, trong giọt nắng; nỗi hiu quạnh đầu đó, trong tiếng động xa vời; giây lát vũ trụ như chìm dần xuống một vực sâu lay động, tất cả nhuộm một màu vàng huyền hoặc băng lạnh. Minh đứng tần ngần ở mái hiên một lát trước khi trở ra sông. Anh nhớ con chim “khách” hay đậu trong bụi trúc trước nhà anh kêu hoài hoài vào buổi xế trưa như thế này.

Khi ngồi vào xuống Minh thấy hồi hộp. Minh vẫn thường đi dò ngang, đã hơn một lần đi dò dọc trong đêm kháng chiến để tránh máy bay Pháp. Nhưng

những lần đó, dò chèo bằng tay, sông hẹp, không phải dò máy và sông thênh thang như bây giờ.

– Nào anh ngồi cho kỹ nhé. Chúng ta đi về hướng Ngã Bảy.

– Dưới ấy không bình yên mà Khuyển?

– Không hề gì, xuống đến vòm sông, cho anh thấy họ treo cờ rồi quay đầu về. Xuống nữa là chết đó, trong bờ không bắn ra thì máy bay cũng bắn xuống.

– Thôi nguy hiểm lắm, anh em mình chạy vòng đây thôi. Đừng đùa.

– Ăn nhằm gì đạo trước có lần em bị cả hai bên mà không sao. Lát nữa anh sẽ thấy cờ treo trên ngọn cau, trong xóm xa, hai bên sông.

Xuống tiến về phía cầu. Bây giờ Minh khám phá rằng xuống càng ra giữa dòng sông rộng, ta thấy tốc độ nó càng chậm. Minh ngồi vào giữa xuống, Khuyến ngồi đằng sau giữ lái máy và tay lái. Khi đến chân cầu, Khuyến cho xuống chạy giữa hai hàng kẽm gai, chiếc cầu in hình dưới đáy sông, cả cái bót gác và anh dân vệ cũng lung linh dưới đó. Khuyến nói :

– Chạy xa chân cầu chứ chạy gần thì chết. Không được dừng lại dưới chân cầu. Súng trên kia kìa. Có lần, một “về” lục bình thật to lớn trôi tấp vào chân cầu. Anh biết sao không ? Các anh dân vệ đã báo động. Súng xả xuống đó. Bắn ới là bắn.

Minh đánh trống lảng :

– Sao em nghỉ học Khuyến ?

– Em có đi học chứ. Trường bị đốt hôm Tết, nay phải nghỉ đó thôi. Có điều, học thì học, em vẫn phải đi làm thêm để giúp mẹ. Em thích sông nước lắm. Mỗi ngày em đi chở lúa cho máy xay. Có khi chở lúa về bị họ chặn lại tịch thu. Cái đó nhà máy chịu, họ phải trả tiền thù lao cho mình.

– Ai đốt trường của em ?

– Cái đó anh biết rồi. Hỏi làm gì. Kìa, tới khoảng sông rộng rồi đó...

Minh đảo mắt ra xa. Sông tắm tấp vẳng về. Hai bên cánh vật thăm lặng tiêu sơ trên cánh đồng, xóm làng lẻ loi. Ít bóng người đi về. Mặt trời ngã xuống xa. Mặt sông lấp lánh màu biếc. Gió mỗi lúc một nhiều. Minh không ngờ trong bước đường lạc loài có những chiều dạo chơi trên sông như thế này. Bà mẹ già và

Khuyến đã mang lại cho Minh niềm an ủi quá lớn.

– Kìa, anh thấy không, cờ đó.

– Thôi, quay về đi chiều quá rồi.

– Chưa, lát nữa, để anh nghe tiếng súng hãy quay về.

– Đừng có đùa với tử thần. Quay về đi.

– Súng bắn xa lắm mà. Họ bắn vu vơ.

Mình nhìn dòng sông quanh. Không một bóng thuyền nào khác. Trên cao, một chiếc L19 bay ra. Thình thoảng một vài tiếng nổ theo hiệu khói của chiếc L19. Vàm Ngã Bảy giống hệt khoảng sông Trà Nhiêu ở Quảng Nam mà chàng đã có lần đi qua nhưng Trà Nhiêu chỉ là ngã ba sông, nước từ Thu Bồn về đây;

lặng lẽ, một phần ra biển, một phần nổi nghiệp trường giang chảy mãi vào vùng An Hòa.

Ngày Minh qua đó, chiều tối mùa đông, mưa mịt mù bốn hướng trời, con sông chìm vào cái khối trắng lòa nhòa, ghe phải bỏ mui kín; Minh ngồi trong khoang, mình vận chiếc áo ấm mà vẫn thấy lạnh; vào đêm, những người đi cùng thuyền đốt lò lửa ngồi quanh nhau, họ chuyện vãn cho qua thời khắc: có người từ Chiến khu tư vào, có người từ vùng Tế vào; tất cả bọn họ là những tung tích bí mật, đối với Minh; mỗi người như tự trùm kín dung nhan mình bằng vô số là huyền thoại, về hành động; lúc đó Minh ngồi thu mình trong áo ấm, bên cạnh cha chàng; cơn mưa đổ rào rạt lên mui ghe, ghe bỗng bênh; ngoài gió xao xác, hú vang trên con sông đêm bí hiểm;

cha chàng ngồi đánh diêm hút thuốc; tráng kiện, bây giờ mỗi lần nhìn ông ta tàn phai da mỗi tóc bạc Minh nhớ lại hình bóng người cha trên chuyến đò xưa, bí mật qua Trà Nhiêu; những năm sau này ông ta thường nhắc lại cái đêm trên sông kia, những lòng đầy ân hận cùng ăn năn; khi gần về sáng những người trong khoang tựa lưng vào thành ghe thiu thiu ngủ, lửa đã tàn trong lò, mấy đóm hồng như con mắt oan khiêng hờn dỗi, gió lạnh vẫn len lén theo nhau vào khoang thuyền; đêm đó, Minh thấy thương cho người lái đò già nua. Ông ta phải ngồi ngoài mui, trời trống, để nhìn thấy mông lưng và thăm dò tin tức ; thỉnh thoảng gã lái đò từ ngoài chui vào khoang nói thì thầm gì đó với hai người lạ mặt (cái ông từ khu Tư và cái ông từ vùng Tề) ; người lái đò cũng cho biết tên mỗi khi ghe qua một làng nào đó ven sông; lần nào chui

vào khoang Minh cũng thấy mặt lão lái đò ướt đầm những mưa, đôi mắt sáng quắc nằm dưới vùng trán rộng, chiếc áo cũng đầm ướt, hai tờ lá che mình tay lão run run đưa vu vơ trên lò than mọn.

Minh thương xót lão ta vô cùng; hình như có một sự gì làm tổn thương tuổi trẻ của chàng lúc bấy giờ; một sự gì làm chàng áy náy muốn cất tiếng; sau cùng một cảm xúc nào đó thật sung mãn tràn ngập trí tuệ của Minh; đến bây giờ, sau nhiều năm trưởng thành, Minh, chính anh không hiểu được tại sao trí nhớ anh minh mẫn, cảm xúc của trẻ nhỏ dào dạt dễ thành sóng cuộn như thế; Minh thấy được nhuộm thắm bởi một cảm giác êm đềm của đêm ra đi kia, một niềm thương cảm lão lái đò, một sự quyến rũ gần như bị kích thích bởi bóng đêm; và quanh quất là tiếng sóng rì rào, gió rì rào, tiếng

mưa đì độp trên mái thuyền tre, tiếng thở khàn của cha chàng, tiếng gõ nhịp cho một bài hát khê của con người bí mật, tiếng đàng hăng thường trực để chống đỡ cái lạnh thống thiết của lão lái đò ngoài khoan, tiếng cọ xát nhẹ nhàng của thành ghe khi phải lướt qua một đám cây ven bờ, tiếng súng xa thật xa, tiếng nước róc rách từng hồi của đứa bé tát nước trong ghe đổ ra ngoài sông, và cuối cùng tiếng nhịp tim đập bất thường vang ra từ trái tim chàng; tất cả âm thanh kia tụ họp lại như một thứ ánh sáng, chiếu rọi vào tâm tưởng Minh bao nhiêu năm về sau này; còn những đường nét nữa, mỗi con người ở đây mang một vóc dáng khác nhau; lão lái đò tóc bạc da nhăn, ông “Khu Tư” thì luôn luôn đăm chiêu, miệng rộng, môi mỏng mà đen, thứ môi của nói nhiều, lơ lửng và xảo quyết, hai con mắt sáng nhưng khi nhìn một sự vật

gì hai con mắt đó chênh chếch nhau, hai con mắt lé ; ông “bí-mật-đến-từ-vùng-Tề” thì có một cái lỗ mũi kết, nghĩa là thứ lỗ mũi nghiêng nhìn vào cái miệng hẹp ; cha chàng thì khác hẳn hai người kia, nhưng cha chàng là thứ người của bên này thế giới, của mặt trái hoạt động, ông ta có một chỗ đứng riêng, hoàn toàn không liên lạc với thế giới hai ông kia.

Chiếc ghe, cái lò sưởi, đứa bé gái đang ngồi múc nước, cái gáo múc nước, đó là những tĩnh vật nơi đây nhưng nó vẫn hiện diện và có hình thái riêng nó, à, còn một cái bếp đun nước của lão lái đò, cái nồi nấu cơm, mấy cái chén, mớ đũa, cái hũ gạo, cái mâm gỗ, một đôi guốc, vài bộ áo quần màu đen, cái chăn, cái gối gỗ, những chiếc lá khô ép vào mui ghe, một mái chèo bằng gỗ gác dọc trong khoang; tất cả những thứ đó hiện diện trong đêm

Trà Nhiêu và có chỗ đứng lâu đời, đặc biệt trong trí chàng; khi trời sáng tỏ, cơn mưa tắt hẳn tiếng rì rào, người lái đò cời cái tơ lá, chui vào khoan, từ từ kéo tấm tre chắn lên, Minh thấy con sông rộng tấm tắc, trời trắng bạch, mây u ám búi ngùi vây bủa, hai bên bờ làng xóm tiêu sơ; ông bố Minh hỏi lão lái đò :

– Đây là đâu ?

Lão lái đò đáp:

– Trà Nhiêu.

– Ủa sao lại chiều hôm qua cũng Trà Nhiêu đi mãi đêm nay, bây giờ cũng Trà Nhiêu.

– Nó là thế đấy, sông rộng, nước triều dâng, gió ngược chiều, ghe thả rong không chèo, nó trôi chậm lắm. Từ đêm qua đến nay biết đâu nó đứng một chỗ.

Suốt ngày hôm đó trời quang mây lạnh, lão lái đò cố gắng chèo, ghe theo Trường Giang, vào vùng Quảng Tín

[Quảng Tín là tỉnh được chính quyền VNCH thành lập, gồm thị xã Tam Kỳ (tỉnh lỵ) và 5 quận là Thăng Bình, Lý Tín, Thuận Đức, Hậu Đức, Hiệp Đức; năm 1976 hợp nhất với các địa phương khác thành Quảng Nam - Đà Nẵng; nay là một phần

của tỉnh Quảng Nam.] bây giờ, tối hôm sau vào Tam Áp, ngày hôm sau nữa Minh theo cha chàng đi bộ qua một bãi cát để vào Quảng Ngãi, bốn ngày sau họ đáp một chuyến tàu hỏa (chỉ có một đầu máy và một goong) tàu chạy suốt đêm vào Bình Định ; Minh nhớ Trà Nhiều lắm, nó thênh thang, ru ngủ chàng những đêm thềm nghe hơi gió của sông và cái lạnh giá buốt của những mùa đông bí mật...

– Anh thờ thần, anh Minh, anh nghĩ ngợi gì quá vậy.

Khuyến đánh thức. Minh bốn chồn:

– Anh nhớ một vòm sông trong trí tưởng. Vòm sông kia trở thành bát ngát. Sông làm ta êm đềm, làm ta buồn nữa.

– Anh mơ mộng quá. Vừa rồi anh có thấy cái vườn hoa bên kia sông không. Đó, anh ngoái nhìn lại phía sau kia. Mùa xuân năm nào, qua đây em cũng thấy vườn hoa đó, không tàn tạ.

– Nhưng chắc trong vườn không còn ai.

– Có lẽ thế, nay nơi đó đã thành vườn hoang với hoa dại. Một rừng hoa dại... à, bây giờ thì anh phải lái xuống chứ. Anh phải lái cho nghề.

Minh ngồi xích lại phía đuôi, Khuyến cho xuống chạy chậm rồi trao cần lái cho Minh. Xuống hơi chao đảo giây lát rồi chạy êm đềm lại. Khuyến nói :

– Ngon rồi, ngày mai anh em ta có thể chở lúa thuê được rồi. Hôm Tết đến nay nhà máy ngưng làm việc. Ngày mai bắt đầu... Ấy chết, anh coi chừng cái chân cầu...

Minh nhanh nhẹn bẻ tay lái, chiếc xuống lao vụt qua, một chân cầu chơ vơ, cầu đã sụp từ khi nào. Nắng chiều vàng, bóng cái chân cầu run rẩy trên mặt nước mênh mang. Khuyến nhìn Minh mỉm cười.

còn nữa

QUẢNG CÁO

Hoàng Hạc

hân hạnh giới thiệu cùng độc giả

ba tác phẩm đặc sắc :

quả bong bóng đỏ

TRUYỆN VÀ HÌNH ẢNH CỦA

ALBERT LAMORISSE

THIÊN NGÀ dịch, VIÊN LINH để
tựa.

Cuốn truyện và cuốn phim đã làm
rung động bao tâm hồn vì vẻ đẹp thần

thoại và biểu tượng thâm trầm của nó. Đó là phép lạ của hồn nhiên và nổi bơ vơ của hạnh phúc. Đó là sự chạy trốn, tan vỡ và bay bổng tuyệt vời của thiên đường tuổi nhỏ. Tác phẩm của tất cả mọi lớp tuổi, gồm 34 tấm hình in Offset màu và đen tuyệt đẹp.

TUYẾT TRÊN
ĐỈNH KILIMANDJARO
VÀ NHỮNG TRUYỆN NGẮN
KHÁC

“Một trong số những truyện ngắn hay nhất được viết trong thế kỷ này.”

Lewis Gannett, The New York Herald Tribune

TẬP TRUYỆN NGẮN THỨ BA
CỦA HEMINGWAY

DO NGUYỄN HỮU HIỆU DỊCH,

Đây là những truyện được coi
như mang nhiều màu sắc triết lý
Hemingway nhất: nỗi ám ảnh của hư
vô, của cái chết và nghiệp dĩ.

Đây là tác phẩm cần cho những ai
muốn sống đời sống của một nghệ sĩ và
đặc biệt, một nhà văn.

* NHÀ SỐNG MỚI TỔNG PHÁT
HÀNH,

TINH HOA VÀ SỰ PHÁT
TRIỂN CỦA ĐẠO PHẬT

CỦA EDWARD CONZE

CHÂN PHÁP NGUYỄN HỮU
HIỆU dịch

Hiện nay không có trong Anh ngữ cũng như trong bất cứ một ngôn ngữ nào một bản trần thuật về Phật giáo vừa hàm súc và đồng thời lại vừa dễ đọc như bản độc giả sẽ tìm thấy trong tác phẩm của bác sĩ Conze.

ARTHUR WALEY, Tựa bản Anh ngữ

Trước hết đây là tác phẩm của một nhà bác học đã dày công nghiên ngẫm kinh văn.... Nhưng cuốn sách này còn là tác phẩm của một người tin phục vào tính cách trọng đại và hữu hiệu của bức thông điệp Phật giáo cho thời hiện đại, Với ông, đạo Phật là một thực tại sống động: những vấn đề ông luận giải là những liên quan tới chúng ta, đó chính là định mệnh chúng ta, những lý do tồn tại của chúng ta.

LOUIS RENOU, Tựa bản Pháp ngữ

Bằng lối suy nghĩ thâm trầm và chín chắn, tác giả không giới thiệu tư tưởng Phật giáo cô thời như là dẫn ta đi vào một bảo tàng viện. Nhưng tất cả những say biệt trong các khuynh hướng tư tưởng Phật giáo, từ tỉnh hoa đến sự phát triển của nó, đều nói lên tất cả khát vọng muôn thừa của con người trước sự thực bị thiết mà luôn luôn con người tìm cách lẩn tránh.

Bản dịch Việt văn này, do Chơn Pháp thực hiện, nằm trong khuôn khổ Tu Thư Viện Đại Học Vạn Hạnh, với mục đích là xây dựng từ nền tảng một nền văn học Phật Giáo Việt Nam sau này, với tất cả sự phong phú về phẩm cũng như về lượng của công việc trước thuật mà mọi người đang mong đợi.

TỶ KHEO THÍCH MINH CHÂU,

Giới thiệu bản dịch Việt ngữ

HOÀNG HẠC ấn hành

TU THƯ ĐẠI HỌC VẠN HẠNH xuất
bản

SỐNG MỚI TỔNG PHÁT HÀNH

ĐẦU NĂM 1970

BAN TU THƯ

VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH

sẽ phát hành ba tác phẩm

PHẬT HỌC QUAN TRỌNG SAU ĐÂY

:

đại thừa và sự liên hệ với tiểu thừa

của NALINAKSHA DUTT

do TT THÍCH MINH CHÂU dịch

tiểu thừa tư tưởng luận

của KIMURA TAIKEN

do TT THÍCH QUẢNG ĐỘ dịch

tinh hoa và sự phát triển của đạo phật

của EDWADR CONZE

do CHÂN PHÁP, NGUYỄN HỮU
HIỆU dịch

TT THÍCH MINH CHÂU giới thiệu

Sau số báo này

Bạn đọc đón mua

KHỞI HÀNH TUYỂN TẬP

MÙA XUÂN CANH TUẤT

phát hành cùng ngày với các Báo Xuân khác (khoảng thứ bảy tuần sau 24-1 tức là 17 tháng chạp ta)

Một thực hiện công phu được khởi sự từ hai tháng trước với bài vở chọn lọc của các nhà văn, thơ tên tuổi :

MAI THẢO * THANH NAM *
DƯƠNG NGHIÊM MẬU * HOÀNG
HẢI THỦY * KIÊM MINH * BÌNH
NGUYỄN LỘC * VÕ PHIẾN * TAM
ÍCH * NHẬT TIẾN * DUY NĂNG *
NGUYỄN ÁI LỮ * TẦN VY * NGUYỄN

THỊ THỤY VŨ * DU TỬ LÊ * PHẠM
 LÊ PHAN * NGUYỄN HỮU HIỆU *
 NGUYỄN NHẬT DUẬT * CAO THOẠI
 CHÂU * HUỲNH PHAN ANH * TUỆ
 MAI * VÕ LAN HÂN * LÊ TẤT ĐIỀU *
 HOÀNG NGỌC LIÊN * ĐẶNG TRẦN
 HUÂN * LÝ HOÀNG PHONG * TÚ
 KẾ * TẠ TỶ * NGUYỄN THỤY LONG
 * ĐẶNG ĐÌNH TÔNG * NGUYỄN NGŨ *
 TỪ THẾ MỘNG * TỪ KẾ TƯỜNG * NG.
 TÔN NHAN * ĐẶNG TẤN TỚI * NG
 BẮC SƠN * VIÊN LINH * ANH VIỆT
 TRẦN VĂN TRỌNG – MINH HỌA:
 NGUYỄN HẢI CHÍ * LƯU HUỲNH
 TRUYỀN...

* một số báo khổng lồ * những cây
 bút tên tuổi * một giai phẩm mà bạn phải
 có.

